



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 548-4148 / (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com

Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Trị sự: ĐĐ. Thích Huệ Cảnh
Thư ký: ĐĐ. Thích Đồng Thiện
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh

Chủ bút: **Vĩnh Hào**
Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**
Hình bìa: **Hồ Bích Hợp**

LIÊN LẠC:

- Bài vở: baivochanhphap@gmail.com
- Quảng cáo/Phát hành: **(714) 638-0989**

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.net
www.chanhphap.org
www.chanhphap.us

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ♦ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- ♦ **THƯ MỜI ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PL. 2561 - 2017** (HT. Thích Thiện Long), trang 7
- ♦ **XÂY DỰNG HẠNH PHÚC GIA ĐÌNH** tt. (HT. Thích Thắng Hoan), trang 8
- ♦ **THỜI TIẾT ĐẦU NĂM** (thơ ĐNT Tín Nghĩa), trang 9
- ♦ **ĐÔI NÉT VỀ PHẬT GIÁO NHẬP THẾ TRONG KINH DUY-MÁ-CẬT** (Thích Tâm Tiến), trang 11
- ♦ **PHÁP ÂM ĐỒNG VỌNG** (Thích Phước Sơn), trang 14
- ♦ **HẠNH NGUYỆN** (Tịnh Minh), trang 16
- ♦ **TÂM THƯ VẬN ĐỘNG MUA CƠ SỞ MỚI LÂM CHÙA BẮT NHẢ** (HT. Thích Nguyên Trí) 17
- ♦ **NHỮNG VẦN THƠ KÍNH NHỚ ÔN GIÀ-LAM** (thơ Nguyễn Hồng / Tâm Tấn), tr. 18
- ♦ **KHÁI LUẬN VỀ LÝ HỆ QUẢ** (Phước Nguyên), trang 19
- ♦ **MƯA TRÊN THUNG LŨNG, QUA THUNG LŨNG CŨ, CỎ HƯƠNG** (thơ Nguyễn Đức Sơn), trang 21
- ♦ **THÔNG BẠCH SỐ 2 - VỀ KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ** (Thích Nữ Nguyên Thiện), tr. 22
- ♦ **TINH KHIẾT NHƯ HOA SEN** (Thích Nữ Hạnh Tâm), trang 24
- ♦ **GÁC KIẾM** (thơ Tánh Thiện), trang 26
- ♦ **THÔNG TƯ VỀ CÁC PHẬT SỰ QUAN TRỌNG NĂM 2017** (HĐĐH GHPGVNT-NHK), trang 27
- ♦ **ROBERT CHALMERS** (HT. Thích Trí Chơn), trang 28
- ♦ **KIỆP DẪ TRĂNG** (Toại Khanh), trang 30
- ♦ **BA PHÁP QUY Y – Phật Pháp thứ Năm** (Nhóm Áo Lam), trang 31
- ♦ **ÁI NGŨ – Câu chuyện dưới cờ** (Thị Ngộ Nguyễn Đình Khôi), trang 32
- ♦ **ĐỪNG XA NHAU NỮA** (Trần Trung Đạo), trang 33
- ♦ **ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI NHO HỌC ĐỘC TÔN**, t.t. (Nguyễn Lang), trang 35
- ♦ **CÀ PHÊ VÀ THIÊN** (Nguyễn Giác), tr. 39
- ♦ **GIÁC MƠ EM NHỎ CHÂU PHI, GIÁC MƠ EM NHỎ VIỆT NAM** (thơ NT Khánh Minh), trang 41
- ♦ **PHIẾU GHI DANH THAM DỰ KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ**, tr. 44
- ♦ **PHIẾU BẢO TRỢ QUỸ CHUYÊN PHÁP LUÂN - YẾM TRỢ KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ**, tr. 45
- ♦ **PHẬT GIÁO ĐẠI THỪA VÀ NHÂN QUỲN**, t.t. (Nguyễn Hiệp dịch), tr. 47
- ♦ **ĐÊM VÀ HOA QUỲNH** (thơ Huệ Trân), trang 51
- ♦ **LÁ XA MÙA** (Hạnh Chi), trang 52
- ♦ **THỜ CHÁNH NIỆM** (thơ Kiều Mộng Hà), trang 53
- ♦ **HIỆN TƯỢNG CHỆCH MÚI GIỜ** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 54
- ♦ **TRUYỆN NGẮN 108 CHỮ** (Steven N.), trang 56
- ♦ **NẤU CHAY: BÚN RIÊU CHAY** (G. Phụng), trang 57
- ♦ **CHẾ NGŨ CON MA** (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 58
- ♦ **NGHIÊN CỨU MỚI VỀ SỰ LIÊN HỆ GIỮA VIỆC TIÊU THỤ ĐÀU NÀNH VỚI BỆNH UNG THƯ VÚ** (Tâm Linh - Tịnh Thủy dịch), trang 59
- ♦ **HẬU SINH, LẠNG, NGHE CHUÔNG THIÊN MỤ...** (thơ TK Vĩnh Hữu), tr. 60
- ♦ **ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN SẮP DIỄN RA TẠI LITTLE SAIGON** (Nguyễn Huy), tr. 61
- ♦ **CÔNG ĐỨC SÁM HỐI** (Thích Minh Chiếu soạn), trang 62
- ♦ **MÀU DA ĐEN** (thơ Tâm Cảnh Nguyễn Ngọc Cảnh), trang 63
- ♦ **SỰ HUYNH** (Nhã Tâm), trang 64
- ♦ **STORY OF LALUDAYI** (Daw Mya Tin), trang 65
- ♦ **BA HAY ĐỎ RÁC** (Tâm Thường Định), trang 66
- ♦ **THƯ MỜI THỌ THẬP THIÊN VÀ BÒ TÁT GIỚI** (TN Giới Hương), trang 67
- ♦ **VỀ ĐÀU, NGUYỄN CẦU, SÁNG THỨC DẬY** (thơ Diệu Viên), trang 68
- ♦ **DANH SÁCH ĐÓNG GÓP CỨU TRỢ NAN NHÂN LŨ LỤT MIỀN TRUNG** (TV Từ Thiện Xã Hội), trang 69
- ♦ **HÀNH TRÌNH THƯƠNG VỀ MIỀN TRUNG** (HT. Thích Thông Hải tường thuật), trang 71
- ♦ **PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG – chương 14**, t.t. (Vĩnh Hào), trang 74

Báo Chánh Pháp số 65, tháng 04.2017, do Chùa Phật Tổ (Long Beach, CA) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

THÁNG TƯ NHỚ NHÀ

Đọc suốt hai bên xa lộ, trên những cánh đồng hoang, trên những triền núi đổ xuống thung lũng, và đây đó nơi những khu vườn nhỏ nép bên đường, hoa bướm, cúc dại, cúc vạn thọ, cho đến thủy tiên vàng, và nhiều loài hoa dại khác đã cùng trở sắc vươn lên, chào đón mùa xuân mới. Từ vệ đường, vươn khỏi những ngọn lá cỏ xanh mướt là những cánh hoa vàng, đặc biệt là bồ-công-anh, như hàng triệu mặt trời nhỏ, tủa cánh mạnh mẽ, vàng rực, sáng cả một vùng trời đất. Nắng ấm mùa xuân tưởng chừng như tô thêm sắc vàng óng ả cho muôn hoa. Xuân trên đồng hoang, hoa vàng, hoa trắng trải dài bất tận. (*)

Lòng bình yên, vô sự, không gì thôi thúc nơi chốn về. Dừng xe bên đường, nơi doi đất nhô ra biển, tận hưởng vẻ phong quang tươi nhuận của mùa mới. Những cây bồ-công-anh trở hoa từ tháng trước nay đã trở trái cầu trắng, mọc tràn lên mép đường gần bãi đậu xe. Gió biển lồng lộng thổi vào từ khơi xa, lùa những hạt mầm màu nâu với đôi cánh trắng như thiên thần, mang đi. Các thiên thần mỏng mảnh từ đất hóa sinh, lơ lửng bay theo gió rồi đáp vu vơ đầu đó trên các triền đồi.

Tháng Tư đã về. Đứng nơi bờ đông, nhớ bờ tây biển Thái Bình.

Bờ tây, tháng Tư năm ấy, đã có những cuộc di tản vĩ đại. Gia đình ông-bà cha-mẹ, vợ-chồng, con-cái, hốt hắt hải, dắt díu nhau, tuân theo dòng người hỗn loạn. Lên tàu, xuống ghe, đập máy bay, đón xe đò, thậm chí bằng xe máy ba bánh, hai bánh, xe đạp, và chạy bộ, chỉ mong ra khỏi nơi chôn nhau cắt rốn, nơi có mồ mã và bàn thờ tổ-tiên. Lo sợ gì đây? Giặc ngoài xâm lăng hay giặc cướp vào lòng đốt phá mà phải rừng chạy kinh hoàng?

Bờ tây, biển ấy, từ tháng Tư năm đó, đã có những cuộc ra đi trong đêm, không hẹn ngày về. Cha già đột thuốc trầm tư. Mẹ hiền chấp tay nguyện cầu. Ngày tháng mất tên, mất dấu. Đại dương một màu đen ngịt, làm năm mỗ vô chủ bao la nuốt chửng những oan hồn bơ vơ tuyệt vọng.

Bờ tây, dải đất ấy, có những ngôi nhà xưa với người mới, con đường cũ thay tên, người thân quen ngày một thưa thớt, ra đường ại cũng là khách lạ, cúi mặt không dám nhìn nhau. Trời vẫn xanh như xưa, đất vẫn vàng như xưa, mà mắt người sao chỉ nhìn ra màu tằm tối.

Trên đất ấy, từ ngày tháng này năm ấy, bỗng xuất hiện hàng loạt những kẻ vong thân, không còn biết hay nhớ nguồn cội và căn tính của mình; rồi những kẻ này lại sản sinh hàng loạt những kẻ sắt đá vô cảm, đặt lên những bệ cao của thang bậc cuộc đời. Buông cuộc cầm cân, chân lấm lên bàn khuà mệnh lệnh. Tham lam. Kiêu hãnh. Mặc nhiên tọa hưởng những phúc lợi không giới hạn, vượt khỏi tầm ước mơ nhỏ bé của hàng triệu người chung quanh.

Ồi, ước mơ của những người cùng đinh đối khổ! Ước mơ gì? Hạt gạo, củ khoai, miếng vải nhỏ đủ che thân đứa con thơ dại. Lang thang tìm việc, bỏ bút cầm rựa, lên rừng tìm miếng ăn, mắt mờ đục, ngày cũng như đêm, không còn nhìn thấy gì ngoài vực thẳm tối đen.

Rồi có những thiên sư từ ngày tháng năm ấy, trong đại định mà cảm nhận được nỗi thống khổ của sinh dân... xếp bồ-đoàn, cắt mỡ chuông, lẳng lẽ đi vào dòng đời uế tạp: hòa nỗi đau với người đối khổ, chia nỗi nhọc với kẻ trắng tay. Tường rêu gỗ nhíp (**), kẻ sĩ trầm ngâm, nghe sâu tiếng khóc quê hương vắng theo tiếng khua xiềng xích lao tù. Những giọt lệ mặn của bao sinh linh rơi dài và khô nhanh dưới trời hồng. Vị mặn của đại dương thì giống, dung tích của đại dương có thể so, nhưng làm sao đo lường được nỗi thống khổ và uất hận triền miên của bao lớp người, bao thế hệ già-trẻ đã thay nhau đứng dậy, thay nhau nằm xuống, những mong bồi đắp cho ước vọng an vui, thanh bình của người sau.

Suốt mười năm, hai mươi năm, ba mươi cho đến bốn mươi năm như thế... bờ tây ấy, bãi biển kia, vẫn là bãi bờ nuôi dưỡng bao đời sống của con dân da vàng, từ thôn quê đến thành thị, từ ruộng nương ra ngư trường, nhưng đất càng lúc càng đen, biển mỗi ngày mỗi đỏ, đồng bằng khô cháy, cá chết giạt bờ, mù mịt khói bụi lấp cả mây xanh. Đất trời mệnh mông mà nay sao chật hẹp, còn lối nào để đi, còn hơi nào để thở! Từng đêm chong mắt nhìn tận chân trời góc bể, nhìn nước non xa khơi nghìn trùng. Ồi, nước còn hay mất mà lòng đau như kẻ vong quốc, vong gia!

Tháng Tư, nhớ nhà. Nhớ con đường mẹ dẫn con đi đến trường mẫu giáo ẻ a học văn. Nhớ con đường mẹ đưa con lên ngôi chùa trên đồi cao có quả chuông thật lớn. Trường kia không còn. Chùa xưa, lầu chuông gác trống, cũng đã thay áo mới, mất rồi vẻ phong rêu. Nhưng chuông thì còn trên đồi cao ấy; ngày đêm vẫn từng hồi vọng tiếng ngân dài đến nhân sinh.

Tháng Tư, đã hơn bốn mươi năm, qua rồi những hoài vọng một thời tuổi trẻ như hải triều cuộn cuộn chồm tới mây xanh. Giờ này, đứng đây, nơi bờ đông ngóng mắt xa nhìn bờ tây. Tóc phai như những quả cầu trắng, chen giữa rừng hoa bồ-công-anh vàng rực, bạt ngàn. Gửi ước nguyện Thái Bình theo những cánh thiên thần nhỏ, bay đi, bay đi...

California, tháng Tư năm 2017

VĨNH HẢO

(www.vinhhao.net)

(*) Các loài hoa trong bài: hoa bướm (pansy), cúc dại (daisy), cúc vạn thọ (marigold), thủy tiên vàng (daffodil), bồ-công-anh (dandelion) đều là những hoa nở vào mùa xuân, từ giữa tháng 3 đến giữa tháng 4 dương lịch tại miền nhiệt đới California, Hoa Kỳ. Hoa bồ-công-anh tủa cánh vàng rực, khi hoa tàn, kết thành một trái cầu với nhiều cánh trắng, mỗi cánh mang đi một hạt mầm, bay theo gió, gieo khắp nơi.

(**) "Ngón tay nào gỗ nhíp xuống tường rêu" (Tô Văn Dội, thơ Tuệ Sỹ).



TRỞ VỀ MỤC LỤC

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

THÁI LAN: Na Uy mang Kinh Tam Tạng cổ đến Thái Lan

Kinh Tam Tạng 2,000 năm tuổi đã được Học viện Bảo tồn Schoyen của Na Uy tặng Vương quốc Thái Lan và được tôn trí tại Chùa Saket ở Bangkok vào ngày 17-2-1027.

Omsin Chiwaphruek, Bộ trưởng thuộc Văn phòng Thủ tướng, đã chủ trì buổi lễ với sự hiện diện của Đại sứ Na Uy tại Thái Lan Kjetil Paulsen cùng các đại diện của Học viện Bảo tồn và sư trụ trì Chùa Saket.

Giám đốc Văn phòng Phật giáo Quốc gia Phanom Sornsin giải thích rằng Kinh Tam Tạng có nội dung được viết trên lá cọ đã được tìm thấy trên những ngọn núi của Bamiyan tại Afghanistan bởi Học viện Schoyen.

Ông cũng cho biết học viện Na Uy này đã mua Tam Tạng Kinh nói trên từ một thương gia người Anh và quyết định trao nó cho Thái Lan, nhằm thắt chặt mối quan hệ giữa 2 nước cũng như để bảo tồn di tích Phật giáo.

(tipitaka.net – February 22, 2017)



Lễ trao tặng Kinh Tam Tạng từ Na Uy cho Thái Lan—Photo: Pattaya Mail

NHẬT BẢN: Chụp CT scan tượng Phật cổ Ashura

Dazaifu, Fukuoka – Phương pháp chụp CT scan pho tượng Ashura, một trong những tác phẩm của nghệ thuật Phật giáo cổ xưa nhất tại Nhật Bản, phát lộ những phần sửa chữa và hư hại của tượng này. Kết quả đó cung cấp một cái nhìn mới về vị trí nguyên thủy của những cánh tay của pho tượng.

Tượng 3 đầu 6 tay Ashura thuộc quyền sở hữu của Chùa Kofukuji ở Nara trong hơn 1,300 năm và đã được chính phủ chỉ định là một quốc bảo.

Một đội chuyên gia, bao gồm các nhà

nghiên cứu từ Bảo tàng Quốc gia Kyushu, đã trải qua 7 năm phân tích hình ảnh CT của tượng Ashura. Các hình ảnh cho thấy chi tiết của công việc sửa chữa vào thời Minh Trị (1868-1912) với việc nối lại các cánh tay, và cung cấp manh mối cho hình dạng nguyên thủy của tượng – vốn là một chủ đề của nhiều cuộc tranh luận trong những năm qua.

(Asahi Shimbun – February 22, 2017)



Các nhà nghiên cứu chụp CT scan tượng Ashura
Photo: Asahi Shimbun

ĐÀI LOAN: Sự tiến bộ của Hội Từ Tế là niềm vui đối với người sáng lập hội

Hoa Liên, Đài Loan – Ngày 21-2-2017, trải qua một cuộc phỏng vấn hiếm hoi dành cho 18 nhà báo từ Mã Lai, Indonesia và Hong Kong, Ni sư Cheng Yen phát biểu rằng, "Tôi rất biết ơn khi mình có thể chứng kiến Hội Từ Tế hiện tại. Thật không dễ dàng đối với tất cả hội viên Từ Tế để đạt được những thành tựu này."

Vị lãnh đạo 81 tuổi hài lòng với những gì mà tổ chức từ thiện Phật giáo Từ Tế do bà sáng lập cách đây 51 năm đã đạt được.

Từ Tế hoạt động theo giáo lý của Đức Phật với sự nhấn mạnh về tình thương và lòng tốt của con người. Hội này nổi tiếng với các công tác cứu trợ thảm họa quốc tế hiệu quả tại hơn 30 nước. Hội cũng mở rộng công tác từ thiện đến những vùng xa và các trại tị nạn bằng tiền mặt và phân phối thực phẩm, cũng như thành lập các trạm y tế, trường học, thánh đường và nhà thờ Hồi giáo tại các khu vực nghèo.

(The Star Online – February 23, 2017)



Ni sư Cheng Yen của Hội Từ Tế trong buổi phỏng vấn của nhóm nhà báo nước ngoài tại Hoa Liên, Đài loan—Photo: Ho Wah Foon

VƯƠNG QUỐC ANH: Trường Nghệ thuật Truyền thống Prince triển lãm Mộc bản Phật giáo Truyền thống Trung Hoa

Từ ngày 16 đến 24-2-2017, Trường Nghệ thuật Truyền thống Prince đã tổ chức một cuộc triển lãm về nghệ thuật mộc bản Trung Hoa cổ đại. Triển lãm trưng bày một loạt các bản in lịch sử và nghệ thuật nổi tiếng, bao gồm cuốn sách in Kinh Kim Cang Trung Hoa cổ xưa nhất thế giới – cổ niên đại từ năm 868. Cuốn kinh này do Sir Marc Aurel Stein phát hiện vào năm 1907 tại Hang Mạc Cao ở Đôn Hoàng, Trung Quốc và hiện đang thuộc quyền sở hữu của Bảo tàng Anh Quốc.

In mộc bản có liên quan mật thiết với sự truyền bá đạo Phật trên khắp Đông Á, khi Phật giáo khuyến khích sự truyền bá sự hấp dẫn và những kinh điển của tôn giáo này. Kinh Tam Tạng Triều Tiên được khắc trên 81,258 mộc bản vào thế kỷ 13, là phiên bản nguyên vẹn dài nhất và cổ xưa nhất trên thế giới của kinh điển Phật giáo Trung Hoa. Những mộc bản này vẫn ở trong tình trạng tuyệt vời trong hơn 750 năm và đã trích từ các phiên bản trước đó của Bắc Tống Trung Hoa, Khiết Đan và Cao Ly.

(Buddhistdoor Global – February 24, 2017)



*Trang bìa của Kinh Kim Cang Trung Hoa
Photo:wikipedia.org*

ẤN ĐỘ: Hội nghị Phật giáo Quốc tế tại thành phố Hyderabad, bang Telangana

Hội nghị Phật giáo Quốc tế 2-ngày về “Lễ kỷ niệm toàn cầu của Di sản Phật giáo tại Telangana” do Dự án Buddhavanam và Cục Du lịch Telangana tổ chức vào ngày 23-2-2017 tại thành phố Hyderabad, bang Telangana. Trước khi diễn ra hội nghị, chư tăng đã cùng cầu nguyện tại tượng Phật ở khu Tank Bund.

Nhiều học giả Phật giáo từ Ấn Độ và nước ngoài đã tham gia sự kiện này, với khoảng 63 đại biểu thuộc 15 quốc gia dự các cuộc hội thảo.

Nhiều cuộc triển lãm khác nhau đã được tổ chức, bao gồm một triển lãm ảnh về các di tích Phật giáo và các cuộc khai quật bởi cục khảo cổ, một triển lãm sách về văn học Phật giáo, triển lãm đồ thủ công mỹ nghệ - khai mạc vào ngày 23-2. Mục đích tổ chức các cuộc triển lãm là để giới thiệu với các đại biểu về nền văn hóa và văn học Phật giáo của bang Telangana.

(tipitaka.net – February 28, 2017)



Chư tăng dự Hội nghị Phật giáo Quốc tế tại Hyderabad, Telangana (Ấn Độ)—Photo: NSS

TÂY TẠNG: Nhà sư hoạt động vì sự cân bằng sinh thái trên Hi Mã Lạp Sơn

Thượng tọa Drukyab, một nhà sư Tây Tạng, đi khắp dãy Hi Mã Lạp Sơn để lập tài liệu về loài báo tuyết cũng như về hệ động vật và thực vật trong vùng nhằm nâng cao nhận thức về những mối đe dọa đối với sự cân bằng sinh thái mong manh tại đây.

Sư Drukyab cũng là một nhà nhiếp ảnh, nhà làm phim, nhà hoạt động môi trường, nhà sinh vật học, nhân chủng học, thực vật học và động vật học nghiệp dư.

Là tăng sĩ, sinh hoạt hàng ngày của ông bắt đầu bằng những nghi thức tu viện Tây Tạng điển hình, bao gồm kinh điển Phật giáo, trước khi ông lên đường để thu thập và lập danh mục một cách toàn diện hệ thực vật và động vật của Tây Tạng.

Thượng tọa Drukyab kiên trì với quyết tâm của mình rằng: với sự giúp đỡ của công nghệ hiện đại, ông có thể chứng minh cho thế giới thấy vì sao hệ sinh thái của Tây Tạng đáng được bảo vệ.

(Buddhistdoor Global – March 1, 2017)



Sư Drukyab quan sát sườn núi để tìm động vật hoang dã—Photo: sixthtone.com

BANGLADESH: Khánh thành bảo tháp tưởng niệm học giả Phật giáo Atish

Dhaka, Bangladesh – Phật tử tại Bangladesh rất tự hào khi một bảo tháp mới đã được xây xong để làm nơi lưu giữ các xá lợi linh thiêng và tôn vinh một vị học giả Phật giáo cổ đại.

Một phần của bảo tháp này dành cho việc tưởng nhớ và tôn vinh học giả Phật giáo Atish Dipankar Srijnan, sinh năm 980 và mất năm 1053 sau Công nguyên, với điện thờ được khánh thành tại sinh quán của ông ở Bangladesh.

Tục danh là Chandragarbha, học giả Atish sinh ra trong một gia đình hoàng gia tại làng Vajrayogini ở ngoại ô của thủ đô Dhaka.

Đài tưởng niệm mới xây này dành cho vị thánh và triết gia Atish - người nổi tiếng trong lịch sử về tính cách độc đáo, sự uyên bác, biểu tượng về học thuật và sự ưu việt tâm linh - đã mở cửa cho công chúng vào ngày 28-2-2017.

(Big News Network – March 2, 2017)



*Học giả Phật giáo Atish Dipankar Srijnan
Photo: orkut.google.com*

ÚC ĐẠI LỢI; Trường Phật giáo Sydney tài trợ dự án nhân đạo bằng chương trình giảng dạy

Trường Đạo hữu Phật giáo (PBS), một trường trung học Phật giáo tại Sydney, Úc, đang làm việc với tổ chức Giảng dạy Vì Hòa bình (Teach4Peace), một tổ chức phục vụ giảng dạy phi lợi nhuận, để "tặng món quà giáo dục cho trẻ em của trường tiểu học Prey Thom tại Cam Bốt".

Các thầy dạy kèm làm việc vì lợi ích cộng

đồng cho sáng kiến này, và dự án được tài trợ bởi một sự kết hợp của học phí và các đợt vận động đóng góp. Các khoản quỹ được dùng để mua tài liệu giáo dục cho trường Prey Thom.

Chương trình Giảng dạy Vì Hòa bình của PBS được phối hợp với dự án thuộc Thư viện Cam Bốt, một tổ chức giáo dục phi lợi nhuận có trụ sở tại Sydney.

Thành lập vào năm 2013, PBS là một ngôi trường phi lợi nhuận có mục đích cung cấp một tiêu chuẩn giáo dục cao cho cộng đồng tị nạn Á châu trong khi thu hút học viên từ khu vực Sydney lớn hơn và từ khắp thế giới. Mặc dù giảng dạy các giá trị Phật giáo như lòng tốt, lòng từ bi và đức hạnh, PBS lại là một ngôi trường thế tục hợp pháp.

(Buddhistdoor Global – March 3, 2017)



*Học sinh trường tiểu học Prey Thom tại Cam Bốt và biểu trưng của Chương trình Giảng dạy Vì Hòa bình của Trường Đạo hữu Phật giáo (PBS)
Photo: Teach4Peace Facebook*

ẤN ĐỘ: Mạng mạch Phật giáo bang Odisha sẽ sớm khởi sắc

Bhuabaneswar – Với ngành du lịch tôn giáo đang là lĩnh vực tập trung theo kế hoạch Swadesh Darshan của Chính quyền Trung ương, Bang Odisha bây giờ đã quyết định đổi mới Mạng mạch Phật giáo của mình.

Ngày 3-3-2017, thông báo điều này tại hội nghị du lịch quốc tế 3-ngày ở Học viện Quản lý Du lịch và Lễ hành Ấn Độ (IITM), Cục trưởng Du lịch Ashok Panda nói rằng do sự kết nối hàng không với Kuala Lumpur (Mã Lai) đã được thiết lập, cục sẽ tập trung vào việc thu hút thêm du khách Phật giáo từ các nước Nam Á và Đông Nam Á đến Odisha. "Chúng tôi sẽ tổ chức những buổi hướng dẫn lộ trình tại các nước này trong năm nay", ông nói.

Ngoài ra, Cục Du lịch đã đề xuất một dự án 1 tỉ Rupee cho việc phát triển Mạng mạch Phật giáo của Odisha theo kế hoạch của Trung ương.

Các di tích Phật giáo của Odisha có niên đại từ đầu thế kỷ thứ 6 trước Công nguyên. Bang này cũng là một vùng tu tập của Phật giáo Kim Cương Thừa.

(Express News Service – March 4, 2017)



*Di tích Phật giáo tại bang Odisha, Ấn Độ
Photos: oxfordpoetryelction.co & kaliga Buddha*

MIẾN ĐIỆN: Kỷ niệm năm thứ 2,065 Lễ hội Buddha Puzaniya của Chùa Shwedagon

Ngày 3-3-2017, lễ kỷ niệm năm thứ 2,065 Lễ hội Buddha Puzaniya của Chùa Shwedagon đã diễn ra tại bản tự. Các ủy viên của chùa và các nhóm tôn giáo đã tổ chức lễ rước 28 tượng Phật.

Trong lễ khai mạc tại Hội trường Chanthargyi, chủ tịch Ủy ban Trung ương U Maung Maung Soe đã có một bài phát biểu tốt đẹp. Sau đó chư vị cao tăng từ các tu viện nổi tiếng cùng Phật tử thập nền cho ngôi chùa để bắt đầu lễ hội Tabaung.

Các thành viên của Hội đồng Trị sự chùa đã cúng dường vật phẩm đến tất cả các vị cao tăng. Tại 4 cổng của chùa Shwedagon, chư cao tăng và Phật tử cùng đọc kinh tôn vinh Đức Phật.

Sau đó, chư tăng tập trung tại chánh điện và tụng niệm giáo lý nhà Phật. Phần tụng niệm không-ngừng dài 216 giờ này của 120 nhà sư từ các tu viện sẽ kéo dài từ ngày 3 đến 12-3 (ngày trăng tròn của tháng Tabaung).

(The Global New Light of Myanmar – March 4, 2017)



*Quang cảnh lễ khai mạc Lễ hội Buddha Puzaniya lần thứ 2,065 của Chùa Shwedagon, Miến Điện—
Photo: The Global New Light of Myanmar*

HOA KỲ: Triển lãm tranh Phật giáo 'Thangka Tây Tạng Ngày nay'

New York, Hoa Kỳ - Triển lãm "Thangka Tây Tạng Ngày nay: Các kiệt tác từ Trung tâm Thangka Dharmapala của Kathmandu (Nepal)" sẽ được tổ chức tại Trung tâm Văn hóa Đạt Lai Lạt ma thuộc Ngôi nhà Tây Tạng Hoa Kỳ ở thành phố New York, từ ngày 10-3 đến 11-5-2017.

Triển lãm giới thiệu các tác phẩm nghệ thuật Thangka của Lạt ma Karsang, nghệ sĩ bậc thầy và là họa sĩ thangka được quốc tế công nhận.

Họa sĩ Lạt ma Karsang sinh năm 1902 tại ngôi làng nhỏ Rhisankhu ở huyện Sindupalchouk, Nepal. Ông được xem như một bảo vật quốc gia tại Nepal. Ông đã vẽ tranh cho các vị lãnh đạo tôn giáo và các lãnh tụ chính trị nổi tiếng. Tranh của ông được lưu giữ tại các tu viện và bảo tàng ở châu Á, châu Âu, Úc và Hoa Kỳ.

Trung tâm Thangka Dharmapala truyền bá nghệ thuật và truyền thống Phật giáo vùng Hi Mã Lạp Sơn, và liên kết với truyền thống tu viện của các thợ thủ công Phật giáo miền bắc Tây Tạng và Nepal. Trung tâm đã đào tạo hơn 300 họa sĩ Thangka trong 3 thập kỷ qua.

(Tibet House US – March 9, 2017)



*Một số tranh Thangka của Lạt ma Karsang
Photos: tibethouse.us*

ANH QUỐC: Ni sư người Úc viếng Crewkerne trong chuyến hoằng pháp quốc tế

Vào ngày 22-3-2017, Ni sư người Úc Robino Courtin sẽ có buổi nói chuyện đặc biệt tại thị trấn Crewkerne (hạt Somerset, Anh Quốc).

Ni sư đã tu tập và đi khắp thế giới để giảng pháp trong gần 40 năm qua. Sau khi viếng Phần Lan và Latvia, bà hiện đang hoàn thành chuyến hoằng pháp vòng quanh Anh Quốc.

Ni sư Robino Courtin sinh năm 1944 tại Melbourne, Úc, trong một gia đình Công giáo. Bà đã tham gia phong trào nữ quyền và quyền của tù nhân trong 2 thập kỷ 1960s – 70s.

Vào năm 1974 bà bắt đầu học võ thuật và được truyền giới thành nữ tu sĩ Phật giáo.

Một phần quan trọng trong công việc của ni sư là gặp gỡ các tù ở Hoa Kỳ, là điều dẫn đến Dự án Nhà tù Tự do (LPP) mà bà điều hành cho đến năm 2009. LPP cung cấp lời tư vấn về tâm linh và giáo lý, cũng như sách vở và tài liệu cho các tù nhân có quan tâm đến việc tìm hiểu và học tập Phật giáo. Kể từ năm 1996 dự án này đã hỗ trợ cho việc thực hành Phật giáo của hơn 20,000 tù nhân.

(NewsNow – March 9, 2017)



*Ni sư Robino Courtin
Photo: NewsNow*

HÀN QUỐC: Tượng Phật cổ được phát hiện tại Buyeo

Một tượng Phật bằng đồng mạ vàng được cho là có niên đại từ giữa thế kỷ thứ 6 đã được tìm thấy tại thành phố du lịch Buyeo cổ xưa.

Buyeo là thủ phủ của vương quốc Baekje (thế kỷ 18 B.C. – 660 A.D), vốn cai trị miền tây nam Bán đảo Triều Tiên trong nhiều thế kỷ cho đến khi nó bị chinh phục bởi nước Silla láng giềng vào năm 660.

Pho tượng Bồ tát nói trên được tìm thấy tại phần phía bắc của tường thành pháo đài thời Baekje, cách Seoul 195 km. Tượng cao 6.3 cm và bề ngang 2.4 cm, có phong cách nghệ thuật độc đáo của thời Baekje, với ảnh hưởng từ các triều đại miền nam Trung Hoa vào giữa thế kỷ thứ 6.

“Tượng Bồ tát bằng đồng mạ vàng này rất hiếm có”, một quan chức chính quyền Quận Buyeo nói. “Chúng tôi sẽ lập kế hoạch cho một cuộc khai quật toàn diện vào khu vực tiếp giáp

sau khi tham khảo ý kiến với các chuyên gia”.
(Yonhap – March 12, 2017)



Tượng Phật Triều Tiên (bên phải) được phát hiện tại Buyeo và tượng Phật Trung Hoa (bên trái) cùng thời kỳ - giữa thế kỷ thứ 6—Photo: Yonhap

NEPAL: Quốc hội Hoa Kỳ công nhận sự trao quyền cho phụ nữ của vị lãnh đạo Phật giáo

Ngày 5-3-2017 tại Kathmandu, Nepal, Đức Gyalwang Drukpa thứ 12, vị lãnh đạo Phật giáo và là nhà hoạt động về môi trường, đã được Quốc hội Hoa Kỳ trao một nghị quyết về việc trao quyền cho phụ nữ ở vùng Hi Mã Lạp Sơn và sự hỗ trợ các sáng kiến cho môi trường của ngài.

Đức Gyalwang Drukpa đã được nữ dân biểu Hoa Kỳ Carolyn Maloney trao bản nghị quyết, công nhận ngài là một nhà hoạt động nhân đạo và môi trường nổi tiếng thế giới, và là nhà vô địch về bình đẳng giới, cũng như công nhận các nỗ lực của ngài để cung cấp công tác cứu trợ cho hàng ngàn người tại vùng Hi Mã Lạp Sơn sau trận động đất tàn phá tại Nepal vào năm 2015.

Nghị quyết đã đề cập đến các sáng kiến của Đức Gyalwang Drukpa về ngăn chặn xói mòn đất và tạo không khí trong lành thông qua dự án 1 triệu cây xanh của ngài, cũng như việc trao quyền, giáo dục, bảo vệ và truyền cảm hứng cho nữ giới tại vùng Hi Mã Lạp Sơn và trên khắp thế giới.

(tipitaka.net – March 12, 2017)



XÂY DỰNG HẠNH PHÚC GIA ĐÌNH

Sa môn Thích Thắng Hoan

(tiếp theo)

5.- KIẾN HÒA CÙNG NHAU GIẢI BÀY: (Kiến Hòa Đồng Giải)

Kiến hòa cùng nhau giải bày, nghĩa là thấy biết những điều hay lẽ phải thì giải bày cho nhau cùng hiểu. Trong một gia đình, trình độ kiến thức của mọi người có ngang nhau thì mới cảm thông với nhau, cho nên chồng vợ mỗi người phải:

1)- Trao Đổi Ý Kiến Với Nhau Cùng Hiểu:

Bước chân vào đời, không ai tự hào rằng mình thông hiểu hết mọi mặt của lẽ sống và cũng không ai có kinh nghiệm lão luyện hết mọi nghề theo nhu cầu cho gia đình mà không cần đến sự học hỏi của kẻ khác, nhất là sự phức tạp của xã hội quan hệ đến cuộc sống của con người. Người giỏi về phương diện kỹ sư nông nghiệp nhưng không giỏi về ngành khoa học cơ giới, người giỏi về ngành bác sĩ trị liệu thân bệnh nhưng không giỏi về chuyên môn trị liệu tâm bệnh, v.v... Trong tinh thần duyên sanh, sự sống còn của chúng ta không thể thiếu những ngành chuyên môn cung ứng, kể cả chuyển môn về tinh thần cho mặt tâm linh. Do đó chúng ta cần phải thấu đạt những ý kiến hay bên ngoài để bổ túc cho đời sống của chúng ta mỗi ngày được tốt đẹp hơn. Cho nên một gia đình muốn đạt được những thành quả tốt đẹp cho cuộc sống, người chồng hay người vợ, bất cứ ai đã thấu đạt được bất cứ điều gì hay hoặc những kinh nghiệm nào tốt ở bên ngoài cần phải trao đổi cho nhau cùng hiểu cùng thông suốt để cùng nhau chia sẻ và cùng bổ túc cho nếp sống gia đình ngày thêm thăng tiến. Có hiểu biết có thông suốt như nhau thì mới có sự hòa hợp cùng một nhịp điệu trong việc xây dựng hạnh phúc gia đình. Đã sống chung với nhau nếu kiến thức bất đồng, không cùng hiểu biết, không cùng thông suốt, kẻ thì thấy xa, người thì thấy gần, kẻ thì quan niệm sâu sắc, người thì quan niệm nông cạn, tình trạng như thế thì không thể nào thành công trong cùng một ý hướng xây dựng.

Nhưng chúng ta cần nên nhận thức rằng,



không phải tất cả những điều tốt trong xã hội đều là nhu cầu thiết yếu của gia đình mà ở đây chúng ta cần phải biết sống hạnh tùy duyên theo hoàn cảnh, nghĩa là phải biết chọn lựa những điều tốt nào quan hệ không thể thiếu sự có mặt của nó trong việc xây dựng hạnh phúc gia đình làm cảm nung cho đời sống. Nói cách khác, chúng ta nên lấy gia đình làm nền tảng và chọn những điều tốt nào theo nhu cầu của gia đình mà không nên chạy theo sự phồn hoa của xã hội mà khả năng gia đình không đáp ứng nổi, đúng với châm ngôn: "Liệu cơm gắp mắm."

Nói tóm lại, sống chung trong một gia đình, chúng ta cần phải trao đổi với nhau những ý kiến hay và những điều kinh nghiệm tốt mà chúng ta đã thấu đạt được từ bên ngoài để cùng nhau hiểu biết cùng nhau chia sẻ và chỉ áp dụng những hiểu biết nào, những kinh nghiệm nào mà nhu cầu gia đình cần thiết phải có.

2)- Chia Xẻ Với Nhau Khi Bị Thất Bại:

Trên tinh thần đồng lao cộng khổ, vui cùng hưởng khổ cùng chịu, chồng vợ khi người nào gặp phải những hoàn cảnh trái ngang như bị thất nghiệp hay làm ăn bị thất bại, v.v... thì người kia phải có tinh thần thông cảm, nên chia sẻ và an ủi, khuyến khích cho họ lên tinh thần để đủ sức đương đầu với những trở ngại dồn dập đưa đến. Trong những hoàn cảnh đó, người chồng hay người vợ khi gặp đôi chút khó khăn không nên có thái độ phũ phàng trách móc đối với bạn đời của mình đang trong tình trạng khổ đau lo lắng và cũng không nên tự mình rẽ sang lối khác chạy theo sự tham vọng riêng tư vô tình đưa tâm trạng kẻ bị thất bại vào con đường quẩn trí đồng thời cũng gây tạo cho gia đình đáng lý phải được êm ấm hạnh phúc trở nên xáo trộn bất an đốt cháy niềm tin của nhau.

Con người nên biết rằng cuộc đời không phải tuyệt đối, luôn luôn có hai mặt: có tốt có xấu, có thịnh có suy, có lúc sung sướng tràn đầy và cũng có khi đau khổ giằng mắc bủa vây. Con người sống trong cuộc đời khi nắm bắt

được những may mắn đến với mình không nên có thái độ tự hào và khi gặp lúc những bất hạnh bủa vây cũng không nên thối chí ngã lòng mà phải giữ vững niềm tin chờ cơ hội một ngày nào đó bình minh sẽ trở lại.

Giữ vững niềm tin có nghĩa là giữa chồng và vợ phải hợp tác chặt chẽ với nhau, chia xẻ niềm đau cho nhau trong mọi hoàn cảnh để đủ can đảm đương đầu trước những khó khăn mang đến và tin tưởng đời sống của mình sau cơn gió lốc đi qua nó sẽ tươi sáng trở lại.

Muốn giữ vững niềm tin để chia xẻ với nhau khi bị thất bại, chồng và vợ phải chọn lấy hạnh phúc gia đình làm nền tảng căn bản để vượt qua mà ở đây không phải chọn lấy chủ nghĩa cá nhân làm nhu yếu cho lẽ sống. Chồng hay vợ nếu như chọn lấy chủ nghĩa cá nhân làm nhu yếu cho lẽ sống thì vô tình đạp đổ nền tảng hạnh phúc gia đình, việc sống chung trở nên rã nát và cũng từ đó hạnh phúc cá nhân sẽ mất đi điểm tựa về mặt tâm linh, rồi đưa đời sống con người tuột dần xuống vực thẳm của hố sâu đau khổ. Cho nên đôi chồng vợ phải ý niệm rõ tinh thần đồng lao cộng khổ mặc dù gặp bất cứ hoàn cảnh nào trong cuộc đời thăng hay trầm, vinh hay nhục, cùng nhau đồng tâm chia xẻ một cách chân thành thì không bao giờ cản trở được bước tiến của mình trên con đường xây dựng nếp sống an lạc hạnh phúc chân thật.

3)- Biết Cách Sống Để Được Hạnh Phúc Bền Lâu:

Cổ Đức có câu: “Khôn cũng chết, dại cũng chết, biết mới sống.” Khôn gọi cho đủ là khôn ngoan lanh lợi, nghĩa là người có trí khôn biết phân biệt lợi hại phải quấy, biết hoạt bát xoay trở, biết cách nói năng lanh lợi hấp dẫn. Dại là dại khờ dẫn đến, nghĩa là người ngu dại tối dạ, chậm chạp, ít hiểu biết, ít phân biệt phải quấy, thua kém đủ mọi mặt. Biết là nhận biết, nghĩa là người nhận chân được sự việc đã xảy ra và biết mình sống như thế nào cho hợp lý.

a)- Khôn Cũng Chết:

Chữ chết ở đây có nghĩa là bị chết vì đói khổ. Khôn cũng chết, nghĩa là người khôn ngoan lanh lợi rồi sẽ bị chết vì đói khổ do bởi thất bại mọi mặt trong trường đời. Trong trường đời, người nào tỏ ra mình khôn ngoan lanh lợi xuất sắc hơn hết thì sẽ bị mọi người ganh ghét và mỗi khi ganh ghét thì họ tìm đủ mọi cách bao vây, ruồng bỏ, cô lập, nhằm mục đích phá hoại bước tiến của họ không cho ngóc đầu lên trong xã hội và cố đẩy họ rơi vào hố thẳm của khổ đau trong cuộc đời cho thỏa dạ.

Theo lẽ sự sống của chúng ta quan hệ chặt chẽ vô cùng với xã hội trong mọi hoàn cảnh với tinh thần đùm bọc chở che đúng với câu tục ngữ: “Bà con xa không bằng lối xóm gần,” mà ở đây chúng ta vì nổi bật sự khôn ngoan lanh lợi cho nên bị xã hội ganh ghét ruồng bỏ thì làm sao sống yên ổn được, vì thế châm



THỜI TIẾT ĐẦU NĂM

*Năm nay thời tiết quá bất thường,
Mưa gió lung tung khắp tứ phương,
Miền bắc Ca-li (1) trôi nhà cửa,
Miền nam Téch-xác (2) lở đất đường.*

*Giao thông tắt nghẽn phần đi đứng,
Điện nước hư hao chuyện giao thương.
Kinh phí tổn hao cho xứ Mỹ,
Chương trình trợ giúp thấy mà thương.*

Quý Xuân Đinh dậu – March 10, 2017

ĐIỀU NGƯ TỬ TÍN NGHĨA

(1) Bắc Ca li (chỉ thị thành phố San Jose), bị hư hại vừa rồi quá nặng, người trôi, nhà cửa không có điện, Thị trường và Hội đồng Thành phố đang điều đầu về vụ thời tiết này.

(2) Nam Téch Xác (Texas), có một vùng cực nam của Tiểu bang cũng bị lụt lội, nhưng không nặng lắm; tác giả lấy phần này để đối cho chỉnh của luật bài thơ.

ngôn mới có câu “Khôn cũng chết.”

b)- Dại Cũng Chết:

Dại cũng chết, nghĩa là người dại khờ dẫn đến thiếu hiểu biết, gặp đâu tin đó cho nên thường bị người đời lợi dụng đến tận cùng xương tủy, đến khi hết sồi rồi việc liền bị đảo thái, vất chanh bỏ vỏ, sống lây lất bên vĩa hè của xã hội cho đến trút hơi thở cuối cùng, vì thế châm ngôn có câu “Dại cũng chết.”

c)- Biết Mới Sống:

Biết mới sống, nghĩa là người phải biết cách sống mới được hạnh phúc bền lâu. Người biết cách sống nghĩa là người không phải hạng dại khờ dẫn đến và cũng không phải thuộc về hạng khôn ngoan lanh lợi như trình bày ở trước.

*)- Hạng dại khờ dẫn đến là hạng không có trí tuệ sáng suốt và hạng này cần tu tập đào luyện để có trí tuệ sáng suốt; người có trí tuệ sáng suốt mới có thể chắt lọc những hiểu rõ mặt thật và mặt trái của tất cả pháp mà còn có thể

hiểu rõ toàn diện và cả đến chiều sâu (phía bên trong) của tất cả pháp.

*)- Còn hạng khôn ngoan lanh lợi cũng không phải là hạng có trí tuệ sáng suốt. Hạng khôn ngoan lanh lợi luôn luôn sống bằng xảo thuật để đạt đến mục tiêu của sự ham muốn mà không thấy được những tai họa ở phía sau, chỉ biết những lợi dưỡng trước mắt mà không đoán được những biến cố sẽ đưa đến ở tương lai. Đã vậy khi đắc thế họ còn thường hay tỏ thái độ cao ngạo tự đắc mục hạ vô nhân.

*)- Riêng hạng biết cách sống để được hạnh phúc là hạng người có trí tuệ biết trước được những hậu quả của sự việc và biết dự trù để tránh khỏi những hậu quả đó xảy đến. Nghĩa là hạng người biết cách sống phải có trí tuệ nhận thấy rõ rằng cuộc đời luôn luôn nằm trong vòng tương đối hết ngày rồi đến đêm hết đêm rồi đến ngày, hết nước lớn rồi đến nước ròng hết nước ròng rồi lại đến nước lớn, hết thanh rồi đến suy hết suy rồi lại đến thanh, hết may mắn rồi đến rủi ro, hết rủi ro rồi đến may mắn trở lại, không có gì tuyệt đối cả, cứ xoay tròn mãi cho đến bất tận, đó là định luật vô thường và luân hồi cố hữu của vũ trụ và tất cả pháp hữu vi trong đó có chúng ta đều không thoát khỏi hai định luật này chi phối.

Người biết cách sống, khi được may mắn, gặp chỗ làm ăn phát tài đừng tự hào, đừng buông thả, phải dự trù khi bị thất nghiệp và nếu có dự trù trước khi bị thất nghiệp khỏi phải lo âu mọi mặt, chờ thời gian hết cơn bí cực đến hồi thối lại, rồi sẽ có chỗ làm ăn khác phát triển trở lại, các việc khác cũng thế. Hơn nữa mình trong lúc được hưng thịnh, không ý lại tài năng, không tự phụ sự khôn ngoan lanh lợi, tạo được sự thương yêu với mọi người, nhờ đó khi bị sa chân thất thế được mọi người chung quanh thương yêu che chở yên lòng trong thời gian chờ cơ may sẽ đến. Nguyên Du thường nhắc nhở rằng: *"Có tài đừng cậy chi tài, chữ tài liên với chữ tai một vần,"* nghĩa là người biết sống theo tinh thần duyên sinh thì đừng cậy nơi tài năng khôn ngoan lanh lợi của mình mà phải cần đến mọi người chung quanh tin tưởng thương yêu hỗ trợ, che chở khi gặp phải cơn mưa nắng trở trời. Những hạng thấy rõ thế sự cuộc đời luôn luôn đổi thay như thế và theo tình thế sống biết dự trù trước chính là những người biết cách sống để được hạnh phúc bền lâu.

4)- Khuyến Khích Nhau Trong Việc Tu Học, Phước Thiện:

Như chúng ta đã biết, thân bệnh thì nhờ y dược của bác sĩ để trị liệu, còn tâm bệnh thì phải nhờ đến pháp dược của đức Phật trị liệu mới có thể an lành. Pháp dược của đức Phật chính đức Phật đã ra toa sẵn và theo đức Phật chính mình tự trị liệu cho mình mà không ai có thể thay thế trị liệu cho mình, nghĩa là chính mình phải tự uống lấy mà không ai có thể kể cả đức Phật uống thế cho mình. Nói cách khác

đức Phật muốn cho mình trở thành một vị lương y để chính mình tự trị lấy cho mình. Muốn trở thành vị lương y để trị tâm bệnh, theo Phật dạy chúng ta phải chuyên cần tu học Phật Pháp là những toa thuốc Dược Vương Dược Thượng tự uống vào mới ngổ hầu giải thoát căn bệnh khổ đau trầm kha trong tâm linh của chúng ta và nhờ đó những hạnh phúc thực sự chân thật mới gặt hái được cho mình. Đức Phật chỉ là người gia hộ yểm trợ phương tiện mà không phải là người cứu rỗi hay chuộc tội cho mình. Thế nên đôi chồng vợ muốn đạt được hạnh phúc chân thật bền lâu cần phải khuyến khích nhau tu học Phật Pháp để trở thành vị lương y thâm diệu trong việc trị liệu tâm bệnh cho nhau.

Ngoài ra, chúng ta phải phát tâm làm những việc phước thiện để bồi dưỡng tâm linh cho thêm tăng trưởng đạo lực từ bi, cũng như một người bệnh nặng sau khi được lành, cần phải uống thuốc bổ bồi dưỡng thân thể để sức khỏe sớm được bình phục. Từ bi là chất liệu sống và ý nghĩa của sự sống an lạc mà tất cả chúng sanh trong tinh thần duyên sinh không thể thiếu trong sự kiến tạo hạnh phúc chân thật cho con người. Chất liệu từ bi có khả năng hóa giải mọi mâu thuẫn hận thù và kết nối thân thương mọi khuynh hướng dị biệt trở thành chất keo sơn hòa hợp trong cộng đồng duyên sinh. Tâm từ bi muốn cho phát triển lớn mạnh thì môi trường căn bản nhất không ngoài làm việc phước thiện. Người làm việc phước thiện là người trải tâm từ bi đến với những nơi phước thiện mà mình thật tâm trang trải, và những phước thiện đó chính là nhân tố ảnh hưởng trở lại tâm mình, biến thành quả lành bồi dưỡng tâm từ bi của mình trưởng thành nhân tố phát triển.

Tóm lại người muốn được hạnh phúc chân thật thì điều kiện cần thiết phải thực hiện cho kỳ được hai yếu tố tu tập và làm việc phước thiện nhằm hóa giải những nghiệp khổ đau và phát triển đạo lực tâm từ bi cho nếp sống được thăng hoa thánh thiện.

(còn tiếp)



ĐÔI NÉT VỀ PHẬT GIÁO NHẬP THỂ TRONG KINH DUY-MA-CẬT

Thích Tâm Tiền

Kinh Duy-ma-cật là một trong những bộ kinh quan trọng của Phật giáo Đại thừa. Điều chúng ta dễ dàng nhận biết nhất khi đề cập đến nội dung kinh đó chính là vai trò của người cư sĩ trong việc thực hành giáo lý nhà Phật cũng như cách thức áp dụng vào đời sống hằng ngày. Đôi khi chúng ta nghĩ rằng Phật giáo chỉ dành riêng cho chư Tăng, Ni – những người sống đời sống xuất gia, từ bỏ thế gian, hoàn toàn tách rời với thế giới bên ngoài. Nhưng chính kinh Duy-ma-cật mang lại cho chúng ta cái nhìn mới về việc người cư sĩ nên tu tập và sống như thế nào để vừa tròn vẹn đời sống tại gia và vừa có thể có lý tưởng tu tập để đạt những quả vị cao nhất như Duy-ma-cật đã đạt.

Tuy nhiên, có một điều chúng ta cần lưu ý đó chính là việc hiểu sai nghĩa bài kinh dẫn đến sự nguy hiểm trong việc thực tập. Chúng ta có thể nói rằng Phật pháp thì luôn cao siêu, tuyệt vời, làm gì có sự nguy hiểm. Nhưng thực ra nếu không hiểu đúng nghĩa và thực hành theo khả năng của bản thân thì chính việc đó sẽ ảnh hưởng đến con đường tâm linh của mình. Ví như người bắt rắn không khéo léo sẽ bị rắn quay ngược lại cắn người đó và dẫn đến những hậu quả khổ đau. Cũng vậy, lý tưởng Bồ-tát trong kinh Duy-ma-cật đề cập đến những cấp độ khác nhau, tùy theo khả năng thực hành của mỗi người và quan trọng hơn hết, ai cũng có phần lợi ích khi tìm hiểu về những lý tưởng đó như việc xây dựng cho mình cái thấy trí tuệ soi sáng cho bản thân trên con đường tu tập. Một phần nhỏ trong đó chính là lý tưởng nhập thể của những người thực tập Phật giáo.

Chúng ta thường nghĩ, “nhập thể” là từ dùng để chỉ cho những người đã ra khỏi thế tục và rồi họ quay trở lại để

độ đời; có xuất thì mới có nhập; còn những người cư sĩ tại gia luôn ở trong thế tục thì cần gì gọi là nhập thể. Điều này không sai. Người cư sĩ luôn ở trong thế tục và thực hành Phật pháp với những gánh nặng về trách nhiệm của như bốn phận với cuộc đời. Khái niệm “nhập thể” ở đây chính là việc làm như thế nào mà người cư sĩ hoặc xuất sĩ mang Phật pháp vào cuộc đời, hướng dẫn những người xung quanh, “nhập” những tư tưởng của Phật đến những nơi thiếu thốn và trao ngọn đèn trí tuệ đến những chốn tối tăm. Đó là việc nhập thể mà chúng tôi muốn đề cập trong bài viết này. Bởi vì phạm vi đề cập của kinh Duy-ma-cật quá lớn, bản thân người viết không kham nổi việc chuyển tải hết tất cả thông điệp vào một bài viết nên chỉ trích vài điều dạy liên quan đến tư tưởng nhập thể và với cái biết thiên cận xin được phân tích để quý đọc giả cùng chiêm nghiệm và nghiên cứu. Từ đó chúng ta có thể có đôi chút suy nghĩ về tư tưởng nhập thể của đạo Phật và ngang qua đó mỗi người cùng nhau mang Phật giáo đến với cuộc đời.



Kinh Duy-ma-cật không mở đầu bằng việc đề cập thẳng đến cư sĩ Duy-ma-cật mà ông được nhắc đến ở phẩm thứ hai sau phẩm Phật quốc thứ nhất. Từ phẩm thứ 2 trở đi, hình ảnh Duy-ma-cật luôn xuất hiện với những lời dạy hướng dẫn chúng ta thẳng đến lý tưởng Bồ-tát. Bồ-tát có thể được dịch là “hữu tình giác” và “giác hữu tình.” Ngay chính danh xưng Bồ-tát cũng đủ nói lên tinh thần nhập thể của giáo lý nhà Phật. Một chúng sinh hiểu biết Phật pháp và mang những lời dạy đó đến với người khác chính là cách thiết thực nhất trong việc hoằng pháp. Đối với những vị Đại Bồ-tát, họ “tạm hoãn” việc nhập Niết-bàn để lưu lại thế

gian, dùng phương tiện độ chúng sinh thoát khỏi khổ đau, nhận chân giá trị an lạc. Cư sĩ Duy-ma-cật trong kinh cũng được miêu tả như vậy.

Trong phẩm Phương Tiện, ông được miêu tả là một người cư sĩ tại gia, sống trong ngũ dục nhưng không bị dục lạc chi phối, dùng mọi phương tiện thiện xảo để hoá độ chúng sinh. Kinh viết:

"...Vì muốn độ người, nên ông dùng phương tiện khéo thị hiện là thân Trưởng giả ở thành Tỳ-xá-ly, có của cải nhiều vô lượng để nhiếp độ các hạng dân nghèo; giữ giới thanh tịnh để nhiếp độ các kẻ phá giới; dùng hạnh điều hòa nhẫn nhục để nhiếp độ các người giận dữ; dùng đại tinh tiến để nhiếp độ các kẻ biếng nhác; dùng nhất tâm thiền tịch để nhiếp độ kẻ tâm ý tán loạn; dùng trí tuệ quyết định để nhiếp độ những kẻ vô trí; tuy làm người bạch y cư sĩ mà giữ gìn giới hạnh thanh tịnh của sa môn; tuy ở tại gia mà không đắm nhiễm ba cõi, thị hiện có vợ con, nhưng thường tu phạm hạnh; hiện có quyền thuộc, nhưng ưa sự xa lìa; dù mặc đồ quý báu, mà dùng tướng tốt để nghiêm thân; dù có uống ăn mà dùng thiền duyệt làm mùi vị..." (1)

Chúng ta thường khó chấp nhận một vị được xem là tu hành nhưng lại có những hành vi không phù hợp với hình ảnh của một người tu. Tuy vậy, đối với những bậc tu chứng thì những việc họ làm đều là phương tiện mang tính chất giải thoát cho những ai họ tiếp cận. Trong bản chất của hành động, họ đã không còn khởi lên một ý niệm nào liên quan đến sự sinh khởi của nghiệp. Cho nên, họ được xem là những vị bồ-tát vào đời độ sinh.

Khái niệm về bồ-tát cũng là sự nhắc nhở đối với mỗi chúng ta – người mang Phật pháp vào đời, rằng để có đủ khả năng nhập thế chúng ta cần phải rèn luyện bản thân, có đầy đủ kiến thức, cũng như sự tu tập thì bản thân mới có thể vào đời độ sinh. Điều này cũng làm chúng tôi nhớ đến việc phát khởi tâm bồ đề được Ngài Tịch Thiên đề cập trong tác phẩm trừ danh của Ngài: *Nhập Bồ-tát Hạnh*, đó là 'bồ đề tâm nguyện' và 'bồ đề tâm hạnh.' Sự khác nhau giữa hai loại phát tâm này được miêu tả như một người muốn đi và một người đang đi. Nếu chúng ta phát nguyện mang Phật pháp vào đời mà chỉ nguyện suông thì chưa đủ. Chúng ta cần bắt tay vào việc làm đó một cách thực tế và để làm được việc đó đòi hỏi khả năng của chúng ta thật vững vàng trong giáo pháp.

Đôi khi người cư sĩ Phật tử có khái niệm rằng việc hoằng pháp độ sinh là chuyện của chư Tăng, Ni. Điều này thể hiện rõ ở thái độ thụ động học và thực hành Phật pháp ở một số thành phần người cư sĩ. Chúng tôi có dịp sinh hoạt ở một vài chùa ở Colorado và nhận thấy rằng, số lượng Phật tử đến chùa hàng tuần không nhiều và việc chuyên nhất cũng không được duy trì (Tuy nhiên, có nhiều Phật tử cũng



rất chuyên cần với tâm niệm học và thực hành giáo pháp). Nhiều khi hỏi thì họ trả lời rằng "Ở đây người ta tu 'kiểu Mỹ,' thích thì đi không thích thì ở nhà." Đa phần các chùa ở Mỹ chỉ có một ngày sinh hoạt hàng tuần là chủ nhật. Còn ở Việt Nam, các Phật tử có thể đến chùa mỗi tối để tụng kinh, nghe pháp. Tuy nhiên, việc "giao khoán" chuyện hoằng pháp cho chư Tăng, Ni thì hầu như tương đồng. Mỗi người Phật tử cần nhìn nhận lại vấn đề này và có cái nhìn rộng hơn trong vai trò của bản thân mình đối với Phật pháp. Đồng ý là người Phật tử còn bận nhiều vai trò trong xã hội, đơn giản họ chỉ cần hỗ trợ vật chất đến các tự viện để chư Tăng, Ni làm Phật sự thì xem như cũng hoàn thành phần nào việc hoằng pháp. Tuy nhiên, người Phật tử lý tưởng là người hiểu rõ Phật pháp, thực hành Phật pháp và có đủ khả năng để hướng dẫn những người sơ cơ hơn mình hiểu Phật pháp.

Đôi khi người Phật tử lại có nhiều cơ hội hoằng pháp hơn chư Tăng, Ni. Người cư sĩ Phật tử sống ở đời, tiếp xúc nhiều thành phần trong xã hội – như Duy-ma-cật, và nếu người cư sĩ hiểu giáo pháp cũng như thực hành rồi đem ra áp dụng vào từng trường hợp mà mình gặp phải, hoặc có thể hướng dẫn những người mà mình tiếp xúc trong cuộc sống thì giá trị lợi ích không thể nghĩ bàn. Có thể chúng ta hỏi tại sao gánh nặng hoằng pháp lại đặt lên vai người cư sĩ, trong khi đó là công việc chính của chư Tăng, Ni? Việc hoằng pháp hiển nhiên không phải là một gánh nặng. Thứ nữa, việc đó không phải là trách nhiệm của riêng ai. Mình cứ nghĩ rằng mình học giáo pháp và cảm thấy có hạnh phúc an lạc trong việc thực hành rồi mình đem những điều đó đến với người khác để giúp họ an lạc thì làm sao đó lại gọi là một gánh nặng. Đôi khi mình còn phải dùng phương tiện để giúp đỡ người khác hướng đến Phật pháp chứ đừng nói đến việc xem đó là gánh nặng. Điều này dẫn chúng ta đến một hình ảnh nữa của Duy-ma-cật đó là "hiện thân bệnh."

Kinh mô tả rằng Duy-ma-cật là một người có tiếng tăm ở thành Tỳ-xá-ly nên khi ông bệnh hầu như tất cả thành phần trong xã hội từ vua quan, thần dân, các tu sĩ,... đều đến thăm hỏi. Chính vì muốn độ những bậc vua chúa nên

ông hiện thân bệnh để họ đến thăm và nhân đó ông thuyết pháp cho họ nghe. Đọc vào bài kinh chúng ta sẽ thấy những lời khuyên khá thiết thực và sâu sắc mà Duy-ma-cật dành cho chúng ta khi mình rơi vào hoàn cảnh tương tự. Ví dụ như ông khuyên rằng bồ-tát bệnh là do chúng sinh có bệnh và vì lòng từ bi mà bồ-tát hiện thân bệnh, hoặc khi bồ-tát thăm hỏi bệnh của chúng sinh thì nói pháp vô thường của thân mà không khuyên chúng sinh ghét bỏ tấm thân này,... Vậy chúng ta học được gì từ những lời dạy này? Có thể trong một bài viết ngắn bản thân chúng tôi không đủ khả năng để chuyển tải hết ý nghĩa của bài kinh. Tuy vậy, qua hình ảnh thị hiện thân bệnh để thuyết pháp độ sinh chúng ta có thể thấy rằng, muốn giúp đỡ người khác đôi khi mình cần phải hiểu rõ hoàn cảnh của họ và muốn hiểu rõ cũng như muốn giúp họ thì điều quan trọng đó chính là lòng từ bi.

Có một lần tôi vô tình thấy hình ảnh người mẹ và cô con gái (cả hai là người Việt) đang nói chuyện về một người khác. Người này đi đến chùa để sinh hoạt cùng mọi người và ông ta là người Mỹ. Người mẹ hỏi người con gái "Con hỏi xem ai chở ông ấy đi và về như thế nào, nếu không có ai chở thì mình giúp đỡ ông ấy một ít tiền để đi xe bus." Đây là một hành động xuất phát từ lòng từ bi và yêu thương. Chắc hẳn người mẹ biết được sự khó khăn của người đàn ông đó (vì ông ta phải sử dụng gậy mới đi lại được) nên mới phát khởi lòng từ bi để giúp đỡ. Cũng vậy, chúng ta – mỗi vị bồ-tát sơ cơ, nên học hỏi hạnh của Duy-ma-cật và những người có hành động từ bi xung quanh mình để phát khởi tinh thần từ bi trong mỗi người. Được như vậy thì những việc chúng ta làm đều mang lại lợi ích cho nhiều người và thể hiện đúng tinh thần nhập thế của người Phật tử.

Thông thường chúng ta quan tâm bản thân mình nhiều hơn người khác. Điều này là lẽ hiển nhiên. Nhưng có nhiều lúc chúng ta xem những phiền não của mình là bạn thân còn những người đạo hữu của mình là kẻ thù. Điều này làm lu mờ tinh thần vị tha trong mỗi người. Vì sao lại như vậy? Lấy một ví dụ đơn giản, nóng giận là một dạng phiền não, nhưng chúng ta đôi lúc lại xem nó là bạn. Khi một vị bạn đồng tu của mình vô tình làm mình giận, mình nghĩ rằng mình giận là chuyện thường, mình ôm ấp cơn giận đó và xem người bạn tu đó là kẻ thù. Mình nghĩ cách để làm người kia đau khổ thì mình mới với được cơn giận. Vậy có phải mình

đã vô tình xem giận là bạn và xem bạn là thù? Nhưng mình lại không nhận ra điều đó, mình nghĩ đó là lẽ đương nhiên và mình chấp nhận nó. Tuy vậy, chính sự nóng giận mới là kẻ thù và mình cần "tiêu diệt" nó bằng ánh sáng trí tuệ. Còn người bạn và những người xung quanh mình mới thực sự là bồ-tát giúp đỡ mình trong con đường tu tập. Có thể đôi lúc họ làm mình khổ nhưng hãy nghĩ rằng đó là sự thử thách mà mình gặp phải trên đường tu, nếu mình vượt qua thì mình đang tu tiến còn nếu mình thất bại thì mình phải xem lại. Chúng tôi nêu lên vấn đề này để nói rằng mỗi hành giả cần tỉnh giác với những phiền não của mình, chúng nó là những "tên giặc" ngăn cản bước đường nhập thế của chúng ta. Nhận diện được chúng và chuyển hoá chúng là một trong những điều mà bồ-tát nhập thế cần phải làm. Được như vậy thì con đường nhập thế mới rộng mở và hanh thông.

Qua một vài hình ảnh của Duy-ma-cật, chúng ta cùng nhau nhìn lại khả năng và sự phát nguyện mang Phật pháp vào đời giúp đỡ mọi người. Việc tu tập của chúng ta sẽ có ý nghĩa hơn nếu mình biết giúp đỡ người khác cùng tu và cùng hiểu Phật pháp. Có thể chúng ta không bằng Duy-ma-cật nhưng chúng ta có thể làm được một phần nào đó đơn giản hơn để bản thân và những người xung quanh đều có lợi lạc từ nguồn giáo lý nhiệm mầu của đức Phật. Hoảng pháp lợi sinh không phải là trách nhiệm của một tầng lớp nào trong Phật giáo, đó là công việc và sự phát nguyện của tất cả những ai thấy rằng Phật giáo có lợi lạc cho số đông, mang an lạc cho tất cả, thì người đó phát tâm truyền bá. Còn khi chúng ta nghĩ đó là một gánh nặng thì không bao giờ mình đủ niềm tin kiên cố để thực hành điều đó được. Mong rằng mỗi vị bồ-tát sơ cơ như chúng ta sẽ là một cánh tay mang ánh sáng của đức Phật đến mọi góc khuất của xã hội và xoá tan đi bóng tối vô minh trong cuộc đời.

Thích Tâm Tiến
Boulder, Colorado, USA

Trích theo bản dịch của HT. Thích Huệ Hưng được đăng ở trang Thư Viện Hoa Sen <http://thuvienhoasen.org/p16a2011/kinh-duy-ma-cat>



PHÁP ÂM ĐỒNG VỌNG

Thích Phước Sơn

Thời gian thấm thoát trôi qua, nay đã đến ngày giỗ của Ôn. Tôi muốn viết vài dòng để ghi lại những kỷ niệm cao đẹp qua bao tháng năm được may mắn gần Ôn, nghe lời Ôn dạy, ngắm nhìn hình bóng uy nghiêm của Ôn, tất cả như những dấu ấn thiêng liêng, in đậm vào tâm não của tôi từ thời thơ ấu. Nhưng mỗi lần cầm bút định viết, rồi lại bỏ bút. Tôi càng thấy khó biết bao nhiêu thì càng cảm thông trường hợp ngài Thần Tú định dâng kệ lên Ngũ Tổ bấy nhiêu. Đã bao nhiêu lần Thần Tú định dâng kệ lên Ngũ Tổ, nhưng mỗi lần tới cửa thì sợ toát mồ hôi, lại bỏ cuộc cuối cùng đành đánh bạo viết bài kệ của mình lên vách chùa.

Giờ đây ngồi hồi tưởng lại những năm tháng sống ở Phật Học Viện Nha Trang sao mà đẹp quá! Xiết bao những hình ảnh thân thương, những kỷ niệm êm đềm. Tôi nhớ mãi một Giáo Sư Bồ Đề Nha Trang, sau giờ dạy học, ông ghé lên thăm viện, đã bày tỏ nỗi lòng: "Mỗi lần lên đồi Trại Thủy, thăm Phật Học Viện, tôi cảm thấy như trút bỏ bao lớp bụi hồng, lòng nhẹ nhõm lâng lâng thoát tục." Một cảnh trí kang trang như vậy không phải bỗng nhiên có được, hẳn phải tốn bao nhiêu tâm lực, mà có lẽ công lao của Ôn không ít. Người xưa đã từng bảo:

"Sơn bất tại cao, hữu tiên tắc danh

Thủy bất tại thâm, hữu long tắc linh

(Núi không cần cao, có tiên ở thì nổi tiếng,

Đầm chẳng cần sâu, có rồng ẩn thì linh thiêng)

Cảnh trí tân kỳ phần lớn là do bàn tay con người kiến tạo. Không những Ôn lo xây dựng các ngôi tịnh thất để làm tôn nghiêm cảnh trí Già lam, mà Ôn còn để tâm chăm sóc, uốn nắn từng người tùy theo từng hoàn cảnh. Năm 1958 vào dịp tết, tôi xin phép Ôn về thăm nhà, Ôn dạy: "Người xuất gia là mang hoài bão siêu việt, muốn cất bước đến một chân trời cao rộng; nay ông đã cắt ái từ thân, thì không nên quyến luyến nhiều với tình cảm gia đình, mà phải giốc tâm cầu đạo giải thoát. Vì duyên trần thì dễ nhiễm, mà chí đạo thực khó thành." Qua lời Ôn dạy, tôi chỉ biết cúi đầu vâng lệnh, ở lại viện ăn tết. Một cái tết tuy cô liêu, đạm bạc, nhưng có thì giờ để đọc sách, học hỏi; sau này kiểm điểm lại thì thấy mình được ơn ích biết bao!

Một hôm Ôn bảo các học tăng dịch và bình luận câu: "Lão ô bách tuế, bất như phượng hoàng sơ sinh" (Chim quạ dù sống trăm tuổi cũng không bằng phượng hoàng mới sinh).

Nếu ai nói đúng ý, Ôn sẽ thưởng. Lúc đó anh em đang bận thi, và sợ nói không đúng ý Ôn, nên không ai làm. Nhưng nào ngờ Ôn có ý ngầm, muốn ví anh em như phượng hoàng con. Đó là một hình thức cổ vũ tinh thần thâm trầm và tế nhị.

Bấy giờ hầu hết học Tăng đều sang học bên trường Bồ Đề. Bữa nọ đạo hữu trưởng ban quản trị trường đi khắp các lớp để nhắc nhở học sinh, trong đó có cả học Tăng, đôi chỗ ông nói quá lời, anh em hơi buồn, định nghỉ một tuần rồi đi học lại. Văn phòng trưởng thấy vắng học Tăng, gọi điện thoại báo tin Ôn biết. Ôn bèn kêu tất cả xuống, khiển trách khá nặng, mấy chú điều nhỏ còn bị ăn đòn. Ôn nói: "Nhấn là vật báu vô giá của mình, không nhấn thì tai họa không lường trước được (Nhấn thị thân chi bảo, bất nhấn thân chi ương). Nay người ta bạn cho mình một cơ hội để thực hành hạnh nhấn mà không biết ơn họ, các ông còn định nghỉ học nghĩa là sao? Ngày mai tất cả qua xin lỗi văn phòng và tiếp tục học lại." Anh em chúng tôi đều rầm rập tuân lời, nhưng lòng vẫn thấy hơi buồn buồn. Có lẽ Ôn cũng nhận ra cách xử sự của đạo hữu kia có chỗ chưa phải, nhưng Ôn vẫn giữ thái độ kính trọng vị ấy thì chung như nhất. Thế mới biết, đối với học trò mình, Ôn tỏ ra nghiêm khắc, mà đối với người ngoài thì độ lượng bao dung. Đó là kinh nghiệm của người đã thấu triệt tình đời. Điều này đến lúc đi dạy học tôi mới nhận ra. Nếu đặt địa vị mình vào trường hợp của Ôn, thì mình cũng xử sự như vậy. Càng nghĩ lại, tôi càng thương kính và cảm phục. Thảo nào ca dao của ta chẳng từng bảo:

"Đường dài mới biết ngựa hay

Nuôi con mới biết ân rày mẹ cha"

Và phượng Tây có câu danh ngôn đầy ý nghĩa: "Lúc 20 tuổi con tưởng là con bằng cha. Lúc 25 tuổi con cho là con hơn cha. Nhưng đến lúc 40 tuổi con mới biết chắc chắn là con kém thua cha."

Cuộc tranh đấu đòi tự do tín ngưỡng của Phật giáo năm 1963, vào những giai đoạn quá gay go, có kẻ muốn ngã lòng. Đến khi cuộc tranh đấu thành công, chính Ôn lại mở lượng khoan dung, chớ che cho những người đã ngã lòng bỏ cuộc. Thế mới biết tấm lòng của Ôn bao la chừng nào! Liên tưởng đến sự kiện này, tôi nhớ lại một câu đối tại Phật Học Viện Nha Trang vào dịp tết, nói về hạnh nguyện của Đức Từ thị Di Lặc:

"Đại đồ năng dung, dung thế gian nan

dung chi sự" (Bụng lớn hay dung, dung những việc khó dung trong thiên hạ). Phải chăng Ôn nói theo hạnh nguyện từ bi của đức Di Lặc? Mỗi lần đi đâu xa trở về Phật học viện, hễ thấy những cành cây khô thì Ôn dạy anh em chúng tôi chặt bỏ; và bảo chúng tôi gánh nước tưới cây héo úa xung quanh chùa. Ôn bảo: "Cành vật bên ngoài thường ảnh hưởng đến nội tâm chúng ta, và ngược lại, nội tâm

chúng ta cũng tác động đến ngoại cảnh không ít. Thế nên:

*"Ngoài trang nghiêm sự tướng hãy tu.
Trong tự tại kính lòng hằng đọc"*

Có những lúc khan hiếm củi anh em chúng tôi phải cưa cây để đốt. Thấy thế, Ôn nói: "Quân tử bất khí" (Người quân tử không giống như những dụng cụ). Bởi vì các thứ dụng cụ chỉ dùng được một việc. Trái lại người quân tử thì phải đa năng đa dụng, dùng tài năng của mình làm nhiều điều lợi ích khác nhau. Thực là một bài học tuy ngắn mà rất thâm thúy.

Những lời dạy thống thiết nhất in đậm vào tâm hồn tôi và mãi mãi không quên là những lời Ôn dạy năm 1968, tại Già Lam, khi tôi xin phép từ giã Ôn về phụ trách Bồ Đề Nha Trang. Đêm đó Ôn tâm tình khá lâu, nói về kính nghiêm sống, làm việc, tiếp xúc với đời, tránh những cạm bẫy, làm thế nào để giữ vững đạo tâm, không quên chánh niệm. Đại khái có thể tóm tắt vào câu: "Tục giới nặng mê lầm, tà chú bủa tung nghìn phép đạo; chân tu hằng tinh tấn, chính tâm thu gọn một lần siêu." Mỗi lần gặp những hoàn cảnh trắc trở, nhớ lại lời Ôn, tôi như được tiếp thêm sức để vượt qua thử thách. Ngày xưa khi Phật còn tại thế, các đại đệ tử thường tán thán Phật: "Con từ miệng Phật sinh ra, từ pháp Phật trưởng thành." Đại ý bảo: Nhờ Phật mà mình có trí tuệ. Giờ đây Đức Thế Tôn không còn nữa, người xuất gia phần lớn nương vào nhân cách và đức độ của Thầy - một bài học sống - để trưởng dưỡng pháp thân, nuôi lớn huệ mạng. Trên hành trình luân hồi vô tận, chúng ta gặp nhau đây, nào phải sự ngẫu nhiên, biết đâu chẳng là:

"Thầy xưa bao giờ vẫn thầy nay?"

Bình sinh Ôn rất thích trúc, và thường ca ngợi đức tính của trúc:

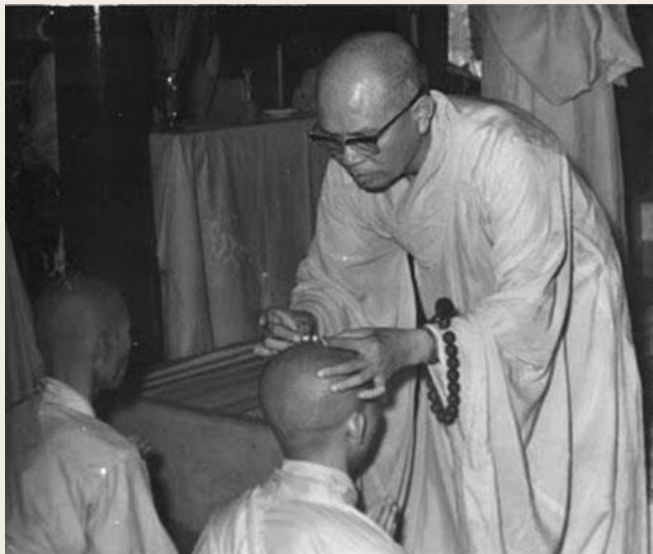
*"Vị xuất địa thời tiên hửu tiết
Chí lẫm vân xứ cánh vô tâm"
(Chưa ra khỏi đất đã có đốt,
Cao vút tầng mây vẫn rộng lòng)*

Và bài thơ xuân của Ôn năm 1963 có câu:

*"Đốt nén hương nguyện cầu sám hối,
Trước sau giữ chữ không tâm"*

Phải chăng hạnh nguyện vô tâm của Ôn đã biến thành một đức tính tự nhiên.

Trên trần thế bộn bề, nhiều khi phải tùy nghi phương tiện để chu toàn Phật sự, nhưng vẫn không rời trí tuệ và lòng bi mẫn. Giốc hết tâm lực làm những Phật sự cần thiết, miễn là lợi ích cho nhiều người, còn thành hay bại ít có quan tâm. Ôn thường nhắc các Phật tử: "Quý vị quý ý tôi, đừng nghĩ chỉ có tôi là Thầy mình,



mà phải xem chư Tăng ai cũng là bổn sư của mình, hết lòng tôn kính và phụng sự." Có lẽ do thái độ vô ngã, vô tâm này mà các đệ tử càng ngưỡng mộ khâm phục, và rất hân diện được làm đệ tử Ôn.

Trong hàng đệ tử, nếu ai có lỗi lầm, Ôn thương gọi về răn bảo, động viên bằng những lời lẽ ôn tồn, cử chỉ thâm tình, nhưng không kém về uy nghiêm, khiến cho người phạm lỗi càng kính, càng sợ và khắc cốt ghi lòng mãi mãi những lời vàng ngọc. Mỗi lần đọc đến đoạn lịch sử nói về tình Thầy trò ông Chu Văn An, không lần nào là tôi không xúc động đến rơi nước mắt. Trong hàng môn sinh của ông có người làm đến Hành khiển (Chức tương đương với Tế tướng); thế mà mỗi lần về thăm Thầy đều đánh lễ dưới giường. Nếu ai có lỗi ông thẳng thắn khiển trách, khiến người phạm lỗi không những không dám có một ý nghĩ nào buồn phiền mà còn lấy làm sung sướng, hân diện. Ôi! cái nhân cách và đức độ của Thầy đã cảm hóa học trò đến thế đấy!

Dòng đời trôi chảy, lịch sử biến thiên, cuộc sống tu hành có những lúc gặp nhiều trắc trở; chúng ta tưởng dường như không vượt nổi; nhưng Ôn dạy: "Khó hay dễ là tại mình. Và lại, trên mảnh đất phì nhiêu chưa hẳn đã là nơi thích hợp cho cây đạo đơm hoa kết trái" Lời dạy tuy đơn sơ nhưng đầy ý nghĩa.

Hồi tưởng lại buổi sáng hôm rước kim quan của Ôn nhập bảo tháp, trong lúc thất chúng đệ tử ngậm ngùi, thương tiếc, tiễn đưa Ôn lần cuối, thì bầu trời Sài Gòn phủ một màu tang, trên vòm mây xám rơi xuống những hạt mưa lâm tẩm. Phải chăng "Sơn hà bi lệ", cỏ cây cũng thương tiếc tiễn đưa Người!

Giờ đây, mỗi lần về lại chùa Già Lam, tuy không còn được điểm phúc chiêm ngưỡng thân tượng uy nghiêm của Ôn nhưng từ dung của Ôn như còn ẩn hiện đó đây, và pháp âm của Ôn vẫn đồng vọng bất tuyệt

*Kính thành cẩn niệm,
Đệ tử Phước Sơn*

(trích Kỷ Yếu HT. Thích Trí Thủ)

HẠNH NGUYỄN

Tịnh Minh

(Tịnh Minh là một trong những cựu học tang xuất sắc được đào tạo từ Phật học viện Trung Phần Hải Đức Nha Trang và TV Quảng Hương Già Lam. Ông là tác/dịch giả của nhiều tác phẩm Phật giáo giá trị. Ông mất ngày 14.12.2013, thọ 67 tuổi.)

Hơn nửa thế kỷ qua nếp sống đạo hạnh sáng ngời của Ôn đã gắn liền với sinh mệnh của Tăng Ni và tín đồ Phật tử, đặc biệt là Tăng chúng ở các Phật học viện Báo Quốc Huế, Hải Đức Nha Trang và Quảng Hương Già Lam Sài Gòn. Ôn đã yêu thương dưỡng dục chúng Tăng như cha mẹ thương yêu lo lắng cho con. Những ai may mắn được gần gũi Ôn, dù nhìn ở góc độ nào cũng nhận ra điều đó.

Hình như tuổi tác và hạ lạp của Ôn không có biên cương ngăn cách với tính tình hồn nhiên, tươi mát của chúng điệu. Cứ nhìn Ôn chơi cầu ném (boule), cờ tướng, là ta thấy rõ chân tướng từ ái hòa điệu của Ôn. Ôn thích chúng điệu luyện tập thể dục thể thao, Ôn lo cho chúng điệu từng trái cầu lông, từng quả bóng chuyền, từng chiếc mũ vải v.v... Ôn không sợ chúng điệu vì thể mà đánh mất oai nghi tể hạnh mà chỉ sợ chúng điệu ẻo uột xanh xao hay ngơ ngác chậm lụt. Mỗi khi nghe Tăng chúng khỏe mạnh hay tu học thành đạt ở cấp độ nào, gương mặt Ôn cũng hiện rõ nét vui mừng hoan hỷ. Ôn không những chăm lo yêu quý Tăng chúng mà còn xót thương chờ chớ cho những anh em không may phải xa chùa xa bạn. Ôn sợ đàn con của Ôn bị hắt hủi thảng



Tháp của Ôn trong khuôn viên Tu viện Quảng Hương Già Lam, Gò Vấp.

trầm theo thể nghiệp. Tâm tư tình cảm của Ôn lúc nào cũng dành trọn cho bằng môn đệ. Một hôm Ôn tâm sự:

*"Sơn bất tại cao,
hữu tiên tắc danh.
Thủy bất tại thâm,
hữu long tắc linh,"*

Đúng rồi, Chính vì tâm niệm này mà cả đời Ôn gắn liền với các Phật học viện, gắn liền với Tăng chúng, gắn liền với chiều hướng không gian thời gian. Ôn không ngại núi đồi trở ngại mà chỉ lo thiếu bóng Thánh Hiền, Ôn không quản nước sông khô cạn mà chỉ lo vắng mặt rồng thiêng.

Ồi! Hạnh nguyện của Ôn là kết tinh của triệu hạt kim cương để rồi lung linh phản chiếu ra muôn màu muôn vẻ. Ôn đã giáo hóa chúng con không chỉ bằng bảng đen phấn trắng, bằng ngôn ngữ văn tự, bằng kinh điển truyền thừa mà bằng cả ánh mắt hiền hòa, nụ cười âu yếm, dáng đi thanh thoát, thể đứng đường đường, bằng cả những nhịp tay uyển chuyển đưa lên khi Ôn lễ Phật, bằng cả những ngữ điệu trầm hùng khi Ôn xưng tán Như Lai. Ôn đã truyền hơi ấm cho chúng con; Ôn đã tắm gội chúng con bằng hương hoa thánh thủy; Ôn đã nuôi dưỡng con bằng giọt sữa đề hồ; Ôn đã sắm sửa hành trang cho biết bao Tăng Ni Phật tử lên đường đạo hạnh. Ôn thường dạy chúng con:

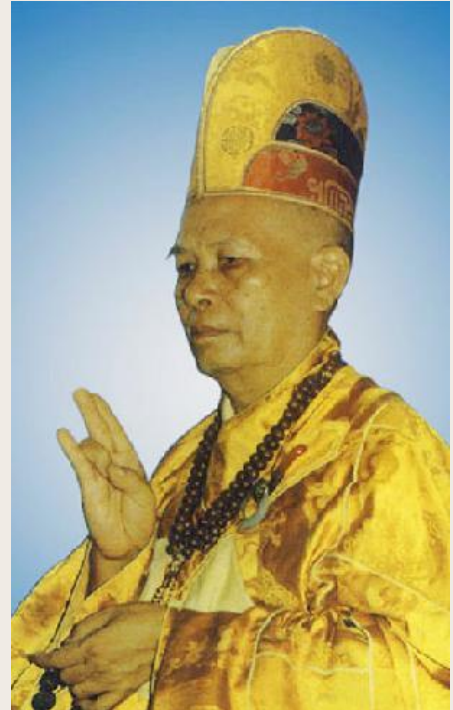
*"Chư Phật lưỡng túc Tôn
Tri pháp thường vô tánh
Phật chủng tùng duyên khởi
Thị cố thuyết nhất thừa."*

Chúng con nguyện khắc cốt ghi lòng lời dạy vàng ngọc của ôn: "Phật chủng tùng duyên khởi," vâng, "Phật chủng tùng duyên khởi!"

Âm hưởng của ôn chân tình, nhân hậu, cao quý và thanh thoát quá. Văn tự biểu tượng của chúng con không đủ sức chuyên chở ý nghĩa vời vọi của hạnh nguyện Ôn. Đành rằng biểu tượng không phải là thực thể, ngôn ngữ diễn đạt không phải là chân lý thường hằng, song xin Ôn cho phép chúng con được vay mượn một số những biểu tượng sai biệt của hồng trần để tỏ bày chút tình thiêng liêng bất diệt.

Kính xin Ôn xót thương hỷ xả và chứng giám cho chúng con.

(trích Kỷ Yếu HT. Thích Trí Thủ)



NHỮNG VẦN THƠ KÍNH NHỚ ÔN: ĐLHT. THÍCH TRÍ THỦ

KẾT DÒNG TIỂU SỬ

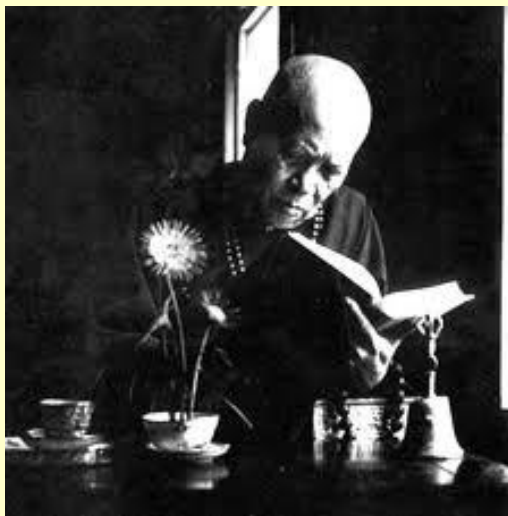
Ấy là lúc cửa thiền đôi cánh khép,
Bóng chim nào lưu ảnh giữa trường giang?
Trong dáng từ bi chiếc áo the vàng,
Thùy kim thủ nâng niu hồn thảo mộc...

Vòi nước tưới cây cộng rau cho cá,
Con chó lân la làm bạn, con heo vòi vĩnh đòi ăn.
Chén trà đặc ý câu thơ,
Bên vông ngồi nghe chuyện kể.

Đêm tĩnh mịch bùng đèn thăm giấc ngủ chúng
Tăng,
Chuông sớm điểm sương tan,
một trăm lẻ tám gối già chưa mệt.
Chăm sóc đạo tràng thiền tịnh:
hai lớp còn mừng tượng âm dung.
Độc suất làm tự điển bách khoa:
giấy mực hai lần còn ngơ ngẩn

Ôi hạnh nguyện vô cùng, thân người có hạn,
Bảy mươi sáu tuổi đời, năm mươi sáu tuổi đạo.
Ngày hai tháng tư người giải thoát an nhiên,
Biết làm sao?
Biết làm sao ngăn niềm xúc động vô biên!
Thế giới vô thường,
không có ngã ai mà sinh diệt,
Nhưng giọt lệ nhân thiên ghen ngào giờ ly biệt.

NGUYỄN HỒNG



thơ

NIỀM ĐAU NHƯỢC THẢO

Kính dâng Giác linh Ht. THÍCH TRÍ THỦ

Gót hồng nhẹ bước về ngôi,
Vẫy tay hồng pháp, ngậm ngùi Nhân sinh...
Trắng soi Báo Quốc lung linh,
Dấu rêu còn phủ sân Thiền bóng xưa.
Trầm khơi Hải Đức hương chùa,
Nao nao biển pháp nhớ mùa huyền ngôn.
Quảng Hương sương nắng gieo hồn,
Sương bay cô lục, nắng vờn thiên thu.
Cỏ cây thao thức dáng Từ,
Mưa đau Nhược Thảo, sa mù Nhã Hoa!
Giá hương rèm lụa phát qua,
Đăm nhìn chiếc vông, khay trà... mà thương!
Nhìn sâu lối sỏi Vườn Hương,
Hài rơm, gậy trúc in đường Thầy đi.
Chim nghiêng mái Tịnh ca Bi,
Nhớ "Hoàng Hoa..." giọng ngâm thi buổi trà.
Ôn như Mặt Nhật chiếu xa
Môn sinh Phật tử lệ nhòa Hương Dương...
Ấn Thầy đầy ắp Nguồn Thương,
Pháp ngôn, ái ngữ đẹp đường gấm châu.
Hàng hàng giọt lệ kết châu,
Tâm nguyên trái thắm nghinh hầu Giác linh.
Trùng trùng quang chiếu non linh
Tâm Như nhập thánh đăng trình Giá Na.
Trầm phong kín Động Kim Tòa,
Non ngàn năm hạc, mây sa chập chùng...

TÂM TÂN

(Kính dâng Giác linh Hòa thượng THÍCH TRÍ THỦ, nhân ngày Chung thất, 20.5.1984)



Tu viện Quảng Hương Già Lam năm xưa

KHÁI LUẬN VỀ VISAMYOGAPHALA - LY HỆ QUẢ

Phước Nguyên

Theo ngài Thế Thân giải thích :
«*pratisamkhyā-nirodho yo visamyogah*
[1], trạch diệt là sự ly hệ (dứt trừ kết phược);
tức là diệt đạt được do tuệ giản trạch. Ly Hệ
Quả Sanskrit gọi
là *Visamyogaphala*. *Visam* là thoát ly, tách rời,
đoạn trừ, ly khai. *Yoga* là tương ứng, liên hệ.
Nên Ly hệ, *visamyoga*: dứt khỏi sự trói buộc.

Kinh nói: “*āryāṣṭāṅgasya mārgasya kleśani-
rodho visamyogaphalam* | *yah punar laukikena
mārgena kleśanirodhaḥ sa nātyantam anuvar-
tate prthagjanānām* | *tasmāttanna
visamyogaphalam*” [2] sự diệt tận phiền não ô
nhiễm của Thánh đạo tám chi, quả ly hệ.
Sự diệt trừ phiền não ô nhiễm bằng thể gian
đạo của phàm phu, vì nó không tiến hành đến
cùng đích nên không phải là quả ly hệ [3].

Phala là quả. Ly hệ quả là quả do thể
nhập bản tính Thanh Tịnh – Bất Sinh của Niết-
bàn đem lại và cũng do thoát ly hết thầy phiền
não mà sinh khởi.

Trong *Tam Thập Tụng* của ngài Thế Thân có
bài tụng như sau:

“*sarvabījaṃ hi vijñānaṃ pariṇāmas tathā
tathā* |
*yātyanyo'nyavaśād yena vikalpaḥ sa sa
jāyate* |

由一切種識

如是如是變

以展轉力故

彼彼分別生

Thức, hạt giống của tất cả,
Do tác động hỗ tương,
Tiến hành biến thái như vậy, như vậy,
Do bởi đó, xuất hiện cấu trúc phân biệt thể
này, thể kia [4].

Ngài Huyền Tráng, giải thích tụng này có
đoạn như sau: “...Trừ ly hệ quả, vì nó không
được sản sinh từ chủng tử, mà chỉ khi nào hiện
khởi thẳng đạo đoạn trừ kết sử bấy giờ nó
mới xuất hiện...” [5]

Vì quả ly hệ (*visamyogaphala*) thuộc pháp
vô vi, không sản sinh từ chủng tử. Ly hệ quả,
đó là pháp vô vi, thiện, được chứng đắc do
đoạn trừ các chướng bằng Thánh đạo vô lậu.

Ly hệ quả là quả thành tựu đại Niết

Bàn do tu tập Đạo để ở trong Tứ Thánh Đế.

Các Luận giảng, như *Du-già*, *Hiển
Dương*, giải thích y trên tập khí y xứ mà đạt
được quả dị thực. Y tùy thuận y xứ đạt
được quả đẳng lưu. Y chân kiên y xứ được quả
ly hệ. Y sử dụng y xứ được quả sử dụng. Y trên
các y xứ còn lại đạt được quả tăng thượng...
Nói chân kiên xứ, là chỉ các y xứ mà trong đó
tất cả các công năng chứng quả ly hệ và trong
xứ này quả phi ly hệ cũng đạt được. Nhưng
trong đây hình thái của sự chứng quả ly
hệ rất rõ ràng, do đó nói riêng. [6]

Cần hiểu rõ, đoạn trừ hay thoát ly ở đây có
nghĩa như thế nào, nói là đoạn, vì nó có
hai phạm trù đoạn:

a. Tự tính đoạn (*svabhāva-prahāṇa*), bị
đoạn trừ do bản chất, khi đến giai đoạn đối
trị nó nhất thiết bị đoạn trừ.

b. Sở duyên đoạn (*ālambanakleśa-
prahāṇa*), do phiền não bị đoạn mà đối với sự
thể làm sở duyên được thoát ly [7].

Và đoạn cũng có hai nghĩa:

Một, thoát ly hệ phược, đoạn trừ phiền
não duyên vào đó, và các phiền não xen tạp
vào đó. Nghĩa là, khi phiền não duyên các căn
để khởi bị đoạn, bấy giờ các căn ấy được thoát
ly, gọi là duyên phược đoạn, tức sở duyên đoạn
[8];

“...*Khi phiền não duyên các căn để khởi bị
đoạn...*” Thuật từ Duy thức gọi là: Duyên
bĩ phiền não, *Thuật ký* giải thích, phiền
não trong bảy thức duyên đến đối tượng hữu
lậu thiện hay vô ký vô phú. Các đối tượng này
không phải là pháp hệ phược nhưng bị
các năng duyên hệ phược. Nếu phiền não năng
duyên bị đoạn, đối tượng sở duyên được nói là
đoạn. Khi phiền não trong thức thứ bảy bị
đoạn, thức thứ tám cũng được gọi là duyên
phược đoạn cũng tức là sở duyên đoạn.

“...*Phiền não xen tạp...*” thuật ngữ Duy
Thức gọi là Tạp bĩ phiền não, *Xu yếu* 2 giải
thích, có ba loại: cấu sinh tạp, dẫn sinh tạp, và
gián sinh tạp. Theo *Thuật ký*:

a. Khi thức thứ bảy khởi phiền não, tuy duy-
ên đến các pháp sáu thức các thứ nhưng sáu
thức do đó mà thành tính chất hữu lậu; vì nó
được gọi là sở ô y, sở y của pháp nhiễm ô.
Các phiền não này thường xuyên khởi trong
các trạng thái, ba tính, của sáu thức. Khi thức

thứ bảy đoạn phiền não, sắc thức được thoát ly.

b. Khởi xen kẽ nhau (gián sinh tạp), trong sáu thức, các pháp thiện và vô ký, trước sau khởi xen kẽ các phiền não.

c. Thiện hữu lậu do phiền não dẫn sinh nên thành hữu lậu tính (dẫn sinh tạp).

d. Tâm và các biến hành vốn không phải là nhiễm pháp nhưng cùng khởi với phiền não, chúng được gọi là phiền não phược (tương ứng phược, bị hệ phược do liên hệ). Khi phiền não bị đoạn, do liên bị cắt đứt, tâm và các biến hành cũng được thoát ly và được nói là đoạn. Đây gọi là đoạn trừ phiền não xen tạp với nó. Nhưng trong bốn giải thích trên (a, b, c, d),

Thuật ký lựa chọn hai giải thích (b) và (c).

Hai, vì không sinh, tức vì sở y của nó bị đoạn nên nó vĩnh viễn không sinh nữa. *Thuật ký* giải thích: y tức nhân, tức sở y xứ. Có bốn phạm trừ đoạn: tự tính, tương ứng, duyên phược, và bất sinh. Bất sinh đoạn, tức không tái sinh vào ác thú, dị thực, vô tướng định, v.v. Tức khi vào kiến đạo, sẽ không tái sinh vào những nơi đó. Phiền não lấy những nơi đó làm sở y được nói là bị đoạn[9].

Từ đâu mà đoạn? Không từ quá khứ, vì đã diệt. Không từ bị lại, vì chưa sinh. Không từ hiện tại, vì không câu hành với đạo. Nhữn từ nơi phần thô trọng của các phiền não mà có đoạn. Vì để đoạn trừ các phẩm loại thông trọng như thế như thế mà phát sinh các phẩm đối trị như thế như thế. Khi phẩm đối trị này sinh thì phẩm thô trọng này diệt, bình đẳng bình đẳng; như ở đời khi ánh sáng hiện thì bóng tối mất. Do phẩm ly hệ này khiến phiền não vị an trụ trong pháp bất sinh. Đó gọi là đoạn[10]

Căn cứ theo sự đoạn trừ do bởi thoát ly hệ phược, nói rằng thiện hữu lậu và vô ký vô phú chỉ thuộc tu sở đoạn. Những pháp nào bị đoạn bởi kiến đạo? Năm kiến; tham, sân, mạn y kiến khởi; vô minh tương ứng, vô minh bất cộng, si đối với các Thánh đế; và nghiệp dẫn đến các ác thú. Những pháp nào bị đoạn bởi tu đạo? Tất cả pháp hữu lậu thuộc tính thiện, tất cả pháp vô ký vô phú; và trừ các pháp nhiễm ô bị đoạn bởi kiến đạo, tất cả các nhiễm ô còn lại[11].

Thuận Chánh Lý Luận giải thích: "Ly hệ quả là quả trạch diệt. Trạch là trí tuệ; diệt là lậu tận. Do lấy trí tuệ làm nhân tu tập, thoát ly và tận diệt mọi sự trói buộc của tham ái,

khiến thành tự Diệt đế. Nên, Diệt đế là quả ly hệ. Trạch hay trí tuệ là tu nhân và diệt hay giải thoát là kết quả. Nên, quả ly hệ là quả trạch diệt hay là quả Niết-bàn[12].

Thành Duy Thức Luận, Huyền Tráng giải thích: "Quả ly hệ đạt được từ các nhân nhiếp thọ, dẫn phát, định dị, đồng sự, bất tương vi, và duyên tăng thượng... và Quả của mười thắng hành, về hữu lậu, có bốn, trừ quả ly hệ. Vô lậu, có bốn, trừ quả dị thực." [13]. Đoạn trừ đối trị, là ly hệ quả; hiện tại tự tha thọ dụng, là sử dụng quả; tương lai càng phát triển: đẳng lưu quả; cảm tài sản lớn: dị thực quả. Đủ cả năm quả, do tu tập mười thắng hành[14].

Cần phân biệt rằng: Vị ly hệ tập, vì chưa thoát ly sự chướng ngại chân như.

Sthiramati giải thích: do chân như chưa thoát ly khỏi những chướng ngại, mà có sự tập khởi của khổ, do đó nói là tập khởi do bởi sự chưa thoát ly hệ phược (*avisamyoga*).

Theo Thế Thân: Trong vô gián đạo, đoạn phiền não đặc (ẩn tượng phiền não). Vào giải thoát đạo, giải thoát phiền não, đặc và ly hệ đồng thời khởi. Như đuổi kẻ trộm ra khỏi nhà (vô gián đạo), sau đó đóng chặt cửa không cho nó vào lại (giải thoát đạo)[15]. Và *Câu-xá* cũng nói: "*pratisamkhyānirodho yo visamyogah*": trạch diệt là sự thoát ly hệ phược[16]. Chúng không phải là hệ phược.

Nếu duy chỉ đoạn trừ hệ phược mà chứng đắc trạch diệt, vậy hai vô vi – bất động và tượng thọ diệt – thuộc vào phi trạch diệt vì được nói là tạm thời thoát ly hệ phược. Trạch diệt vô vi duy chỉ cứu cánh diệt. Vì có trường hợp phi trạch diệt không vĩnh viễn diệt tận.

Phi trạch diệt, từ Sanskrit gọi là *apratisamkhyānirodha*, khi điều kiện cho các pháp sinh khởi đủ, mà những pháp đã xuất hiện thì pháp khác không xuất hiện được, ở trạng thái tịch diệt, tịch tĩnh, đó gọi là phi trạch diệt [17]. Thế Thân giải thích: *utpādātyantavighno'nyo nirodho'praisamkhyayā* - 畢竟礙當生 別得非擇滅 [18]:

các pháp do khuyết duyên mà tương lai vĩnh viễn không xuất hiện được gọi phi trạch diệt – diệt không do tư trạch. Và phi trạch diệt, diệt không do thoát ly hệ phược, vì tùy miên vĩnh viễn bị hại không do bởi nó[19].

Trường hợp phi trạch diệt không vĩnh viễn diệt tận do các duyên không hội đủ, lúc

bấy giờ nó hoàn toàn không xuất hiện, chứ không phải vĩnh viễn không xuất hiện[20]. Có bốn lý hệ: do duyên sai thoát mà được hoàn toàn lý hệ (phi trạch diệt vô vi), do giản trạch phiến não mà hoàn toàn lý hệ (trạch diệt vô vi), do khổ lạc tạm thời lý hệ (bất động vô vi), tâm tầm pháp tạm thời lý hệ (tưởng thọ diệt vô vi). Theo đó, bất động và tưởng thọ diệt vì tạm thời lý hệ nên được bao hàm trong phi trạch diệt [21].

Về các vô vi, theo *Ngũ uẩn luận*, có bốn: hư không vô vi, trạch diệt vô vi, phi trạch diệt vô vi, chân như vô vi. Theo các luận *Bách pháp*, *Du-già*, thêm bất động vô vi, tưởng thọ diệt vô vi, thành sáu. *Du-già sư địa luận 3*: hư không, phi trạch diệt, trạch diệt, thiện bất thiện, vô ký pháp, chân như, bất động, tưởng thọ diệt; như vậy có tám vô vi, nhưng tổng lược thành sáu. Tám hấy sáu đều bình đẳng bình đẳng.

Tóm lại, Lý hệ quả là quả giải thoát, là quả vô vi, là quả Niết-bàn. Chứng nhập Lý hệ quả là an trú bản lai tự tính tịch diệt, giải thoát hoàn mọi khát ái, ly khai mọi ẩn tượng đảo ngược, thành tựu giải thoát tối thượng, lên bờ Nhất Như. Đó chính là Ý nghĩa của Lý-hệ quả vậy.

Rừng Lu-mu, An cư 2559
Phước Nguyên

[1] *Câu-xá*, k.i. 6a

[2] *Bodhisattvabhūmi*, tr. 72.

[3] *Du-già* 38, tr. 502b4.; *Hiển dương* 18, tr. 571a.

[4] *Thành Duy Thức Luận*, Huyền Tráng, bản Việt, Tuệ Sỹ dịch.

[5] *Ibid.* Tuệ Sỹ dịch.

[6] Cf. *Du-già* 38, tr. 502b4.; *Hiển dương* 18, tr. 571a.

[7] *Thuận chánh lý* 6, tr. 362c28.

[8] *Nghĩa diễn* 10, tr. 190c.

[9] *Liễu nghĩa đẳng* 5, tr. 754c11, 25 và tiếp.

[10] *Tập luận* 4 tr. 678c24; *Tập tập* 7 tr. 727a22.

[11] *Du-già* 66 tr. 668a20.

[12] *Thuận Chánh Lý Luận* 18, T29, tr 437.

[13] *Thành Duy Thức Luận* 8, T31, tr.42.

[14] *Tập tập* 12, tr. 750a29.

[15] *Câu-xá* 23 tr. 122a16.

[16] *Kośa*. i. 3.

[17] *Du-già* 53 tr. 593a19.

[18] Cf. *Câu-xá*, k. i. 3.

[19] *Tập tập* 2, tr. 702c3.

[20] *Phật địa luận* 2 tr. 299b28.

[21] *Hiển dương* 18 tr. 572a29.

MƯA TRÊN THUNG LŨNG

*Êm êm chiều xuống chập chùng
Gió lên lùa cả mùa đông vào hồn
Sương mù giăng kín bản thôn
Mái khoan thai đếm giọt buồn theo mưa
Cây rừng chuyển giọng sầu đưa
Nhịp vang theo nhịp như xưa lắm rồi
Suối khô đã tiếp lượng trời
Ngày xanh tôi vẫn một đời tịch liêu.*

QUA THUNG LŨNG CŨ

*Muôn năm thông vẫn dạt dào
Chiều nay trở lại lũng sâu xa xôi
Tóc em xuống nhẹ vai đời
Ghé thăm hạnh phúc rồi tôi độc hành...*

CỎ HƯƠNG

*Canh tàn canh lại tàn canh
Thuyền tôi đã tạt vào ghềnh xót xa
Bơ vơ tìm trở lại nhà
Chiều im lắng dưới canh gà thê thê
À ời tiếng vông sầu quê
Buồn nghe tóc trắng ru về ban sơ.*

thơ

NGUYỄN ĐỨC SƠN



TINH KHIẾT NHƯ HOA SEN...

Thích Nữ Hạnh Tâm

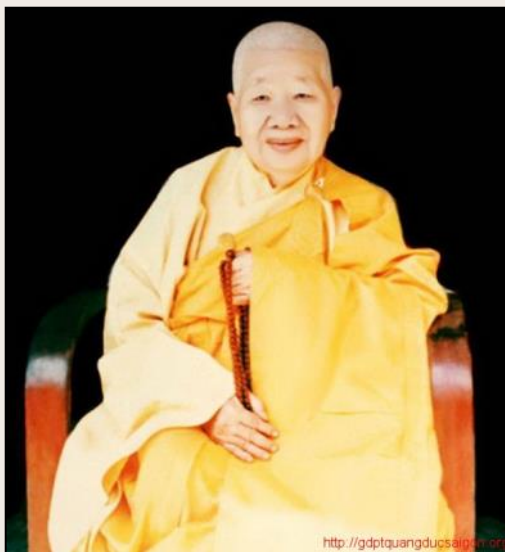
"Tịnh-hạnh thành ra đạo-nghi, trong sạch trọn nên giới phẩm. Chí-khí cao như các vòm sao trên bầu trời, uy-nghiêm như gió như mây. Trong tâm ô-m-ấp đức-tính con sư-tử, ngoài tướng biểu-hiện cái uy của tượng-vương. Cõi Người cõi Trời khen ngợi vâng theo và các bộ Long-thần đều khâm-phục."

Mượn lời Tổ đức nêu cao đức tướng uy nghi của bậc xuất thế để nghĩ về một vị Trưởng lão Ni tài đức song toàn, bậc Long Tượng của Ni giới Việt Nam một thời vang bóng. Người đến và đi rực sáng như ngôi sao Bắc Đẩu trên bầu trời nhân thế và tinh khiết như loài sen tỏa ngát hương lành trong khu vườn đạo pháp mênh mông.

*"Tinh khiết như hoa sen
Rạng ngời như Bắc đẩu
Xin quay về nương náu
Bậc thầy của Nhân Thiên"*

Tôn dung khả kính, đạo hạnh uy nghiêm, mỗi lời nói mỗi bước đi khiến đại chúng cúi đầu quy phục, mỗi tâm nguyện mỗi việc làm đều thể hiện chân tướng bậc đại trưởng phu uy dũng. Đó là hình ảnh cố Sư trưởng thượng Như hạ Thanh, Viện chủ Tổ đình Huệ Lâm, vị lãnh đạo tối cao của Ni bộ Bắc Tông một thời; vị thầy đức hạnh, mẫu mực của Ni giới; là Giáo Thọ sư mà Ni chúng khắp nơi tâm nguyện nương về tu học; là vị Tuyên Luật sư mà bao thế hệ chư Ni mong nhờ ân đức của Người được lãnh thọ giới pháp.

Sư trưởng vốn xuất thân con nhà quan lại, gia phong nề nếp tại làng Tăng Nhơn Phú huyện Thủ Đức - nay là quận 9, TP. HCM. Ngoài hai mươi tuổi, Người quyết chí từ bỏ gia đình, tìm thầy xuất gia, tham cầu học đạo từ Sài Gòn xuôi xuống miền Tây, ra tận Huế rồi trở vào Bình Định dừng chân tại chùa Thập Tháp, cầu học những bộ kinh đại thừa thâm diệu với những vị Đại đức danh sư lúc bấy giờ. Sau đó Người tiếp tục ra Bắc cầu thọ Đại giới và tham học các bộ luật căn bản, luật Tứ phần



NI TRƯỞNG THÍCH NỮ NHƯ THANH
(1911 – 1999)

Tỳ Kheo Ni và nghiên cứu Luật Tạng. Là người thông minh mẫn tiệp, Sư trưởng tiếp thu nghĩa lý kinh luật sâu xa rất tường tận nhanh chóng, chư Tôn đức giáo thọ đương thời khi trùng tuyên giáo điển cho Người đều hết lời khen ngợi tán thán.

Sau thời gian du phương cầu học viên mãn, năm 1942... Người trở về Nam bắt đầu công việc hoằng pháp lợi sanh. Trước tiên là mở lớp dạy Luật tại chùa Hội Sơn (Thủ Đức) trong 3 tháng, chư Ni từ Nha Trang, Mỹ Tho cũng đến tham học. *"Mùa an cư năm ấy, Sư cụ Diệu Tấn, trụ trì chùa Kim Sơn (Phú Nhuận) khai Hạ an cư, mời Sư trưởng làm Thiền chủ và giảng dạy giáo lý cho chư Ni. Ni chúng tụ về an cư hơn 80 vị. Sau đó Sư trưởng mở lớp dạy Quốc ngữ, xóa nạn mù chữ cho dân trong vùng."*

Năm 1945, Sư trưởng nhận lời ông bà Tri huyện Nguyễn Kỳ Sắc về trụ trì chùa Huệ Lâm Quận 11 và bắt đầu công việc kiến thiết tu sửa biến nơi đây thành một chốn Già Lam tôn nghiêm thanh tịnh. Hai năm sau, Phật Học Viện Huệ Lâm ra đời, chư Ni các nơi về theo học rất đông. Lớp học chúng đầu tiên ngày ấy sau này đều là bậc Ni trưởng đạo cao đức trọng, là bậc mô phạm để hàng Ni chúng và Phật tử cùng nương về tu tập học đạo. Tiếp đến Người lập thêm những ngôi Tự Viện từ Sài Gòn đến khu Đại Tòng Lâm và thành phố Vũng Tàu để chúng Ni sau khi tốt nghiệp Học Viện về đây cùng làm Phật sự, tiếp nối sứ mệnh hoằng pháp lợi sanh, báo ân Tổ đức.

Ngoài việc thành lập Ni trường nuôi dạy học chúng, Sư trưởng cũng mở ra các trường Trung Tiểu học Kiều Đàm miễn phí cho con em các gia đình nghèo đến học, lập Ký Nhi Viện, phòng thuốc nam cùng các cơ sở tự túc và từ thiện xã hội... Tất cả các cơ sở đó chỉ với mục đích giúp đỡ xoa dịu những mất mát đau thương thời chiến sự và nuôi dưỡng ý chí tự lập cho học chúng môn đồ. *"Người nâng đỡ, dìu dắt"*



chư Ni theo kịp trào lưu tiến hóa của xã hội về mọi phương diện qua các thời đại, trong khuôn khổ giới luật, kỷ cương theo lời Phật dạy."

Với tài năng lãnh đạo và chí khí hơn người, năm 1956, Giáo hội Tăng Già Nam Việt được thành lập, Sư trưởng bày tỏ ý nguyện thống nhất Ni bộ và được chư Tôn Đức trong Giáo hội ủng hộ. Thế là Người đích thân đi đến các chùa Ni từ miền Đông qua miền Tây Nam bộ để vận động chư Ni cùng đoàn kết thống nhất và nâng đỡ khuyến khích những vị hữu tài thực đức, nhiệt tâm vì đạo cùng đứng ra lãnh đạo vì sự phát triển chung của Ni giới. Không bao lâu, Ban quản trị Ni bộ ra đời có nội quy riêng, tổ chức hành chánh riêng, trụ sở đặt tại chùa Huệ Lâm. Được sự tín nhiệm và ủng hộ của Giáo hội và đại chúng, Người được suy tôn là Sư trưởng lãnh đạo Ni bộ Bắc Tông. Năm đó Sư trưởng mới 46 tuổi. *"Bằng cả trí tuệ, tài năng và sự quyết tâm làm rạng rỡ Ni giới, Người đã tìm được một vị trí xứng đáng, vững chắc cho Ni chúng trong hàng ngũ Giáo hội Phật giáo Việt Nam"*

Xây chùa lập Tự Viện, mở Ni trường thấu học chúng các nơi về tu tập khai thông trí tuệ. Sư trưởng còn là Giáo thọ sư, Giảng sư Ni nổi tiếng về tư tưởng Đại Thừa Liễu Nghĩa, là bậc Hạnh Giải kiêm ưu, hành trì Giới luật rất nghiêm mật. Người đem hết tinh hoa Đạo pháp tham học nghiên cứu bao năm truyền trao lại cho đại chúng. Không chỉ chư Ni trẻ mà các vị Lão Ni có danh tiếng trong sự nghiệp hoằng pháp từ miền Trung đến miền Nam đều có tham học và thọ giáo Sư trưởng.

Dù rất bận rộn với các công việc của Ni bộ, của Ni trường, việc trong việc ngoài, việc đạo việc đời... nhưng khi đêm xuống, trong thư phòng tĩnh lặng, cảnh vật xung quanh lắng đọng thanh tịnh cũng là lúc Sư trưởng bắt đầu công việc trước tác dịch thuật của một Học giả yêu thích văn chương thi phú. Cho đến ngày Người về Phật (26-01 năm Kỷ Mão/1999) chúng đệ tử tại Tổ đình đã sưu tầm những tác

phẩm còn lưu lại của Người gồm 3 phần "Trước tác biên soạn, dịch thuật và thi phẩm" khoảng trên dưới 30 đầu sách, đa phần là bản đánh máy, được Người trước tác và phiên dịch ròng rã trong 60 năm.

Sơ lược về hành trạng của Sư trưởng, chúng ta hiểu được đôi nét khái quát về một bậc trưởng lão Ni có chí khí tài năng vượt bậc. Với tài năng chí khí ấy, Người tạo dựng sự nghiệp hoằng pháp vì lợi ích chúng sanh nhưng trên hết vì sự phát triển của Ni giới. Vượt qua mọi rào cản ràng buộc cùng những định kiến phân biệt của thời đại phong kiến, Người mạnh dạn cất lên tiếng nói đầy uy lực và nhanh chóng bắt tay vào công cuộc xây dựng Ni giới trở thành một tập thể đoàn kết, một tổ chức hợp nhất có quy tắc chuẩn mực riêng trong ngôi nhà chung của Đạo pháp.

Gần hai thập niên... hình bóng tôn dung bậc đại Ni trưởng Lão đã không còn hiện hữu nhưng hạnh nguyện lợi tha, cống đức tu tập một đời của Người vẫn ghi đậm dấu ấn qua mỗi hành trình dẫn thân của Ni giới ngày nay. Là bậc lãnh đạo tối cao trong Ni bộ, có tầm ảnh hưởng sâu rộng với mọi giới mọi miền, nhưng trong nếp sống hằng ngày, Người vẫn giữ sự khiêm cung bình dị và rất nghiêm túc hành trì giới luật trong mọi lúc mọi nơi. Chính sự nghiêm trì giữ giới mà phong thái của Người luôn toát lên vẻ uy vũ mà đức độ, nghiêm khắc mà lại bao dung hòa nhã. Và cũng chính sự nghiêm trì giới luật mà trải qua các kỳ Đại giới đàn từ tổ chức tại Sài Gòn và các tỉnh thành từ năm 1946 đến 1989, Sư trưởng luôn được chư Tôn đức, Hội đồng Ni bộ cùng thỉnh Người làm Hòa thượng Đoàn đầu truyền trao giới pháp cho giới tử Ni.

Giới luật tạo nên đạo phong cốt cách, là lẽ sống thanh cao, là uy lực tối thượng của người xuất gia đầu tròn áo vuông sống đời tịnh hạnh. Là người lãnh đạo Ni bộ nên Sư trưởng rất quan tâm đến việc oai nghi tế hạnh của đại chúng. Từng cử chỉ lời nói đi đứng nằm ngồi của Người luôn thể hiện khuôn vàng thước ngọc





để Ni chúng noi theo. Chư Ni trẻ ngày ấy nghe danh Sư trưởng đều rất e ngại lo sợ khi được thầy tổ gọi về Huệ Lâm tu học. Thế nhưng khi được gần gũi kề cận bên Người, ai cũng nhìn thấy sự nghiêm khắc ấy toát lên cả tấm lòng từ ái khoan dung độ lượng. Người luôn quan tâm đến mọi người, nhất là người già bệnh tật, những người kém may mắn trong xã hội. Khi tiếp cận với bất cứ ai, Người đều đối xử bình đẳng, không phân biệt nghèo hèn hay giàu sang địa vị. Còn với đại chúng... Người đều xem như đệ tử dạy bảo tận tình khuyến tấn tu học, không phân biệt vùng miền, là đệ tử của ai.

Trải qua bao cuộc thăng trầm biến đổi... bến sông xưa dù đã thay dòng nhưng mạch nguồn vẫn tuôn chảy qua muôn ngõ ngách của cuộc thế. Trên nền móng cũ vững vàng, Phân ban Đặc trách Ni giới Việt Nam được thành lập, một lớp Ni trẻ có tài năng, có học hạnh đang từng bước mở ra một chân trời mới để Ni giới Việt Nam phát triển và hòa nhập vào cộng đồng thế giới. Và rồi đây một lớp Hoằng Luật Ni nội trú đầu tiên cũng sẽ được khai giảng trong niềm vui và kỳ vọng của bao người.

Tất cả những thành quả mà Ni giới Việt Nam có được ngày nay đều thừa hưởng từ kho tàng trí huệ, từ năng lực xuất trần của tiền nhân để lại. Dấu ấn thời gian càng tô đậm thêm khí chất của bậc Ni lưu và những người con gái Đức Như Lai dù đến dù đi vẫn lan tỏa cho đời mùi hương sen diệu mầu thanh khiết./.

Lam Khê - TN HẠNH TÂM

thơ

GÁC KIỂM

*Thiếu dục khỏi cầu cũng thoát mê
Tài sắc danh xưng chẳng bận bề
Vô vi đạo học tâm luôn mở
Giữa chốn phồn hoa biết trở về.*

*Tri túc cuộc đời đẹp lắm thay
Nương theo giáo pháp Phật chỉ bày
Sống vui tu tập trên đường đạo
Giảm bớt mong cầu trí hiển khai .*

*Bao năm tham dục khổ đã nhiều
Nay ta gác kiểng giữa nắng chiều
Thành thoi một túi thơ nguồn đạo
Ngắm nhìn mây trắng cõi lãng phiêu .*

TÁNH THIỀN





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH

4717 W. First St., Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473 * Fax: (714) 568-1009

Phật Lịch 2560

Số 35/HĐĐH/TT/CT

THÔNG TƯ

Kính gửi: Chư tôn Trưởng Lão, chư tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni và quý Cư Sĩ thành viên GHPGVNTNHK

Trích yếu: V/v thông tri và kính cung thỉnh/kính mời tham dự các Phật sự quan trọng trong năm 2017

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,

Kính bạch chư tôn đức Tăng, Ni,
Kính thưa quý Cư Sĩ thành viên GHPGVNTNHK,

Theo tinh thần và các quyết định của cuộc họp đầu năm 2017 của Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK vào chiều ngày 18 tháng 3 năm 2017 tại Chùa Bát Nhã, Trụ Sở Văn Phòng Thường Trục Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK, 4717 W. First St., Santa Ana, CA 92703, xin kính thông tri đến chư tôn Trưởng Lão, chư tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni và quý Cư Sĩ thành viên GHPGVNTNHK những Phật sự sẽ được thực hiện trong năm 2017 như sau:

1/ Để xứng tụng ngày Khánh Đản của Đức Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni, hàng năm GHPGVNTNHK đều long trọng tổ chức **Đại Lễ Phật Đản** chung tại Miền Nam California, nơi tập trung đông đảo nhất của cộng đồng người Việt tị nạn tại Hoa Kỳ và hải ngoại. Năm nay, Đại Lễ Phật Đản Phật Lịch 2561 sẽ được GHPGVNTNHK cùng các chùa viện và tổ chức Phật Giáo tại Miền Nam California tổ chức tại Mile Square Park, Thành Phố Fountain Valley, California, vào các ngày **Thứ Bảy và Chủ Nhật, 22 và 23 tháng 4 năm 2017** mà Đại Lễ Chính Thức diễn ra vào ngày 23 tháng 4 năm 2017 do Hòa Thượng Thích Thiện Long, Viện Chủ Chùa Phật Tổ, Long Beach, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Kinh Tế Tài Chánh của Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK là Trưởng Ban Tổ Chức. Chương Trình của Đại Lễ Phật Đản năm nay cũng sẽ gồm có thuyết pháp, cầu nguyện hòa bình thế giới, nghi thức Khánh Đản, thuyết trình về hiện tình đất nước, đặc biệt sẽ có phần trình bày khái quát lịch sử Phật Giáo Việt Nam bằng Anh ngữ cho giới trẻ am tường. Đại Lễ cũng sẽ tổ chức Lễ Cúng Đường Trai Tăng cho 500 Tăng, Ni để hồi hướng công đức lên Đức Thế Tôn và cầu nguyện hòa bình thế giới.

2/ Để tạo thuận duyên cho chư Tăng, Ni cộng trú an cư kiết hạ trong mười ngày tại một trú xứ hầu có thể hỗ trợ thêm cho việc trau dồi giới đức của người xuất gia, từ hàng chục năm qua, với sự chỉ đạo của Hội Đồng Giáo Phẩm, Tổng Vụ Tăng Sự Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK đã thường xuyên tổ chức an cư kiết hạ. Năm nay, **Khóa An Cư Kiết Hạ** sẽ được tổ chức tại Niệm Phật Đường Fremont, Thành Phố Fremont, Miền Bắc California, **từ ngày 12 đến ngày 22 tháng 6 năm 2017** do Hòa Thượng Thích Thái Siêu, Viện Chủ Niệm Phật Đường Fremont, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Giáo Dục Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK là Hóa Chủ.

3/ Để thuận tiện việc đi lại và các Phật sự cho chư tôn đức Tăng, Ni và quý Cư Sĩ thành viên GHPGVNTNHK, như các năm trước, năm nay, **Đại Hội Thường Niên** Lần Thứ Nhất, Nhiệm Kỳ III của Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK sẽ được tổ chức vào **Chủ Nhật, ngày 11 tháng 6 năm 2017** tại Niệm Phật Đường Fremont, Thành Phố Fremont, Miền Bắc California, do Hòa Thượng Thích Thái Siêu làm Trưởng Ban Tổ Chức Đại Hội.

4/ Từ mấy năm nay, Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ đã thành nề nếp sinh hoạt thường niên không thể thiếu để đáp ứng nhu cầu tu và học Phật Pháp của chư Tăng, Ni và Thiện Nam Tín Nữ Phật Tử. Năm nay, **Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 7** do Ni Sư Thích Nữ Nguyên Thiện làm Trưởng Ban Tổ Chức sẽ được tổ chức từ Thứ Năm đến Chủ Nhật, **từ ngày 20 đến ngày 23 tháng 7 năm 2017** tại Holiday Inn Chicago North Shore, 5300 W. Touhy Avenue, Skokie, IL 60077.

Vì sự hưng thịnh của Phật Giáo Việt Nam nơi xứ người và vì Phật sự chung của Giáo Hội, thành tâm kính cung thỉnh chư tôn Trưởng Lão, chư tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni và kính mong quý Cư Sĩ thành viên Giáo Hội hoan hỷ sắp xếp Phật sự tại địa phương và gia sự để quang lâm chứng minh và tham dự tất cả những Phật sự quan trọng nói trên.

Xin gia tâm cầu nguyện và hết lòng hỗ trợ mọi mặt cho các Phật sự của Giáo Hội đều được thành tựu viên mãn.

Kính chúc chư tôn Trưởng Lão, chư Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni phước huệ trang nghiêm, Phật sự viên thành; đồng kính chúc quý Cư Sĩ thành viên Giáo Hội bồ đề tâm bất thoái, thân tâm thường an lạc.

Nay Thông Tư.
Santa Ana, ngày 19 tháng 3 năm 2017
Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK
Chủ Tịch
Sa Môn Thích Tín Nghĩa

NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC CHO NỀN PHẬT GIÁO ÂU MỸ

H.T. Thích Trí Chơn

ROBERT CHALMERS (1858-1938)

Sinh ngày 18-08-1858 tại Anh quốc, Robert Chalmers:

- Tốt nghiệp Tiến Sĩ Văn Chương (D. Litt.) tại Đại học Oxford (miền trung nam nước Anh).
- Hội viên trường Oriel College (thành lập năm 1326 thuộc đại học Oxford).
- Hội viên Bảo Tàng Viện Anh quốc (Trustee of the British Museum).
- Hội viên Hàn Lâm Viện Anh quốc (Fellow of the British Academy).
- Chủ tịch Hội Hoàng Gia Á Châu (President of the Royal Asiatic Society).

Robert Chalmers là con trai độc nhất của ông John và bà Juliet Chalmers. Khi còn nhỏ, ông được gia đình gửi đến học trường City of London. Năm 1877, ông ghi tên nhập học trường Oriel College. Đầu tiên ông chọn học môn cổ điển (classics); sau ông bỏ ngành cổ điển, chọn khoa học làm môn chính và môn phụ là sinh vật học (biology). Có lần ông định đổi sang học ngành bác sĩ y khoa (medicine).

Năm 1822, ông đỗ đầu trong kỳ thi vào trường Hành Chánh Dân Sự Cao Cấp (*Higher Administrative Division of Civil Service*) để học ngành tài chính (Treasury). Ông tiến rất nhanh, xuất sắc về các môn kế toán và thống kê. Năm 1903, ông nhận giữ chức vụ Phó Thư Ký (Assistant-Secretary) và sau đó Trưởng Phòng Kế Toán (Accountant-General) ở Bộ Hải Quân. Năm 1907, ông được bổ nhiệm làm chủ tịch suốt 4 năm ở Sở Thuế Vụ Nội Thương (Board of Inland Revenue) tại Anh quốc. Robert Chalmers lập gia đình lần đầu tiên năm 1888 với Maud Mary, con gái ông J.G. Forde Piggott. Bà này qua đời năm 1923 có được với Chalmers ba người con, hai trai một gái. Hai người con trai, một gia nhập quân đội, và người kia làm luật sư. Cả hai đều hy sinh trong trận thế chiến thứ nhất năm 1915. Năm 1935, R. Chalmers tái kết hôn với Iris Florence, con gái của ông John Biles và là quả phụ của giáo

sư R. Latta. Nhưng lần thứ hai lập gia đình này, R Chalmers không có người con nào.

Nghiên Cứu Phật Giáo Qua Thánh Ngữ Pali Trong Thời Gian Làm Thống Đốc Xứ Tích Lan

Một trong những lý do khiến R. Chalmers muốn đến Tích Lan (Sri Lanka) - nơi có nhiều chư Tăng, học giả thông suốt tiếng Pali, là vì ông thích nghiên cứu thánh ngữ này khi ông còn theo học tại trường Hành Chánh, như trong một đoạn thư viết dưới đây của ông H. Butterfield, tổng thư ký trường Peterhouse College (thành lập năm 1824 thuộc Đại học Cambridge, Anh quốc) cho biết:

"Tôi còn nhớ R. Chalmers có lần đã bảo với tôi rằng khi ông làm công chức ở ngành Hành Chính, ông cảm thấy ông có khả năng để học hỏi thêm một cổ ngữ, nên ông đã chọn Pali là thứ tiếng mà ông nghĩ rằng ông có thể nghiên cứu".

Hơn nữa, trước khi đến nhận chức Thống Đốc xứ Tích Lan (Governor of Ceylon) từ năm 1913 đến 1916, R. Chalmers đã theo học Pali nhiều năm với giáo sư Rhys Davids (1843-1922) tại Anh quốc, và ông ta cũng đã bắt đầu phiên dịch các kinh điển Phật Giáo từ Pali ra Anh văn.

Thực vậy, trong thời gian ở Tích Lan, R. Chalmers đã tỏ ra là một nhà ngữ học Pali uyên bác khiến các học giả, chư Tăng Tích Lan bấy giờ rất khâm phục. Có lần ông được mời chủ tọa buổi lễ phát thưởng tại trường đại học Đông Phương (*Vidyodaya Pirivena*) ở Colombo (thủ đô Tích Lan); chư Tăng Tích Lan tưởng R. Chalmers không thể nói rành tiếng Pali, nên họ đã yêu cầu ông trong buổi lễ phát biểu bằng Anh văn, và sẽ có người dịch ra tiếng Sinhalese (Tích Lan). Nhưng R. Chalmers đã từ chối bảo rằng ông có thể nói chuyện trực tiếp bằng tiếng Pali. Và, trong suốt hơn nửa giờ, trước đông đảo quần chúng, chư Tăng Tích Lan, R. Chalmers đã phát biểu tiếng Pali trôi chảy, rõ ràng từng chữ, với câu kết luận khiến mọi người hiện diện hôm đó vô cùng ngạc nhiên và thán phục: "Tôi cầu mong Thánh ngữ

Pali sẽ được mãi mãi phát triển tại đảo Tích Lan” (*May this noble Pali Language ever flourish in Lanka*).

Tại Tích Lan, R. Chalmers tiếp tục công trình nghiên cứu Phật Giáo qua cổ ngữ Pali. Theo bà Rhys Davids (1858-1942) cho biết, trong thời gian ở đây, ông ta đã chuẩn bị cho ấn hành (phiên âm Pali theo mẫu tự La Tinh) tập *Papanca-Sùdani*, chú giải về Trung Bộ Kinh (*Majjhima Nikaya*), với sự cộng tác của các học giả, chứ Tăng Tích Lan bấy giờ, nhất là Thượng Tọa Ramalàne Dhammàràna. Trong thư đề ngày 25-06-1915 do bí thư của R. Chalmers ký thay ông ta để phúc đáp cho T.T. Dhammàràna có đoạn viết như sau:

“Tôi đã trình bày sự việc với ông thống đốc (R. Chalmers) về lời thỉnh cầu ghi trong thư của Thượng Tọa đề ngày 24 tháng 6 vừa qua, việc Thượng Tọa muốn gặp ông thống đốc để thảo luận về công tác hoàn tất và cho ấn hành cuốn Papanca-Sùdani mà ông R. Chalmers đã mong đợi từ lâu, tôi kính xin trả lời để Thượng Tọa rõ là hiện nay ông Thống Đốc chưa có thì giờ, nhưng ông ta rất mong được gặp, tham khảo ý kiến với Thượng Tọa trong công trình phiên dịch này vào một ngày khác thuận tiện, mà tôi sẽ thông báo cho Thượng Tọa biết sau”.

Những Đóng Góp Của R. Chalmers Cho Nền Phật Học Tây Phương

a) Tham gia Hội Phiên Dịch Kinh Tạng Phật Giáo Pali và Ban Dịch Thuật toàn bộ Kinh Bốn Sanh (*Jataka*)

Sau khi về hưu, R. Chalmers được mời làm giáo sư dạy ở trường Peterhouse College, và tại đây ông tiếp tục nghiên cứu cả hai cổ ngữ Sanskrit (Phạn) và Pali. Dưới sự hướng dẫn, khuyến khích của Tiến Sĩ Rhy Davids (1842-1922), R. Chalmers đã tham gia Hội Phiên dịch Kinh Tạng Pali (*The Pali Text Society*) tại Luân Đôn, và Ban Dịch Thuật gồm nhiều học giả do giáo sư E.B. Cowell (1826-

1903) thành lập tại Cambridge (Anh quốc) để dịch toàn bộ Kinh Bốn Sanh (*Jatakas*) gồm 550 mẫu chuyện tiền thân của đức Phật từ Pali ra Anh văn.

b) Công trình phiên âm, dịch thuật Kinh tạng Pali

Dưới đây là những bộ kinh do R. Chalmers đã phiên âm Pali theo mẫu tự La Tinh

ROBERT CHALMERS (1858-1938)



(Romanized Pali):

- 1896-1898: Tập II, *Majjhima Nikaya* (*Trung Bộ Kinh*) thuộc Kinh tạng (*Sutta Pitaka*).

- 1899-1902: Tập III, *Majjhima Nikaya* (*Trung Bộ Kinh*) thuộc Kinh tạng.

R. Chalmers cũng đã dịch từ nguyên bản Pali ra Anh văn các bộ kinh:

- 1895: Tập (Vol.) I, *Stories of Buddha's Former Births (Jatakas)*, gồm 150 mẫu chuyện Tiền thân của đức Phật, trong Tiểu bộ Kinh (*Khuddaka Nikaya*) thuộc Kinh Tạng.

Tập này được xuất bản trong toàn bộ 6 tập (Vols.) dưới sự chủ biên của học giả E.B. Cowell.

- 1926: Tập I, *Further Dialogues of the Buddha (Majjhima Nikaya)*, Trung Bộ Kinh thuộc Kinh Tạng.

- 1927: Tập II, *Further Dialogues of the Buddha (Majjhima Nikaya)*, Trung Bộ Kinh thuộc Kinh Tạng.

- 1932: *Woven Cadences (Sutta Nipata)*, Kinh Tập hay “Những bài Pháp sưu tập” trong Tiểu Bộ Kinh (*Khuddaka Nikaya*) thuộc Kinh Tạng.

Tập này gồm 300 trang do Đại học Harvard tại Boston (Hoa Kỳ) xuất bản cuốn thứ 37 trong bộ “*Đông Phương Học*” (*Harvard Oriental Series*).

R. Chalmers qua đời năm 1938 tại Anh quốc, hưởng thọ 80 tuổi. Trước khi mất, ông đã hiến tặng toàn bộ thư viện gồm nhiều kinh sách Pali giá trị của ông cho bà I. B. Horner, một học giả Pali lúc ấy đang làm quản thủ thư viện tại trường Newnham College, thuộc đại học Cambridge; và sau này bà được bầu làm chủ tịch “Hội Phiên Dịch Kinh Tạng Pali” (*The Pali Text Society*) tại Luân Đôn từ năm 1959-1981.

THÍCH TRÍ CHƠN

(*Chánh Pháp sẽ lần lượt đăng trọn tác phẩm NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC CHO NỀN PHẬT GIÁO ÂU MỸ trong những số kế tiếp. Thành kính tri ân Cố Hòa Thượng Thích Trí Chơn, và xin kính mời độc giả đón đọc*)

Kiếp dã tràng

TOẠI KHANH

Một thiền sư trứ danh người Thái Lan là ngài Achahn Chah từng nói rằng hành giả đừng quá tin tưởng vào cảm giác bản thân. Những gì mình thấy thích thú hay ghét sợ nhiều khi chỉ là một sự hiểu lầm. Có điều là xưa giờ thiền ha thường khi không chịu suy lý bằng trí tuệ, mà chỉ đánh giá vấn đề theo tình cảm thương ghét của mình. Do được huân tập nhiều đời, thói quen đó có một sức mạnh khó cưỡng. Người ta sẵn sàng bỏ ra cả đời để vun xới các cảm giác buồn vui mong manh như một con dã tràng mòn đời bên bờ biển với những giấc mơ cát trắng bẽ bàng. Ngồi yên ngắm nghía những buồn vui thương ghét trong lòng mình rồi bình tĩnh xem phản ứng của mình là do thứ nào tác động. Tôi nghĩ đó là một công phu quan trọng. Dĩ nhiên đây không phải chuyện đầu hôm sớm mai mà làm được. Tôi chợt muốn dùng một cụm từ, mà có lẽ nhiều người không đồng ý, để gọi tên một phép tu dưỡng là Tự Kỳ Âm Thi. Buổi đầu chuyện gì cũng khó, nhưng nếu nghiên luyện tập lâu ngày thì tôi tin chắc hẳn rằng có thể thành công. Đó là một tâm niệm có vẻ máy móc—rằng đã biết cái gì cũng phù du sao mình ngu thế!



Buổi đầu, nó có vẻ là một sự dối lòng hoặc là có chút ngây ngô. Nhưng qua nhiều ngày, tôi tin nó sẽ trở thành một thói quen. Bởi rõ ràng mọi phiền não chỉ là thói quen. Và thói quen này chỉ được chấm dứt bằng một thói quen khác. Ở đây tôi tuyệt không muốn sử dụng bất cứ thuật ngữ chuyên môn nào trong kinh điển. Tôi không muốn có kẻ nói tôi tiếp tục rao giảng lời nhai hoặc xâu hay làm tốt. Chỉ cần một phần mười độc giả chấp nhận bài viết này thì tôi vui rồi. Mọi nhận xét khác... xin gửi gió cho mây ngàn bay!

Mỗi ngày hay tối thiểu mỗi tuần một lần hãy thử làm ngược lại ý muốn nào đó của mình xem sao. Chẳng hạn một buổi sáng ngồi trước máy computer để làm việc, khi liếc mắt vào một đồng email hay tin nhắn mà mình nghĩ là không giúp ích cho công việc hay cho đời sống của mình. Cả điện thoại cũng vậy. Nếu thực tập được, hãy ráng lạnh lùng không bắt máy khi đọc thấy những số điện thoại mà mình đoán chắc rằng không ích lợi. Cái phiền trong cuộc sống thường nhật thường xảy đến từ những thứ rác rưởi như vậy. Hãy can đảm làm ngơ với chúng để tránh hoang phí những phút giây vàng ngọc của đời sống ngắn ngủi. Đời sống có nhiều thứ đáng mất thời gian hơn những phiền phức không cần thiết ấy. Từ chối càng nhiều những thứ vớ vẩn thì tự nhiên đời sống có ngay những giá trị khó ngờ. Một cái tủ cất chứa quá nhiều những thứ rẻ tiền thì không còn chỗ cho những thứ đáng giá nữa. Muốn bên trong cái tủ thêm giá trị thì phải biết bỏ đi những gì không xứng đáng. Đó hình như lại cũng là một nguyên tắc.

Cứ thử chơi trò Tự Kỳ Âm Thi đó trong một thời gian. Có thể đó cũng là một trò chơi phù du như dã tràng xe cát thôi, nhưng một ngày nào đó gặp chuyện, ta sẽ thấy ra cái diệu dụng của trò chơi thú vị mà cũng cực kỳ gian lao này. Mời anh, mời chị, mời cả những người tôi có thể gọi là em. Sân chơi là cõi lòng mỗi người. Hãy tập chơi một mình với riêng mình.

Ồ hay, ngoài kia là một bãi cát vắng người, ta ngồi xuống với ta như một cõi đi về...!



BA PHÁP QUY-Y

(*Phật Pháp Thứ Năm* — bài viết hàng tuần của GDPT
do **Nhóm Áo Lam** thực hiện)

Định Nghĩa: Quy: là trở vế. Y: là nương tựa. Quy-y Tam Bảo: Là trở vế và nương tựa Phật, Pháp và Tăng.

I. Quy-y Phật: Là trở vế với Đức Phật không theo thượng đế tà sư, ma quỷ thiên thần, chỉ nương tựa theo Đức Phật mà sống, từ lời nói, s-nghĩ cho đến việc làm. Phật là vị đạo sư dẫn dắt cho chúng sanh đi trên con đường chánh trong cuộc đời.

II. Quy-y Pháp: Là trở vế với Pháp Phật, không theo những ngoại đạo tà giáo, nương tựa theo những lời dạy của Đức Phật. Pháp là con đường của tình thương và sự tỉnh thức.

III. Quy-y Tăng: Là trở vế với Tăng bảo, một đoàn thể Tăng già xuất gia tu-hành, không theo các bạn bè độc-ác có hại từ lời nói, s-nghĩ cho đến việc làm. Tăng là đoàn thể của những người sống theo cuộc đời của Đức Phật.

IV. Lễ Quy-y: "Trước Tam Bảo con xin mở rộng lòng thương và tìm cách bảo vệ sự sống của mọi người và mọi loài. Con xin mở rộng tầm hiểu biết, để có thể thương yêu và chung sống với mọi người và mọi loài." Những lời này được phát nguyện dưới sự chứng minh của một vị sư truyền giới. Vị sư này sẽ đặt pháp danh và là bổn sư của người phát nguyện. Sau đó người phát nguyện được chính thức gọi là Phật-tử.

Kết Luận: Quy-y Phật-Pháp-Tăng là một việc làm rất quan trọng, là cái tạo hần đời sống của mình, là bước trên con đường mới mẹ luôn luôn được Phật-Pháp-Tăng soi sáng chỉ đường và che chở.

(*Tài liệu Phật Pháp của bậc Hướng Thiện GDPTVN*)

TAKING REFUGE IN THE THREE JEWELS

I. "Take Refuge in the Buddha, the one who shows the way in this life": To dedicate your life and lead it towards Buddha's path. Do not worship other religious outside of Buddhism.

II. "Take Refuge in the Dharma, the way of understanding and love": To live by Buddha's teachings as the true and penetrating path.

III. "Take Refuge in the Sangha, the community that lives in harmony and awareness": To live a life similar to the Sangha's, a group of 4 or more Buddhist monks. Do not associate with groups that could have bad influence on speech, thoughts and behaviors.

IV. The ceremony of taking the 3 Refuges: In front of the 3 Jewels - Buddha, Dharma and Sangha, one vows to develop compassion in order to love and protect life, which includes the lives of people, animals, and plants. One vows to develop an understanding in order to be able to love and live in harmony with all beings. These vows are witnessed by the Sangha. During the ceremony one also is given a Buddhist name.

Conclusion: Taking refuge in the Buddha, Dharma and Sangha is a very important gesture to reconstruct your life completely in the right direction.



ÁI NGŨ

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT
do **Nhóm Áo Lam** thực hiện)



Con người là một vật tối linh trong vũ trụ. Có ngôn ngữ phong phú để giải bày thông cảm nhau khá trọn vẹn. Vậy hãy dùng ngôn ngữ ấy xây cầu bắc nhịp cảm thông hóa giải mọi tị hiềm nghi ngại, hướng dẫn động viên nhau làm việc chánh thiện. Đừng dùng nó để trấn áp nhau, làm buồn phiền tủi nhục cho nhau, được vậy thì an vui phúc lạc biết mấy.

Tôi xin trân trọng thuật lại truyện ngài Ân Tử trong sách “Ân Tử Xuân Thu.” Người đã dùng ái ngữ lợi hòa mà cản ngăn được Tề Cảnh Công không hành động bạo tàn.

Truyện kể lại rằng: Tề Cảnh Công có con ngựa rất quý, Vua giao cho một kẻ thân tín săn sóc chăm nom.

Một hôm bỗng con ngựa ngã lăn ra chết. Vua giận lắm, truyền bắt kẻ nuôi ngựa và phân thây. Ân Tử ngồi chầu thấy vậy can rằng:

- Vua Nghiêu, vua Thuấn xưa phân thây người bắt đầu từ nơi nào?

Cảnh Công ngơ ngác nhìn chung quanh rồi nói:

- Tha cho nó. Đem giam dưới ngục, rồi sau này trị tội.

Ân Tử đứng vậy bước ra quỳ gối thưa rằng:

- Tên này chưa biết rõ

tội mà vẫn phải chịu chết thì vẫn tưởng là oan. Tôi xin vì nhà vua kể rõ tội của nó rồi hãy hạ ngục.

Vua Phán:

- Đúng vậy.

Ân Tử bèn đứng dậy đập bàn mà rằng:

- Nhà người có 3 tội đáng chết:

1. Vua bảo nuôi ngựa quý mà để ngựa chết là một tội đáng chết.

2. Vì người làm chết một con ngựa mà để vua mang tiếng vì một con ngựa mà vua đã giết chết một tôi thần, làm cho trăm họ nghe tiếng ai cũng oán vua, các nước láng giềng ai cũng khinh vua.

3. Người làm chết một con ngựa mà để đến nỗi

nhân dân đem lòng oán giận vua đã xem dân thua loài cầm thú. Nước ngoài khinh khi có bụng dòm ngó đất nước ta. Đó là ba tội đáng chết, người đã biết chưa? Bấy giờ hãy tạm giam người vào ngục.

Cảnh Công nghe nói ngậm ngùi than rằng:

- Thôi tha cho nó, kéo để ta mang tiếng bất nhân.

Dùng lời buộc tội mà làm cho kẻ quân vương thấy được lẽ chánh thìn, tiêu trừ được sân hận, tham ái. Ân Tử quả là kẻ trí dũng vậy.

Thị Ngô Nguyễn Đình Khôi
(52 Câu Chuyện Dưới Cờ)





Đừng xa nhau nữa

TRẦN TRUNG ĐẠO

Anh sống một cuộc đời
Âm thầm như ngọn núi

Trần Trung Đạo

Theo Dương Lịch, 23 tháng Ba là ngày giỗ của Huỳnh Trưởng Tâm Huệ Cao Chánh Hựu.

Tôi chợt nhớ đến bài thơ viết để tiễn biệt anh và cũng để nhắc nhở các anh chị em Gia Đình Phật Tử khắp nơi biết ngày anh ra đi. Bài thơ khá dài và kết luận bằng câu "Và đừng xa nhau nữa".

Tôi sinh hoạt đa dạng và trong nhiều lãnh vực, nhưng trong suốt đời mình cho đến ngày giỗ anh hôm nay, Gia Đình Phật Tử là tổ chức duy nhất mà tôi phát nguyện trung thành theo lý tưởng. Ngoại trừ các sinh hoạt bình thường trong cộng đồng nơi tôi đang sống, tôi chưa tham gia bất cứ một tổ chức không những chính trị mà cả văn hóa, xã hội với tầm vóc quốc gia nào.

Nhân dịp Đại Lễ Phật Thành Đạo năm 1962, cha tôi dắt tôi đến chùa Ba Phong, làng Mã Châu, Duy Xuyên, Quảng Nam để xin cho tôi được tham gia đội Đồng Niên của GDPT Ba Phong.

Liên Đoàn Trưởng đầu tiên của tôi là Huỳnh Trưởng Tâm Thanh Lê Thanh Hải. Trưởng Lê Thanh Hải rời đoàn để về sinh hoạt trong Ban Hướng Dẫn GDPT Quảng Nam và năm 1963 được Hòa Thượng Thích Long Trí làm lễ thể phát xuất gia ở chùa Viên Giác, Hội An cũng với pháp hiệu Tâm Thanh. Cổ Hòa Thượng Thích Tâm Thanh, Giảng Sư Viện

Hóa Đạo GHPGVNTN và Cổ Văn Giáo Hạnh của GDPTVN là một trong những kỳ duyên của Phật Giáo Việt Nam.

Tôi bước theo duyên nghiệp vô cùng nghiệp ngã của mình nhưng sau đó cũng về Viên Giác. Dưới bóng đa già và ánh trăng trong sân chùa Viên Giác, cổ Hòa Thượng Tâm Thanh, Hòa Thượng Thích Như Điển, nhiều tăng sĩ và học sinh mồ côi như tôi đã lớn lên trong nhiều thời điểm khác nhau.

Cách đây hơn 20 năm, một lần Hòa Thượng Thích Trí Chơn viếng thăm chùa Lục Hòa ở Boston, trong một buổi lễ, Trưởng Tâm Chí Trưởng Xuân Bảo khuyến khích tôi phát nguyện làm huynh trưởng GDPT để giúp gây dựng GDPT sau những đổi thay của thời tỵ nạn. Tôi vẫn nhớ lời anh khuyên, hệ thống Gia Đình Phật Tử cần những huynh trưởng có điều kiện học hành cả trong nước lẫn nước ngoài để hướng dẫn các em sinh ra hay lớn lên ở hải ngoại.

Tôi không dám nhận lời vì biết mình không thể gánh vác thêm trọng trách. Tôi quá nhiều việc phải làm. Ngày đó tôi muốn viết nhiều về những vấn đề mà đất nước đang đương đầu và các thể hệ trẻ cần được biết. Cánh cửa "đổi mới" dù hẹp cũng đã mở ra, trách nhiệm của những người cầm bút là phải soi rọi ánh

sáng vào.

Tuy nhiên khi lễ bắt đầu, Trưởng Tâm Chí vẫn xướng danh Thị Nghĩa Trần Trung Đạo. Tôi ngượng ngùng đứng lên để nói vài lời. Đứng trước Tam Bảo uy nghiêm, với ánh mắt của HT Trí Chơn đang nhìn về phía tôi, Trưởng Tâm Chí và đồng bào Phật Tử đang chờ câu trả lời, tôi không biết làm thế nào để nói lời từ chối. Hôm đó, tôi phát nguyện làm Huỳnh Trưởng Gia Đình Phật Tử. Một Huỳnh Trưởng trong GDPT Viên Lạc tặng tôi chiếc áo đoàn. Từ đó đến nay, duyên nghiệp cuốn tôi theo nhiều ngã nhưng trong lòng vẫn luôn nghĩ tôi là Huỳnh Trưởng GDPT và chỉ một tổ chức tôi có trách nhiệm với sự thịnh suy là Gia Đình Phật Tử.

Trong những năm ở chùa Viên Giác, không trực tiếp tham gia sinh hoạt đoàn nữa nhưng ngủ bên cạnh văn phòng Ban Hướng Dẫn Tỉnh và sư phụ chúng tôi là Đặc Ủy Thanh Niên Tỉnh Giáo Hội nên tôi có dịp gần gũi với hầu hết các Trưởng GDPT Quảng Nam cũng như từ trung ương đến thăm.

Hình ảnh Huỳnh Trưởng Tâm Đạt Nguyễn Văn Bao, Trưởng Ban Hướng Dẫn Tỉnh Quảng Nam trên chiếc Mobyette ghé chùa thường xuyên vẫn còn rất rõ trong trí nhớ tôi. Anh tạ thế năm 1992 và được truy phong cấp Dũng.

Trong những năm đầu thập niên 1970, Trưởng Tâm Huệ Cao Chánh Hựu, Tổng Thư Ký BHDTƯ GDPTVN làm việc tại Đà Nẵng và hay vào Hội An. Mỗi khi về chùa anh mặc đồ quân nhân, đeo lon Trung Tá nhưng trước khi đánh lễ chư tôn đức, anh vào phòng tôi thay đồ.

Sau 30 tháng 4, 1975, chúng tôi như hai chiếc lá bị cuốn đi trong dòng đời đầy oan nghiệt nhưng vẫn không quên nguồn cội.

Anh em gặp lại nhau. Có một chút tủi buồn và cay đắng vì không phải trong sân chùa hay trong ngày họp trại mà tại một bệnh viện ở San Diego, nước Mỹ. Thắng bé chùa Viên



Giác bây giờ đã lớn. Bao mùa thu đi qua. Không ai nhận ra nhau nhưng anh nhớ từng chi tiết nhỏ trong những lần anh ghé Hội An.

Anh Tâm Huệ, dù rất yếu đuối mong manh, không khóc và tôi cũng không. Không giọt nước mắt vui mừng nhỏ xuống cho ngày gặp lại hay nhỏ xuống cho lần vĩnh viễn chia tay sắp sửa diễn ra. Chụp chung nhau một bức hình với nụ cười rất thật. Ánh sáng Hòa Tin Vui được thắp lên từ thưở đồng niên trong tâm hồn chúng tôi vẫn còn nguyên vẹn sau gần một đời người.

Trưởng Tâm Huệ Cao Chánh Hựu qua đời ngày 23 tháng 3 năm 2009.

Bài thơ Tiễn Biệt Huỳnh Trưởng GDPTVN Tâm Huệ Cao Chánh Hựu:

*Chiếc mũ vẫn còn đây
Anh đã về cõi khác*

*Dây Thân Ái chiều nay
Sao chẳng còn ai hát*

*Chiếc còi vẫn nằm im
Trên bàn xưa trống trải
Khí giọt máu từ tim
Vừa ra đi, đi mãi*

*Anh sống một cuộc đời
Âm thầm như ngọn núi
Ôm ấp nỗi niềm riêng
Nghe đau mà không nói*

*Giọt nước mắt mùa xuân
Nhỏ trên từng phiến đá
Như hạt bụi thời gian
Phai theo màu chiếc lá*

*Đoàn các em hôm nay
Còn rất nhiều khốn khó
Nhìn chiếc áo màu Lam
Thấy tình anh trong đó*

*Anh sẽ là mũi tên
Trên quãng đường còn lại
Để mai một các em
Biết lối về đất trại*

*Anh sẽ là mật thư
Giấu trong vườn Sen
Trắng
Chỉ vòn vẹn một câu
Tình thương rồi sẽ thắng*

*Anh sẽ là tiếng còi
Thổi lên lời hy vọng
Để em biết ngày mai
Trời không còn biến động*

*Anh sẽ là bài ca
Giữa đêm dài hiu hắt
Để em biết hôm qua
Đau thương và nước mắt*

*Anh sẽ là củi khô
Đốt lên từng ngọn lửa
Sưởi ấm mãi Tình Lam
Và đừng xa nhau nữa.*

Nhớ nhé anh chị em, xin
đừng xa nhau nữa!

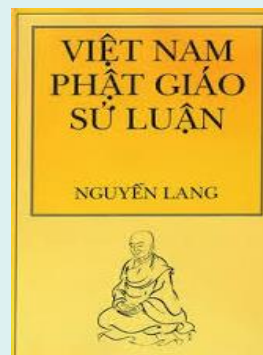
Trần Trung Đạo

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI NHO HỌC ĐỘC TÔN

SỰ SUY YẾU CỦA ĐẠO PHẬT VỀ PHƯƠNG DIỆN LÃNH ĐẠO TRÍ THỨC

(Chương XVIII, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP II)

Nguyễn Lang



Cuối thế kỷ XIV, chúng ta đã đặt vấn đề tại sao Phật Giáo bắt đầu suy đồi vào giữa thế kỷ thứ mười bốn. Suy đồi ở đây không có nghĩa là sự giảm thiểu số lượng tự viện và tăng sĩ. Số lượng tự viện và tăng sĩ trong thời đại mà ta gọi là suy đồi vẫn tiếp tục lớn lên. Suy đồi đây cũng không có nghĩa là mất ảnh hưởng trong quần chúng. Cuối đời Trần và trong suốt đời Lê nữa, những chiếc rễ đạo Phật vẫn càng ngày càng ăn sâu thêm trong nếp sống tình cảm và tín ngưỡng của giới đại chúng bình dân. Suy đồi ở đây có nghĩa là đánh mất vai trò lãnh đạo trí thức, văn hóa và chính trị. Thực vậy, trong suốt một thời gian hơn hai trăm năm, từ khi nhà Trần bắt đầu suy đồi, đạo Phật không còn chỉ đạo được đường hướng văn hóa và chính trị nữa. Giới trí thức hướng về đạo Nho như phương châm cứu nước và dựng nước. Những vị cao tăng ẩn dật không liên hệ gì tới giới chính trị và văn hóa, nhưng một phần vì họ không có sáng tác để lại và một phần vì lửa binh thiêu đốt sử liệu cho nên ta không được biết nhiều tới họ. Về thế kỷ thứ mười lăm, ta chỉ nghe nói tới một tác giả Phật Giáo: đó là Lương Thế Vinh, người viết cuốn Thiên Môn Khoa Giáo và đề tựa cho sách Nam Tông Tự Pháp Đồ. Về thế kỷ thứ mười sáu, ta chỉ nghe nói đến thiền sư Chân Nghiêm, người san khắc Thánh Đăng Lục. Sau đây ta thử đi tìm những nguyên nhân đưa đến sự suy đồi của Phật Giáo về những phương diện kể trên.

THỊNH QUÁ HÓA SUY

Trước hết, có lẽ ta phải nói nguyên nhân thứ nhất của sự suy đồi là sự thịnh đạt. Thực vậy, Phật Giáo trong đời Pháp Loa đã đi tới mức thịnh đạt có thể nói là cao nhất trong lịch sử Phật Giáo Việt Nam. Một phong trào khi đã lên chỗ cao nhất thì bắt đầu đi xuống. Trong sự thịnh đạt đã ẩn chứa sự tàn lụi. Khi đạo Phật được vua chúa quý trọng thì các nhà quyền quý và trăm họ đều hướng vào. Chùa chiền càng nhiều thì nếp sống thanh quy càng khó có thể bảo đảm được. Tăng chúng càng đông thì càng có nhiều phần tử bất hảo làm hại thanh danh tăng đoàn, sự kính trọng càng nhiều thì niềm kiêu hãnh càng thêm cao. Sự cúng dường càng hậu thì sự ỷ lại càng tăng. Suy đồi là do ở chỗ

đó. chúng ta thử xét về số lượng tăng chúng. Trong thời thịnh đạt của Phật Giáo Trúc Lâm, được xuất gia làm một phần tử trong tăng đoàn là một vinh hạnh không nhỏ. Tăng sĩ có độ điệp của Giáo Hội, đi đâu cũng được; nơi cư trú cho đến việc học Phật và tu Phật của người tăng sĩ đều được nhiều tổ chức lo lắng chu toàn. Cũng vì số tăng sĩ đông quá nên đề nghị tổ Pháp Loa phải thực hành việc kiểm tra tự viện và là số tăng tịch. Tam Tổ Thực Lục cho biết là số người xin xuất gia đông quá, khiến cho Pháp Loa phải giới hạn việc tổ chức giới đàn; ba năm mới tổ chức một lần và phải loại ra hàng ngàn thí sinh. Tuy vậy, hàng ngàn người mỗi năm vẫn được xuất gia ở các chùa miền quê, tại những giới đàn nhỏ do Phật Giáo địa phương tổ chức. Họ không có độ điệp, nhưng họ vẫn có thể cư trú và tu hành ở các chùa quê. Giáo hội Trúc Lâm thấy người xuất gia quá đông mà thiếu học cho nên mới in sách Giáo Khoa Phật Học, Giới Bản Tứ Phần Luật và tổ chức các lớp học kinh và luật tại nhiều chùa lớn của Giáo Hội.

Đến cuối thế kỷ thứ mười bốn, Giáo Hội bắt đầu không còn kiểm soát được tăng sĩ nữa. Năm 1396, vua Thuận Tông xuống chiếu thái bốt tăng sĩ dưới năm mươi tuổi. Ta không biết rõ đây là một hành động của Thuận Tông nhằm ngăn chặn sự lạm dụng đạo Phật hay là một quyết định của Hồ Quý Ly muốn làm giảm tiềm lực của đạo Phật. Trước đó mấy năm, vào năm 1389, có một cuộc bạo động do một vị tăng sĩ pháp hiệu là Thiên Nhiên, tên tục là Phạm Sư Ôn cầm đầu chống lại chính quyền lúc bấy giờ đã nắm trọn trong tay Hồ Quý Ly. (có thể đây là một phong trào muốn giành lại quyền bính thực thụ cho vua Trần và chấm dứt sự hống hành của Quý Ly. Phạm Sư Ôn đã sử dụng được tiềm lực của Phật Giáo và quân đội, ông đã từng chiếm được thủ đô Thăng Long. Hành động của Phạm Sư Ôn xảy ra một năm sau khi mưu kế loại trừ Hồ Quý Ly trong triều đình bị tiết lộ và rất đông các quan trong triều bị giết hại).

Đại Việt Sử Ký Toàn Thư chép rằng năm 1429, tất cả các tăng sĩ Phật Giáo và đạo sĩ Lão giáo đều phải đến trình diện ngày 20 tháng 10 để kiểm xét khảo thí. Ai thi đậu thì cho làm tăng sĩ và đạo sĩ, còn ai thi hỏng thì bắt hoàn

tục. Đây là hành động đầu tiên của chính quyền Nho giáo để kiểm soát Phật Giáo và Lão giáo. Hành động này đã có thể loại ra một số người lợi dụng hai đạo Phật Lão. Nhưng sự thi cử này đã được tổ chức theo lối khảo hạch từ chương của Nho giáo, nước người hay chữ thì được công nhận là tu hành chân chính, còn những người khác, dù mộ đạo và tâm thành đến mấy mà không diễn tả được đức tin và kiến thức của mình bằng văn chương thì cho là không phải tu hành chân chính. Điều này, khi áp dụng với đạo Phật, nhất là Phật Giáo thiền, là một sự ép uổng.

Chúng ta hãy xét thêm về việc xây cất tự viện. Trong đời Trần, các vua làm chùa, các quan làm chùa, dân chúng cũng thi nhau làm chùa. Còn việc đúc tượng nữa: riêng Pháp Loa đã cho đúc tới 1.300 tượng Phật bằng đồng lớn nhỏ. Vua Anh Tông, nhân ngày lên là Thái thượng hoàng, cho đúc tượng A Di Đà, Thích Ca và Di Lặc, mỗi tượng cao 17 thước ta. Chùa Báo Ân có rất nhiều ruộng. Năm 1308, vua Anh Tông lấy 100 mẫu ruộng của gia đình Trần cúng vào chùa Báo Ân. Năm 1312, vua lại lấy thêm 500 mẫu ruộng của Niệm Như Trang để cúng cho chùa. Chùa Siêu Loại cũng có nhiều ruộng. Năm 1313, Bảo Từ hoàng thái hậu cúng vào chùa 300 mẫu ruộng nhà... Nhiều ruộng nhất là chùa Quỳnh Lâm: chùa này có tới trên 1.000 mẫu ruộng và nuôi đến một ngàn người để canh tác. Các chùa Báo Ân, Siêu Loại và Quỳnh Lâm là những cơ sở lớn của Phật Giáo Trúc Lâm; cố nhiên bất động sản của những chùa ấy là để nuôi tăng sĩ và làm Phật sự. Tuy vậy sự ủng hộ quá mức đó đã rất có hại cho Giáo Hội. Các nho thần trong triều đình thấy sự ủng hộ quá mức đó không khỏi không tức bực, nhất là khi thấy nước tề đoan bắt đầu xuất hiện trong hàng tăng sĩ vì lý do tăng sĩ quá đông không kiểm soát hết được. Ý của các nho thần như Lê Bá Quát là thay vì làm thêm chùa, đúc thêm tượng thì nên để tiền xây văn miếu và nhà học.

CHIẾN TRANH CHIÊM-VIỆT

Trong thời gian chiến tranh, bắt đầu từ hồi chiến tranh với Chiêm Thành, công việc kiểm soát tự viện và tăng sĩ hoàn toàn không còn có hiệu lực nữa. Chiến tranh, loạn lạc và sự đói kém đã khiến cho hàng ngàn người cạo đầu vào chùa, hoặc để trốn lính, hoặc vì thất nghiệp. Thiếu người sản xuất, thiếu người đánh giặc, năm 1381, vua Trần Phế Đế cho đi bắt những tăng sĩ ở miền quê, nhất là những vị không có độ điệp, sung vào quân đội để đi đánh Chiêm Thành. Sử chép Đại Than thiền sư được chỉ định trong việc động viên này, và “đốc suất” việc động viên chư tăng đi đánh giặc. Một thiền sư, nhất là khi vị thiền sư này lại là quốc sư, chỉ huy quân lính đánh giặc là một chuyện phi lý (9). Có lẽ Đại Than thiền sư đã được chỉ định để kiểm điểm những ai là tăng sĩ thật, và những ai vì trốn lính hoặc vì nghèo đói mà đi

xuất gia. Những người sau này có lẽ được trao trả lại cho chính quyền để sung vào quân đội.

Trong bất cứ thời đại chiến tranh nào, việc cạo đầu vào chùa vì trốn lính và vì thất nghiệp cũng đã xảy ra. Nguyên nhân của cuộc chiến tranh với Chiêm Thành là do Đại Việt gây ra, với trách nhiệm lớn lao của Đoàn Nhữ Hài và Đỗ Tử Bình (10). Cuộc chiến tranh này đi ngược lại ý muốn của Điều Ngự Trúc Lâm; Trúc Lâm vì muốn hòa bình được bền chặt đã du hành sang Chiêm và đã gả công chúa Huyền Trân cho vua Chiêm. Cuộc chiến tranh đã làm hao tổn tiềm lực của Đại Việt, đưa nhà Trần tới chỗ suy vong. Sự ủng hộ của các vua Trần đã là một trong những nguyên nhân cho sự thịnh đạt của Phật Giáo. Một chiến tranh Chiêm Việt, nhà cầm quyền không đủ sức để củng cố địa vị mình, lấy khả năng đâu mà tiếp tục ủng hộ Phật Giáo? Chiến tranh Chiêm Việt và sự rối loạn trong triều đình nhà Trần cũng là một nguyên nhân cho sự suy đồi của Phật Giáo Trúc Lâm vậy.

TINH THẦN ĐỘC TÔN THAY THẾ TINH THẦN DUNG HỢP

Sự ghét bỏ và chỉ trích Phật Giáo của các nho thần như Lê Quát và Trương Hán Siêu không phải là nguyên nhân làm cho Phật Giáo suy đồi. Chính sự chạy theo một nền văn hóa mới mà không thấy được giá trị của nền văn hóa truyền thống dân tộc mới là nguyên nhân chính của sự suy đồi của Phật Giáo. Nền văn hóa mới này được xây dựng trên một thái độ giáo điều và trên một quan điểm chật hẹp về chân lý: đó là cái học Tống Nho, tự cho mình là độc tôn và cho là sai lầm tất cả những lối nhìn khác về nhân sinh và về vũ trụ. Từ giữa thế kỷ thứ mười ba, Trung Hoa đã không mấy bằng lòng khi thấy Đại Việt phát triển một nền văn hóa độc lập. Năm 1261, vua Nguyên là Hốt Tất Liệt đã sai lễ bộ lang trung là Mạnh Giáp và viên ngoại lang là Lý Văn Tuấn mang thư sang dụ triều đình Đại Việt nên theo văn hóa Trung Quốc, đừng thay đổi phong tục, lễ nhạc và phẩm phục (11). Các nho sinh được tuyển chọn vào phụng sự quốc gia thường có khuynh hướng Bắc hóa, muốn thay đổi pháp độ cho giống Trung Quốc. Phép thi cử, phép đặt hàm quan lại, Tết nhất v.v... dưới ảnh hưởng của các nho thần, dần dần bị ảnh hưởng Trung Quốc. Vua Minh Tông không chịu nghe lời các nho thần Phạm Sư Mạnh và Lê Quát mà thay đổi pháp độ. Sau khi thấy pháp độ đã bị Bắc hóa ít nhiều, vua Nghệ Tông rất muốn trở truyền thống và pháp độ của các vị vua đầu. Vua nói: “Triều trước dựng nước, tự có pháp độ, không theo chế độ nhà Tống, là vì Nam Bắc đều làm chủ nước mình, không cần bắt chước theo nhau. Vào khoảng năm Đại Trị (12), kẻ học trò mặt trắng được dùng, không hiểu ý nghĩa sâu xa của sự lập pháp, đem phép cũ của tổ tông thay đổi theo tục của phương Bắc cả, như vẽ y phục, nhạc chương không kể hết”. Và



vua ra lệnh đổi pháp độ lại giống như đời vua Minh Tông.

Trong thời gian nhà Minh đô hộ, vào đầu thế kỷ thứ mười lăm, chính sách đồng hóa Đại Việt với Trung Quốc được thi hành triệt để. Nhà Minh không muốn Đại Việt có một nền văn hóa độc lập, bởi vì độc lập văn hóa sẽ dẫn tới độc lập chính trị. Nhà Minh bắt Đại Việt theo phong tục lễ nghi Trung Quốc. Tướng nhà Minh là Trương Phụ cho thu lượm hết các trước tác cũ mới của Đại Việt chở về Kim Lăng. Sợ những sách này còn sót lại, năm 1418 lại cho hai nhà trí thức nhà Minh là Hạ Thanh và Hạ Thi sang Đại Việt để thu lượm cho kỳ hết những tác phẩm Đại Việt. Đại Tạng Kinh thực hiện và ấn loát nhiều lần dưới triều Trần, mỗi lần in hàng ngàn cuốn, vậy mà ngày nay sách *Thiền Tông Chỉ Nam*, *Bình Đăng Sám Hối Khoa Văn* của Trần Thái Tông, *Thạch Thất Mỵ Ngữ*, *Thiền Lâm Thiết Chủ Ngữ Lục*, *Đại Hương Hải Ấn Thi Tập*, *Trúc Lâm Hậu Lục* và *Tăng Già Toái Sự* của Trúc Lâm Điều Ngự và tám tác phẩm của Pháp Loa không tác phẩm nào còn lại. Thật đáng tiếc chừng nào. Để thay thế cho sách Việt bị lấy mất, nhà Minh cho chở sang nước ta những tác phẩm Trung Hoa về Nho giáo, Phật Giáo, Lão Giáo cho người Việt học. Chính quyền đô hộ lập Tăng Cương Ty và Đạo Kỳ Ty để lo việc giáo dục Phật Giáo và Lão Giáo theo mẫu mực Trung Hoa.

Các nho sĩ đời Lê, đáng lý phải ý thức được ý muốn thâm độc của nhà Minh, nhưng trong gần hai thế kỷ, một phần vì thiếu ý thức về văn hóa dân tộc, một phần vì kỳ thị Phật Giáo, không có nho gia nào chịu khó tìm tòi gây dựng lại vốn cũ. Phải cho đến gần cuối thế kỷ thứ mười tám mới có Lê Quý Đôn bắt đầu công việc ấy.

Sự thu dụng những điều hay của các nền văn hóa khác vốn là một hành động làm giàu cho nền văn hóa dân tộc. Tuy nhiên việc làm đó phải được thực hiện trên căn bản vốn cũ của văn hóa dân tộc. Tinh thần cởi mở, hòa hợp và từ bi của Phật Giáo đã duy trì hòa bình và thịnh vượng suốt trên ba trăm năm. Những tệ đoan sinh ra trong Phật Giáo cố nhiên là phải từ bỏ, nhưng tinh thần cởi mở, hòa hợp và từ bi ấy cần phải được bảo vệ. Các nhà nho thời Trần

mạt và thời Lê đã không thấy được điều đó.

Lương Thế Vinh, nhà trí thức cự phách nhất của thời đại Lê Thánh Tông chỉ vì sáng tác sách Phật mà sau khi chết không được thờ cúng trong văn miếu. Điều này cho ta thấy tinh thần kỳ thị tôn giáo trong thời Lê nặng đến dường nào. Các sử gia Ngô Sĩ Liên và Ngô Thì Sĩ bình luận về lịch sử cũng mang nặng tinh thần kỳ thị đó trong khi phê bình các sự kiện lịch sử đời Trần. Phẩm bình về vua Trần Thánh Tông, Ngô Sĩ Liên viết: *"Vua là người trung hiếu, nhân thứ, tôn người hiền, trọng kẻ sĩ; cha làm ra trước, con nối về sau, cơ nghiệp của nhà Trần, cơ nghiệp của nhà Trần được bền vững. Song ham mê đạo Tam Muội, nghiên cứu đạo Nhất Thừa, thì không phải là đạo trị thế giới của đế vương"*. Ngô Sĩ Liên lại viết về Trần Nhân Tông: *"Hòa nhã, cổ kết lòng dân, sự nghiệp phục hưng làm vẻ vang đời trước, thực là vua hiền của nhà Trần. Song vui lòng ở kinh Phật, tuy bảo là đến siêu thoát nhưng không phải là đạo trung dung của thánh nhân"* (13). Ngô Thì Sĩ phê bình về kỳ thi tam giáo do vua Trần Thái Tông tổ chức viết: *"Đạo chỉ có một thôi, ngoài đạo "Nhất Trung" ra, không có còn đạo gì nữa. cũng như Trương Dung xem chim Hồng mà hiểu rằng: Người Việt gọi là chim Phu, người Sở gọi là chim Ất; về người thì có người Việt, người Sở, chứ về chim Hồng thì chỉ có một thứ chim Hồng ấy thôi. Nhà Phật tự tôn đạo của mình lên, mới đặt ra ba thuyết ba người bạn là Mao Đầu, Na Ấn và Côn Sài; Mao Đầu là Ca Diếp Bồ Tát giáng sinh làm Lão Tử, Na Ấn là Tịnh Quang Bồ Tát giáng sinh làm Khổng Tử và Côn Sài là Hộ Minh Bồ Tát giáng sinh làm Thích Ca. Do đó người đời tin tưởng mê hoặc đặt ra phương pháp mặc và ăn mong được thành tiên, và ăn chay tụng kinh mong được thành Phật, mà xét đến tông chỉ thì vẫn trống không, thì chọn những người có thể ăn chay và tụng niệm như đạo sĩ và sa môn để làm trò gì?"* (14)

CÁI HỌC KHOA MỤC

Cái học đời Lê không những bị giới hạn trong Nho giáo mà còn bị giới hạn bởi khoa mục nữa. Lê Quý Đôn viết về cái học dưới triều Lê Thánh Tông như sau: *"Học trò đua nhau nghiêng quá về mặt văn hay, chỉ cốt theo chạm lối phù câu thơ cho đẹp, hầu mong lấy bằng cao chức trọng cho sang, còn phần khí tiết khẳng khái thì đã thấy tan tác suy nhược"* (15). Thi văn của đời Lê cũng chỉ chú trọng về ngâm vịnh. Nói rằng thơ văn để chuyên chở đạo đức, kỳ thực đạo đức trong loại thi văn ấy chỉ là những hình bóng khô cứng lặp lại mà không phải là sinh lực đạo đức phát tiết từ nếp sống tâm linh. Phật học khi đã bị loại ra khỏi chương trình giáo khoa và thi cử của triều đình thì lớp thanh niên chạy theo khoa bảng không còn biết gì nữa về đạo Phật. Lời bàn của Ngô Thì Sĩ về những cuộc thi Tam Giáo đời Trần cũng chứng tỏ ông không có kiến thức gì về đạo Phật và đạo lão. Các nhà nho trình bày đạo Phật như là

một tổng hợp mê tín và dị đoan, cho Nho học là chính đạo, là đường lối duy nhất để dựng nước và giữ nước, nói rằng các đạo Phật, Lão là tà đạo, rằng các đạo này không tôn trọng nhân luân, trung hiếu, phế bỏ nguyên tắc quân, thần, phụ, tử.

Vì lý do đó, và cũng là vì Phật học không còn giúp người leo lên thang danh vọng nữa cho nên giới trẻ ít ai theo đòi Phật học. Đây là một nguyên nhân khá quan trọng cho sự suy đồi của đạo Phật trong hai thế kỷ thứ mười lăm và mười sáu.

SỰ BIẾN DẠNG CỦA MẬT GIÁO

Ta cũng biết rằng Mật Giáo nếu không khéo duy trì có thể biến thành phù thủy, mê tín, dị đoan. Cuối đời Lý đạo Phật đã hầu bị những biến dạng của Mật Giáo làm cho lu mờ sắc thái. May thay, các vị lãnh đạo Phật Giáo đời Trần đã thanh lọc được Phật Giáo và lấy ra hết những hình thái mê tín dị đoan.

Phật học của Trần Thái Tông, Tuệ Trung, Đại Đăng và Thánh Tông rất thuần túy Thiền học, không bị mờ ám bởi những hình thức biến dạng của Mật Giáo. Đến đời Pháp Loa và Huyền Quang, dưới ảnh hưởng của Phật Giáo Trung Hoa và Tây Tạng, Mật Giáo lại được khôi phục. Cùng với thời đại nhiều nhượng. Mật Giáo mau chóng được biến chất và phủ lên trên sinh hoạt tín ngưỡng bình dân một lớp màn mê tín và dị đoan. Sự phê phán Phật Giáo của các nho gia một phần được căn cứ trên những hình thái sinh hoạt rườm rà ấy của Phật tử.

THÓI QUEN Ý LẠI VÀO VUA CHÚA

Những nguyên do quan trọng nhất đưa tới sự suy đồi của Phật Giáo cuối trần là do thói quen ý lại của Phật tử vào sự ủng hộ của vua quan và những nhà quyền quý. Thực vậy, trong các đời Lý và Trần, các vua đều học Phật, ủng hộ Phật Giáo và tổ chức khoa thi Tam giáo, cho nên giới trí thức mọi nơi đều học Phật. Đến khi sự nương tựa trên vua quan không còn nữa thì Phật Giáo mất thăng bằng. Dựa trên sự ủng hộ của các vị nhân vương, điều đó Phật Giáo nước ta cũng làm, nhưng ý lại hoàn toàn vào họ, đó là một lầm lẫn lớn. Bất động sản đã có, sự ủng hộ của dân chúng về việc cất chùa đúc tượng lúc nào cũng sẵn sàng, đáng lý ra Giáo Hội Trúc Lâm đã phải nhân cơ hội ấy để thành lập những thiền viện và những Phật học viện có căn bản tự túc. Thế chế bất tác bất thực của thanh quy Bách Trượng đã có sẵn, tại sao các vị lãnh đạo như An Tâm Quốc Sư và Phù Vân Quốc Sư không lo tạo dựng căn bản tự túc cho tổ chức mình? Đã đành trong nước không được yên ổn thì không thể duy trì được sự thịnh trị của Phật Giáo đời Pháp Loa và Huyền Quang nhưng nếu quý vị ấy chịu khó xây dựng nền tảng học Phật tự túc thì cũng có thể duy trì Phật Giáo trong một mức độ trung bình được. Các vị lãnh đạo Phật Giáo ấy đáng lý phải thanh kiểm tăng đồ, kêu gọi tín đồ ngưng bớt

việc làm chùa để đem tài sức ủng hộ việc đào tạo tăng tài làm rường cột cho đạo pháp. Dân chúng vẫn cứ đủ sức tiếp tục xây thêm chùa: mãi cho đến năm 1464 mà vua Lê Thánh Tông còn phải ra lệnh cấm xây dựng thêm chùa mới (16). Như thế thì tiềm lực Phật Giáo trong quần chúng nào phải là thiếu thốn?

Sau khi nước nhà đã khôi phục được độc lập, các nhà lãnh đạo Phật Giáo Trúc Lâm đã làm gì? Tại Yên Tử, nói theo An Tâm quốc sư và Phù Vân quốc sư, còn có hai vị quốc sư khác: Vô Trước quốc sư và Quốc Nhất quốc sư.. Tước hiệu quốc sư cố nhiên phải do chính quyền ban cho. Cũng như năm 1435, vua Lê Thái Tông đã ban hiệu Tử Y Đại Sa Môn cho Huệ Hồng thiền sư trụ trì chùa Báo Thiên ở kinh đô. Các vị có địa vị lãnh đạo như những vị trên đã làm gì để duy trì mệnh mạch của Phật Giáo? Hay là chỉ thỉnh thoảng được mời tới để làm lễ cầu mưa, làm chay và làm lễ khai quang điểm nhãn?

(còn tiếp)

(9) Theo Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, Đại Than thiền sư là một vị quốc sư

(10) Năm 1311, vua Chiêm Thành là Chế Chí sai trại chủ Câu Chiêm sang triều cống Đại Việt. Đoàn Nhữ Hài dụ Câu Chiêm, nói rằng nếu Câu Chiêm giúp làm nội ứng để Đại Việt đánh Chiêm Thành thì sẽ được hậu đãi. Rồi phao tin Chế Chí phản trắc, đem quân sang đánh Chiêm Thành. Lại năm 1376, khi Chế Bồng Nga cho đem mười mâm vàng sang để tạ tội và ước hẹn sẽ tôn trọng điều cam kết không quấy phá biên giới Đại Việt nữa thì Đỗ Tử Bình lúc bấy giờ đang trấn giữ Châu Hóa, giấu vàng đi làm của riêng, và tâu về triều là Chế Bồng Nga ngạo mạn vô lễ, nên đem quân sang đánh. Vua Duệ Tông giận lắm bèn thân chinh đi đánh Chiêm Thành.

(11) Đại Việt Sử Ký Toàn Thư

(12) Dưới thời vua Dụ Tông

(13) Đại Việt Sử Ký Toàn Thư

(14) Việt Sử Tiêu An

(15) Kiến Văn Tiểu Lục

(16) Khâm Định Việt Sử Khâm Giám Cương Mục



CÀ PHÊ VÀ THIỀN

Nguyễn Giác

Theo truyền thống sách vở, hình như gắn liền với Thiền là trà, chứ không phải cà phê. Bởi vì, theo truyền thuyết, và hình như có nhiều sách ghi lại, rằng Ngài Bồ Đề Đạt Ma từ Ấn Độ sang Trung Quốc để truyền bá pháp môn Thiền Tông, nhưng thấy chưa ai có thể hiểu được, nên lên một ngôi chùa trên núi để ngồi thiền, ngó vách đá trong chín năm; sách ghi rằng, có lúc Ngài ngủ gục, liền cắt mí mắt, rơi xuống thành cây trà. Sau này, các sư uống trà để tỉnh ngủ.

Truyền thuyết vậy thôi. Bởi vì, một nhà sư Ấn Độ sang Trung Hoa để khai sáng Thiền Tông, nói những lời trí tuệ bát ngát, sao lại có chuyện ngủ gục trong khi ngồi thiền. Phải chăng, Bồ Đề Đạt Ma muốn bày trò cho các nhà sư tập lấy quyết tâm chống buồn ngủ. Và rồi, cắt mí mắt cho mọc thành cây trà cũng là một màn biểu diễn thần thông... Thực tế, trà không dính gì với Thiền; nhưng có thể nhìn cách khác, Thiền sẽ dính tới tất cả, vì Thiền là sống trọn cái toàn thể, toàn dụng, là đi đứng nằm ngồi trong tỉnh thức.

Thời này là thời cà phê. Hồi chiều Chủ Nhật, trong khi chờ xem lễ trao Giải Oscars trên đài ABC, tôi bấm trúng một làn sóng tiếng Việt, lúc đó thấy đoạn cuối một bản tin ngắn về cà phê Thiền ở Hà Nội. Một tiệm đúng là cà phê Thiền, vì nhìn lên tường thấy có hình Đức Phật, trên bàn có vườn Thiền bằng cát thu nhỏ kiểu Nhật Bản. Tiệm thứ nhì hình như không thuần túy, vì ngó lên tường thấy có tranh Bát Tiên của Trung Hoa; có thể là liên hệ tới Lão giáo hay võ phái, nhưng không biết chắc, vì hình chiếu thoáng qua có mấy giây... Hiên nhiên, đây là một bước tiến lớn của xã hội. Trước giờ, chỉ nghe chuyện về các quán cà phê Thiền ở Sài Gòn, ở Đà Lạt... Khi thủ đô Hà Nội chuyển mình, cả nước rồi sẽ thay đổi.

Tôi nhớ về một Sài Gòn với cà phê: nhiều thập niên trước, làm gì có chuyện quán cà phê Thiền.

Cũng để ngưng một chút: lúc đó, tôi chợt thắc mắc về khả năng nhớ của mình. Bất chợt nhớ, hẳn là công năng của tiềm thức hay vô thức gì đó, không phải tự ý chủ động nhớ -- tiếng Anh gọi là "the latent tendencies." Nhưng rồi tôi tự nhủ, phải quay lại xem đài ABC để khuya nay còn viết bản tin về Giải Oscars. Và rồi thắc mắc, này giờ, mình vừa dao động giữa vô thức và tỉnh giác nhiều lần, trên nguyên tắc

là dao động giữa rất nhiều niệm, vì luận Abhidhamma nói rằng mỗi niệm sinh và diệt là gồm 7 niệm vi tế (hay 16 niệm vi tế? Chỗ này không nhớ chính xác). Tự nghĩ, như thế, vô thức có một chiều sâu nổi kết ký ức mạnh như thế, mới biết rằng tu không dễ, vì vô thức thường khởi lên bất ngờ những ký ức tăm tắp, hay hình ảnh đau đớn (cũng là lý do, nhiều chiến binh Mỹ trở về từ Iraq và bị hình ảnh bom đạn chết chóc ám ảnh tới bệnh).

Để nói tiếp chuyện cà phê. Thịnh thoàng, hồi nhỏ, tôi được ba dẫn ra tiệm cà phê ở góc Lê Văn Duyệt/Tô Hiến Thành ngồi uống cà phê, ăn sáng. Những lúc đó là rạng sáng, khoảng 5 hay 6 giờ sáng, và tôi sửa soạn đạp xe đạp lên sân Hoa Lư tập thể dục. Đó là hồi trung học đệ nhất cấp, cả lớp mỗi tuần phải tới sân Hoa Lư tập thể dục, thường là đá banh. Tôi nhớ ly cà phê thiệt ra không có vị gì như bây giờ, vì đó là cà phê vọt của tiệm hủ tiếu. Có vẻ như có mùi khen khét, theo tôi nhớ. Giờ đó lúc nào cũng có mấy bác xích lô ngồi gần, đổ ly cà phê ra đĩa cho nguội.

Cà phê là một phần đời của Sài Gòn, vì nhìn đâu cũng thấy cà phê. Từ quán cóc, tới quán nhạc; từ cà phê vọt, tới cà phê phin. Nhưng thời đó, làm gì có cà phê Thiền. Do vậy, bây giờ phải chăng đã chú trọng nhiều hơn, hay là cần hơn, một pháp an tâm?

Thực sự không rõ. Có lẽ, cần có một thống kê xã hội.

Cà phê với tôi đôi khi gắn liền với văn chương, chứ không gắn liền với Thiền. Thời trung học, khi học thi, là cần tới cà phê mới tỉnh. Có lẽ, lúc đó, uống kiểu đó, không tinh tế như các bạn trẻ bây giờ ngồi uống ở các quán cà phê Thiền. Vì uống kiểu như tôi thời nhỏ, làm gì có chuyện, thử ghi bằng thơ:

*nâng lên trong tỉnh giác
tay cầm tách nhẹ nhàng,
khói bay như cánh hạc
lên vào kinh từng trang.*

Rất nhiều nhà văn có kỷ niệm với cà phê. Có khi xao động, có khi trầm tư, có khi thực tiễn.

Nhà văn Nguyễn Mộng Giác trong truyện ngắn "Dốc Nhân Sinh" khởi đầu truyện bằng đoạn sau đây:



"Sau khi có lệnh cấm ngặt các quán cà phê không được mở nhạc tiền chiến, nhạc disco, và một số chủ quán cà phê ở đường Trần Quang Khải bị đưa ra tòa, khu vực này chết lặng như một vùng mộ. Người qua đường nghe trở lại tiếng lách cách của những trái me chín khô va chạm vào nhau, và lại bồi hồi xúc động ngắm những giọt lá me vàng bay nghiêng, bay nghiêng. Chị phụ quét đường ngập ngừng không nỡ đưa nhanh nhát chổi. Lâu lâu gió trái chổi đổi hướng, lá me chao liệng rồi bay tạt vào quán vắng."

Cà phê, cà phê... cũng có lúc xao động như thế.

Hay như nhà văn Võ Phiến trong tùy bút "Giọt Cà Phê" đã ghi nhận hình ảnh:

"...Hai chân lên lên rút ra khỏi đôi giày da chật chội, đạp trên chiếc ghế con bỏ trống bên cạnh, hay gác lên bờ tường thấp, ngã người trên lưng ghế, ngược nhìn lên trời (bầu trời vắng vẻ cao vời vợi), từ từ đảo mắt quan sát xung quanh một cách biếng nhác (trong khoảng sân của quán cà-phê lộ thiên từng nhóm từng nhóm tự khép lại như những ốc đảo riêng biệt), trên bàn phin cốc đã sẵn, bình thủy nước sôi đã sẵn, ta ngồi chờ... Bấy giờ, cứ một giọt cà-phê rụng xuống là trăm nghìn câu chuyện cũ dâng lên trong ký ức, lan man bất tuyệt..."

Cà-phê rụng xuống không vội vã, ồ không! Một giọt cà-phê biết tự trọng không bao giờ vội vã. Dù cho giữa khung cảnh sinh hoạt hấp tấp tới bởi của đô thị văn minh ngày nay, giọt cà-phê chân chính vẫn bình tĩnh thông thả tự hình, dẫn đo, đứng định lắc lư, suy tư, chân chề rồi bấy giờ mới chịu buông mình xuống tách. Về cái phong thái đỉnh đạc cẩn trọng, dám chắc những giọt cà-phê của thế hệ hôm nay không có gì để hổ thẹn với những giọt cà-phê tiền bối năm ba thế kỷ trước..."

Có một thói quen từ xa xưa, hể tôi ngồi quán cà phê là tay phải cầm sách. Dĩ nhiên, xã hội bắt mình phải học, phải đọc liên tục. Bấy giờ cũng quen rồi.

Tôi nghĩ rằng các quán cà phê Thiền ở Việt Nam nên để sẵn trên bàn những cuốn sách về Thiền -- đặc biệt là những cuốn sách viết rất cận nhân tình, thực dụng, có thể áp dụng tức khắc (và cả lâu dài).

Và phải chi, có một đại gia nào có lòng với Thiền, hãy mua các sách thiền cần thiết để tặng cho tất cả các tiệm cà phê Thiền tại Việt Nam.

Nếu hỏi tôi rằng, nên tặng sách nào cho các quán cà phê Thiền?

Nếu kể đầy đủ, hẳn là phải kể tên rất nhiều tác giả.

Nhưng nếu phải nói lên ý riêng (và ý riêng, không hẳn phù hợp với tất cả độc giả), tôi sẽ do dự. Ý tôi muốn nói rằng, đó là sách theo sở thích riêng. Thí dụ, Thiền để giữ sức khỏe, để



an lạc, để trí tuệ minh mẫn, để tâm xa lìa hay để giảm bớt tham sân si... Bấy giờ, mời bạn đọc mấy đoạn văn này, trích từ một cuốn sách:

"Khi cơ thể đã chùng xuống, đã giãn cơ, tức giảm tiêu hao năng lượng một cách đáng kể rồi thì cũng sẽ thấy bớt cần thiết phải cung cấp các dưỡng chất qua thức ăn như glucid, lipid, protid... vốn là nguồn tạo năng

lượng! Ăn ít đi mà vẫn đáp ứng đủ nhu cầu năng lượng thì cơ thể đỡ vất vả, các tế bào đỡ hùng hục làm việc, tinh thần sẽ sáng khoái. Các nghiên cứu gần đây cho thấy các sinh vật bị cho nhịn đói vừa phải thì sẽ sống lâu hơn và trẻ hơn. Do vậy mà các thiền giả không có nhiều nhu cầu về các chất dinh dưỡng được cung cấp bởi thức ăn! Ta thấy giới, định và tuệ gần bó chặt chẽ với nhau như một tam giác cân, tác động hai chiều là vậy!

Danh y Tuệ Tĩnh, thế kỷ XIV ở nước ta đã đúc kết một lời khuyên: "Bế tinh- Dưỡng khí- Tôn thần / Thanh tâm- Quả dục- Thủ chân- Luyện hình". Thử nhìn lại đời sống hiện nay ta thấy: tinh không bế, khí không dưỡng, thần không tôn, tâm não loạn... bảo sao các hiện tượng tâm thần, tự tử, béo phì, tiểu đường, huyết áp... kể cả chiến tranh, dịch bệnh, thiên tai... chẳng ngày một gia tăng?

Đời sống tiết độ, tri túc, kham nhẫn, chánh niệm, tỉnh giác.. phải chăng có thể góp phần giải quyết những vấn đề sức khỏe thời đại và bảo vệ môi trường sống của chúng ta hôm nay?

Đừng tìm đâu cho mất công. Hãy quay về nương tựa chính mình. Quả đúng như vậy. Bởi nói cho cùng, ai có thể "thờ" giùm ai? Ai có thể "thiền" giùm ai?" (hết trích)

Vâng, đó là từ cuốn "Thiền Và Sức Khỏe" của bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc. Sách này đã tái bản mấy lần, tức là, ích lợi vô cùng tận (xin ca ngợi hết lời, vì lòng mình không ngăn được).

Có một cuốn sách nữa, tôi ưa thích là cuốn "Cõi Phật Đâu Xa" cũng của Đỗ Hồng Ngọc.

Phải chi văn học Thiền gần gũi như thế, sẽ giúp cho xã hội bình an hơn, người người an lạc hơn, giảm đủ thứ bệnh...

Tôi không nhớ cà phê có liên hệ gì tới nhà văn họ Đỗ. Tôi chỉ ước mơ rằng, phải chi thời mới tập uống cà phê đã đọc được những sách này.

Lúc đó, tôi sẽ trầm lắng hơn, sẽ nhìn khói bay trên tách cà phê kỹ hơn, sẽ ngấm từng ngụm ít hơn và sẽ cảm nhận hương vị cà phê kỹ hơn.

Bấy giờ, nếu có ai hỏi cà phê Việt Nam thế nào, tôi sẽ nói rằng không biết... vì thời xưa tôi uống không hề cảm nhận trong chánh niệm tỉnh giác, và có khi chỉ ngồi cãi nhau với bạn bè về những câu thơ nào bên trời Tây.

Và bây giờ, nơi phương xa, tôi nhớ cà phê quê nhà. Phải chi, lúc đó, mình vừa ngấm từng ngụm, vừa thở rất dịu dàng...

GIÁC MƠ EM NHỎ CHÂU PHI

Đôi mắt em buồn
Nơi đó mỗi đêm ngủ
Còn cào một giấc mơ
Châu Phi xanh đồng lúa chín

Nụ cười em buồn
Nơi đó mỗi ngày thức dậy
Bình minh khắc khoải bước đi
Mở Châu Phi một chân trời khác

Đôi chân cò khô
Vẽ không nổi con đường xanh
Thân thể lạnh
Vĩnh viễn giấc mơ khép lại
Yaguine, Fodé*
Bạn bè viết tên hai em trên áo
Những kẻ tuần đạo Châu Phi
Cho một bầu trời mơ ước

Cho tôi được khóc
Hạt nước mắt Châu Á buồn
Cho tôi được chia
Hạt nước mắt Châu Á vàng
Khóc trên những giấc mơ đen...

2016

*Cảm xúc nhân đọc được một bài báo rất cũ: “Nỗi tuyệt vọng của hai đứa trẻ Châu Phi” của tác giả Gia Hân, báo Mỹ Thuật, Saigon, Tháng 6/2001: Hai thiếu niên Phi Châu bị chết vì giá lạnh ở khoang bánh đáp máy bay, trên đường trốn sang Châu Âu. Trước khi đi hai em nói với bạn bè về ước mơ đi tìm một tương lai không còn đói nghèo cho quê nhà. Trong lễ tưởng niệm, mọi người đã gọi hai em là “Kẻ tuần đạo.”



GIÁC MƠ EM NHỎ VIỆT NAM

Em đi học, để đến trường
Em phải bơi qua sông
Tôi nhai cơm như muối xát trong lòng

Em đến trường
Áo quần sưng nước dâng mùa lũ
Gói tập vở trong bao nhựa để trên đầu,
Giữ cho khô những con chữ
Em bơi qua mạng sống em,
Để được học thêm một chữ
Rồi em sẽ bơi một đời nước ngược
Để học thêm bao nhiêu nữa nỗi đau?

Dấu hỏi conג oằn lưng trời
Dấu hỏi mắc xích kéo nhau
Dấu hỏi ngưng một chấm đen to, nơi tiền rìng
bạc bể
Chảy vào những túi không đáy
Để có thêm những con gà đẻ trứng vàng
Để thả rơi một đầu khôn khó xuống vực sâu
Để vói lên những bàn tay nhỏ
Dấu hỏi theo em cong giong nước lũ

Tôi đi trên đường mùa xuân hoa cỏ
Trên đường mùa hè nắng đỏ
Trên đường mùa thu hiu gió
Trên bốn mùa giàu có những bình yên
Nghe vỡ bờ
Con nước bên em tràn ngập thở
Trời trôi vo
Đất quàng rọ
Lặng quá, tiếng những bàn tay vói lên không...
Nặng quá, một dấu hỏi đắm nước.



thi

NGUYỄN THỊ KHÁNH MINH

(Trích tập thơ Đêm, chưa xuất bản)



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ - CANADA
KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ 7

PHIẾU GHI DANH
(Dành cho quý vị Phật Tử)

(Chỉ dành cho Ban Tổ Chức)

Đơn số:

Ghi chú:

Đơn vị Chùa:
 Địa chỉ: Thành Phố:
 Tiểu bang: Zip Code: Quốc gia:
 Email:
 Home Phone: Cell Phone:
 Liên lạc trong trường hợp khẩn cấp: Điện thoại:

DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI GHI DANH *(trong gia đình)*

STT	HỌ VÀ TÊN	PHÁP DANH	NAM/NỮ	TUỔI	LỆ PHÍ
1					
2					
3					
4					
5					
6					
TỔNG CỘNG					

* Lệ phí để chi trả cho khách sạn trong suốt khóa tu: người thứ nhất \$300, những người kế tiếp trong gia đình \$200, trẻ em dưới 12 tuổi \$150. | Chi phiếu xin ghi: CHÙA AN LẠC, memo: KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ.

***Phương tiện đi chuyển:**

- Tự túc ☐

- Đưa đón tại phi trường: ☐ O'Hare International Airport (ORD)

☐ Chicago Midway International Airport (MDW)

▪ Ngày giờ đến: Chuyến bay: Hãng bay:

▪ Ngày giờ đi: Chuyến bay: Hãng bay:

....., ngày tháng năm 2017

NGƯỜI NHẬN

NGƯỜI GHI DANH

(ký và ghi rõ họ tên)

* Vui lòng gửi phiếu ghi danh này và chi phiếu về: Chùa An Lạc, 5249 E. 30th Street, Indianapolis, IN 46218, USA
 Phone: (+1)317-545-1234 hoặc (+1)408-329-3199 | Email: khoatubacmy@gmail.com

* Khóa tu diễn ra từ Thứ Năm đến Chủ Nhật, 20-23 tháng 7 năm 2017, tại Holiday Inn Chicago North Shore - Skokie Banquet & Conference Center, 5300 W. Touhy Avenue, Skokie, IL 60077

PHẬT GIÁO ĐẠI THỪA VÀ NHÂN QUYỀN

TORU SHIOTSU - *Giáo sư Luật, Đại học Soka (Tokyo)*

Nguyễn Hiệp dịch

(tiếp theo kỳ trước)

Nhân phẩm trong Phật giáo Đại thừa Học thuyết Phật tính

Học thuyết Phật tính thật sự đặc biệt quan trọng đối với Phật giáo Đại thừa. Kinh Niết Bàn ghi rằng "tất cả chúng sanh đều có Phật tính". Từ học thuyết Phật tính, chúng ta có thể tìm thấy nhiều điều liên quan đến khái niệm nhân phẩm. Trước hết nó thật sự quan trọng khi nhắc người ta biết rằng chính họ có Phật tính (nhân phẩm của con người). Khi xã hội đòi hỏi nhiều đến việc tăng trưởng kinh tế, khi chúng ta bị kiểm soát bởi quá nhiều cách thức, bị chuyển đổi thành "các vật" và dẫn đến một trạng thái thụ động, học thuyết về Phật tính có thể trao cho chúng ta niềm hãnh diện là những con người.

Trong tiếng Nhật, chúng tôi sử dụng từ **jinken** (nhân quyền) và thỉnh thoảng dùng **kenri** (quyền lợi) để chỉ nhân quyền, tuy nhiên ký tự **ri** được sử dụng ở đây không thật sự phù hợp để chuyển dịch chữ "quyền." Vào những năm đầu thời Minh Trị, có những chữ đã được dùng thay cho từ kenri. Đó là **dori** (đạo lý, lẽ phải, công bằng). Do đó nhân quyền không nên là một công cụ vì lợi ích cá nhân, mà nên được đặt trên ý nghĩa lẽ phải và công bằng mà nó tôn trọng nhân phẩm con người - cả nhân phẩm của mình và của người.

Hơn nữa, bởi vì học thuyết Phật tính xác nhận rằng, tất cả mọi người đều có Phật tính, nên điều này có thể được mô tả như là một học thuyết về sự bình đẳng chân thực. Cần biết rõ rằng Đức Phật Thích Ca đã phê bình sự phân biệt xã hội và hệ thống đẳng cấp vào thời của Ngài. Kinh nói rằng "Con người sinh ra không phải đã là thấp hèn, cũng không phải đã là những Bà-la-môn. Do hành vi mà họ trở nên thấp hèn, và do hành vi mà họ trở thành Bà-la-môn" (Suttanipata). Theo nghĩa này, học thu-

yết về Phật tính có nhiều điểm chung với khái niệm nhân quyền là mọi người sinh ra đều tự do và bình đẳng.

Tuy nhiên cần nhớ rằng, trong khi Phật tính là một học thuyết về bình đẳng, thì nó không phải là một học thuyết bình đẳng máy móc. Phật tính được nói là bao gồm cả trí tuệ và từ bi, tuy nhiên trí tuệ này là trí tuệ được sử dụng để chúng ta có thể sống tốt hơn. Nói cách

khác, đó là điều giúp chúng ta có thể phát triển tối đa khả năng tiềm tàng của mình. Tức là học thuyết Phật tính cho thấy rằng mọi người đều có những khả năng giống nhau để phát triển bản thân, tuy nhiên cách thức mà ở đó sự phát triển cá nhân này được biểu hiện tất yếu sẽ không giống nhau.

Một học thuyết bình đẳng máy móc trong thực tế sẽ thiếu cái nhìn cảm thông đối với những người thật sự đang sống trong

những hoàn cảnh thua thiệt. Tìm ra một định nghĩa cụ thể về bình đẳng là một trong những chủ đề chính về nhân quyền ngày hôm nay. Tuy nhiên, trong khi mọi người có thể có chung quan điểm rằng, sự phân biệt bất chấp luật lệ là phi lý thì lại không có những nguyên tắc hướng dẫn tư tưởng rõ ràng cho việc tạo nền thực tại bình đẳng. Song, nếu chúng ta giải thích bình đẳng là khả năng phát triển bản thân như được tìm thấy trong học thuyết Phật tính, chúng ta có thể suy ra từ đây việc xem xét cho những vấn đề khác từ một quan điểm cảm thông, ví dụ cho một người thua thiệt về phương diện xã hội đã sử dụng trí tuệ của họ để vượt qua những hoàn cảnh bản thân.

Trước, tôi đã nói rằng Phật tính là trí tuệ, tuy nhiên cho dù ý nghĩa cụ thể của nó có đúng như thế hay không, nó chắc chắn không phải một kiểu thức được lý tưởng hóa một cách cụ thể về một trạng thái cụ thể của thực tại. Học thuyết Phật tính của Đại thừa khác với một hình thái lý tưởng cố định. Học thuyết Phật tính



bao gồm "Phật" và "tính", và không có nghĩa là tách ra khỏi hình thức con người để trở thành một vị Phật, mà thể hiện bản chất và những khả năng của một vị Phật trong khi vẫn là con người. Ngài Trí Khải đã lập nên một lý thuyết rất rõ ràng về điều này trong thuyết Thập giới của mình.

Trí Khải xây dựng nên học thuyết Thập giới hay mười cảnh giới của cuộc sống, sắp xếp từ địa ngục cho đến Phật giới, và dùng kinh Pháp Hoa để chứng minh cho học thuyết "sở hữu tương quan Thập giới" của mình, một học thuyết mô tả mối liên hệ giữa Phật giới và chín cõi khác và "chín thể giới kia là Phật giới", "những tham muốn thế tục là giác ngộ", cũng từ đây mà ngài cho rằng một người có thể đạt lấy Phật quả trong khi vẫn là một con người. "Những tham muốn thế tục là giác ngộ" đề cập đến việc phát triển bản thân trong khi vẫn tiếp tục đời sống hàng ngày. Nói cách khác, quan điểm căn bản của Phật giáo Đại thừa là không phải quan điểm trốn chạy khổ đau và xung đột để tìm đến một cõi thanh tịnh, cũng không phải bỏ đi những mong muốn vật chất và tinh thần mà chúng ta có khi làm người.

Do đó khi so sánh với tư tưởng Thiên Chúa giáo thì có một vài khác biệt rõ ràng. Chúa của Thiên Chúa giáo siêu việt con người. Nhân phẩm được cho là có cơ sở của nó ở nơi quan điểm rằng con người "được tạo ra theo hình ảnh của Thiên Chúa." Thêm vào đó, Kant, là một nhân vật có ảnh hưởng lớn vào học thuyết nhân quyền ở phương Tây, có quan điểm rằng con người có khả năng tự quyết dựa theo lý trí nên có phẩm giá. Dù thế nào thì cả hai cùng có sự nhấn mạnh vào tính hợp lý và duy linh trong định nghĩa của họ về nhân phẩm, và thừa nhận tính siêu việt trạng thái thực tiễn đời sống hàng ngày.

Ngược lại, ở học thuyết Thập giới, Phật giới không siêu việt chín cõi khác, mà được biểu hiện cùng với những mong muốn vật chất và những gắn kết xã hội của các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và a-tu-la. Nói cách khác, học thuyết Phật tính như được nhìn thấy trong học thuyết về Thập giới không có thái độ thiên về sự thần thánh siêu nhiên, mà ở giữa những xung đột thân, tâm và của xã hội; không tìm cách huỷ diệt những điều này, mà sử dụng trí tuệ của chúng ta để thực hiện hầu hết những điều ấy.

Trong Thiên Chúa giáo, có thể nói rằng có một mối liên hệ theo trục thẳng chiều dọc tồn tại giữa Thiên Chúa và con người, trong đó một thực thể tuyệt đối siêu việt loài người, được biết như là Thiên Chúa, cứu vớt con người khỏi xung đột và khổ đau. Nếu chúng ta thay Thiên Chúa này bằng một luật thế tục, thì luật ấy sẽ trở thành một thực thể tuyệt đối. Ví dụ, người ta thường nói rằng "bình đẳng trong mắt Thiên Chúa" đã được phát triển thành "bình đẳng trong mắt pháp luật." Tuy nhiên, khi học thuyết Phật tính xác định rằng mỗi chúng ta có

một Phật tính bên trong, thì dễ dàng đưa đến kết luận hợp lý rằng chúng ta có thể tìm cách bàn bạc với người khác để đạt lấy một kết quả. Phật giáo Đại thừa coi trọng những mối liên hệ chiều ngang giữa người với người, và ở đây chúng ta có thể tìm ra một sự quan hệ với dân chủ, đó là "kiểm soát bằng con người."

Duyên khởi

Giáo lý Duyên khởi của Phật giáo được trình bày bằng chuỗi mười hai mắt xích tương quan nhân quả. Giáo lý Mười hai nhân duyên đưa ra một tiến trình lô-gích từ vô minh cho đến giác ngộ. Tuy nhiên, trong thời đại hiện nay, học thuyết Duyên khởi được tìm thấy trong kinh Tạp A hàm có một cấu trúc hợp lý hơn: "*Khi cái này có thì cái kia có. Khi cái này sinh khởi, cái kia sinh khởi. Khi cái này không có mặt, cái kia không có mặt. Khi cái này chấm dứt thì cái kia chấm dứt.*" Và vấn đề là cách giải thích nó.

Ở đây chúng ta có thể nhận ra một cách nhận thức mà nó không xem những loài khác nhau tách rời nhau hay luôn cố định, mà hiểu mọi vật luôn ở trong sự liên hệ với những sự vật khác. Xét cách hiểu về những mối liên hệ này theo một cách khác, điều này muốn nói rằng những mối quan hệ là luôn luôn mở. Chúng ta có thể hình dung ra có hai cách nhìn khác nhau nảy sinh từ học thuyết Duyên khởi này. Thứ nhất, chúng ta thấy sự nổi kết này muốn nói rằng các sự vật không có tính cố định mà luôn luôn thay đổi. Thứ hai, nhấn mạnh sự nổi kết này như sự cộng tồn giữa các loài vật khác nhau, một mối quan hệ cộng sinh.

1 ■ Điều thứ nhất phản ánh quan điểm của Long Thọ, người đã mô tả duyên khởi như là "không có thực thể". Nếu chúng ta tin vạn vật luôn thay đổi, chúng ta có thể đưa ra một kết luận: con người đôi khi tin vào những trạng huống mà ở đó họ nhận thấy họ là tuyệt đối, rồi trở nên chấp thủ, và rồi tổn thương, thất vọng. Trong khi học thuyết duyên khởi dạy chúng ta rằng, nhờ thấy những trạng huống là tạm bợ, như là một nấc trong một tiến trình thay đổi tương tục, chúng ta có thể nhận ra bước đầu tiên trong việc thoát ra khỏi những trạng huống này.

Khả năng thay đổi không chỉ giới hạn nơi lĩnh vực con người. Theo giáo lý duyên khởi, các hệ thống xã hội không phải là bất biến. Việc thay đổi hệ thống xã hội thường không được những người đang sở hữu quyền lực chính trị tại thời điểm đó mong muốn. Ví dụ, chúng ta chỉ cần nghĩ về hệ thống đẳng cấp ở Ấn Độ, hay cấu trúc các tầng lớp chiến binh, nông dân, thợ thủ công và thương nhân vào Triều đại Giang Hộ (Edo) ở Nhật. Chủ trương học thuyết duyên khởi trong những trường hợp này tất yếu trở thành một sự phê bình hiện trạng xã hội.

Tuy nhiên, cho dù là một cá nhân hay một tổng thể hệ thống xã hội, khái niệm thay đổi này không phải là một điều tiêu cực mà ở đó người ta chỉ chấp nhận sự thay đổi khi nó xảy

ra. Học thuyết duyên khởi trong Phật giáo Đại thừa không chỉ là hiểu rõ về sự thay đổi, mà còn xác nhận rằng sự thay đổi cần thiết nên xảy ra để đạt lấy một lý tưởng. Ở phạm vi cá nhân, điều này có nghĩa là sự giác ngộ và biểu lộ Phật tính; và nơi hệ thống xã hội cũng cần đến những cải cách để cho những phát triển này có thể xảy ra.

Có thể tóm tắt lại những gì tôi đã bàn qua như sau: hiểu cuộc sống của chúng ta là một nấc trong một tiến trình thay đổi tương tục, nghĩa là ở phạm vi cá nhân luôn có hy vọng và không rơi vào tình huống thất vọng hay quẩn luyến với hiện trạng, và hành xử từ bi đối với người khác mà không quan tâm đến những mối quan hệ khác biệt giữa ta và người (địa vị xã hội, giới tính...). Nếu điều này là những thứ cấu thành nên một con người mở thì ở phạm vi xã hội, con người này sẽ cần đến một xã hội mở, luôn chấp nhận tất cả mọi hạng người, và tạo điều kiện cho sự thay đổi.

2 ■ Tiếp theo, hãy xem xét quan điểm thứ nhì mà chúng ta có thể suy ra từ học thuyết duyên khởi - học thuyết cộng sinh. Từ quan điểm này, sự nổi kết được mô tả từ đầu có thể được xem như là mối quan hệ tùy thuộc hỗ tương giữa người với người. Điều này muốn nói đến việc vượt qua chấp ngã hay tư lợi. Trong thế giới hiện đại, thành thị hóa đã làm suy yếu đi những nổi kết giữa các thành viên trong gia đình và bên trong những cộng đồng làng xã, thay vì quan tâm đến người khác, có một chiều hướng đang gia tăng là sử dụng người khác cho những mục đích riêng của mình. Loại hành xử này có thể được mô tả như là một mối quan hệ khép kín đối với người khác. Vậy học thuyết duyên khởi nổi thế nào về tình huống này?

Quay sang Cách mạng Pháp, cuộc cách mạng được đặt cơ sở nơi khái niệm về quyền tự nhiên, với "Tự do, tình anh em, và bình đẳng." Tình anh em này đề cập đến tình đoàn kết với người khác. Như chúng ta đã thấy, ngày nay tình thần anh em này đang biến mất. Hiện nay chúng ta có thể nhận ra hai dòng tư tưởng luật pháp hiện đại: luật pháp của những người theo "chủ nghĩa tự do," những người xem tự do có giá trị lớn đối với cá nhân, và của những người coi trọng tính cộng đồng.

Phật giáo nói chung được xem là nhấn mạnh vào tính cộng đồng, và điều này được cho là đặc tính của Phật giáo, tương phản với chủ nghĩa cá nhân phương Tây. Những gì chúng ta cần quan tâm ở đây, là giảm nhẹ sự phân chia cá nhân và cộng đồng, bởi vì nếu

quá nhấn mạnh vào cộng đồng thì sự phân chia này có thể đánh đồng Phật giáo với việc từ bỏ vai trò cá nhân, và hoàn toàn không ngăn ngại cho rằng bản chất cộng đồng Phật giáo đối nghịch với chủ nghĩa cá nhân phương Tây.

Qua học thuyết duyên khởi, bằng việc hiểu con người dưới dạng tùy thuộc lẫn nhau, trước hết chúng ta nên khai mở những mối liên hệ đã bị đóng kín bởi tính tư lợi, và bắt đầu quan tâm đến người khác. Tuy nhiên điều này không có nghĩa là một sự hợp nhất bản thân với người khác trong một mối liên hệ mà ở đó tính cá nhân bị đánh mất. Nếu chúng ta bổ sung học thuyết Phật tính vào đây, những gì muốn nói là nên nhận biết Phật tính bên trong chúng ta, và kính trọng Phật tính bên trong người khác, và chính đây là một phần của mối liên hệ tùy thuộc hỗ tương giữa tất cả chúng ta.

Chúng ta hãy giải thích điều này bằng lý tưởng Bồ tát của Phật giáo Đại thừa. Bồ tát được xem người là đem tình thương vào trong hành động, cảm nhận nỗi đau khổ của người khác và đưa bàn tay cứu độ họ. Đây là một hành động hướng đến người khác phù

hợp với thực hành và ý chí độc lập của chúng ta, và mong ước của chúng ta khi là những con người. Thêm nữa, nó không phải là hành động một chiều được thực hành trên người khác, mà ngang qua làm việc vì người khác nó cùng lúc trở thành "con đường hai chiều" mà ở đó chúng ta khai mở Phật tính của mình. Cho nên, quan điểm cộng sinh có thể được rút ra từ học thuyết duyên khởi là vượt qua bản ngã khép kín của mình, và không có nghĩa là từ bỏ đi tính cá nhân. Nó là một nỗ lực tạo nên cộng đồng từ sự tự do ý chí của những cá nhân.

Tôi đã thảo luận khá xa về học thuyết duyên khởi, vì nó liên quan đến cả cá nhân và xã hội, dưới dạng những nổi kết giữa con người. Tuy nhiên, học thuyết duyên khởi cũng có thể được nghĩ là bao gồm mối liên hệ giữa con người và thế giới tự nhiên. Điều này có thể nhìn thấy qua quan điểm "cây cối, đất đai, tất cả đều có Phật tính" - tức là Phật tính có thể được tìm thấy không chỉ ở nơi con người mà cũng ở nơi cây cỏ xung quanh ta. Theo quan điểm này, chúng ta cần xem xét Phật quả không chỉ dành cho con người mà còn dành cho tự nhiên.

Kinh nghiệm nói với ta rằng con người tạo ra môi trường và thay đổi chúng, và cũng bị ảnh hưởng bởi môi trường đó. Sự phong phú của tự nhiên làm con người phong phú về mặt tinh thần, và sự huỷ diệt môi trường lại gây thiệt hại lớn lao cho tinh thần đó: trong một



viễn cảnh tồi tệ nhất, môi trường có thể đặt chúng ta vào trong nguy hiểm thực sự. Để hiểu nguy cơ này, chúng ta có thể đọc lại quyển sách Silent Spring (Xuân yên tĩnh) của Rachel Carson.

Quá trễ để nhận thấy tầm quan trọng của thiên nhiên khi sự hủy diệt của nó đã là một mối đe dọa đối với con người. Sự hủy diệt như vậy là biểu hiện cuối cùng sau nhiều năm chúng ta ngược đãi thiên nhiên. Và chỉ xem xét những triệu chứng của nó lúc hiểm họa xảy ra là không còn thoả đáng. Thay vì xem mỗi quan hệ này là một vấn đề chúng ta cần nghĩ mỗi ngày, chúng ta nên xem xét những gì hình thành nên mối liên hệ giữa con người và thế giới tự nhiên. Quan điểm "cây cối, đất đai, tất cả đều có Phật tính" là trọng tâm của vấn đề này. Ngày nay, nhu cầu để thiết lập quyền cho môi trường được nhấn mạnh thường xuyên cũng là một vấn đề nên xem xét, không chỉ trong những chính sách đáp ứng các vấn đề như hủy diệt và ô nhiễm môi trường, mà còn nơi nguồn gốc của khái niệm nhân phẩm.

Nghệp

Như tôi đã thảo luận, học thuyết duyên khởi chủ yếu liên quan đến những nối kết giữa người với người và giữa con người với thiên nhiên, tức là những mối liên hệ không gian và theo phương diện chiều ngang của luật duyên khởi. Tuy nhiên, học thuyết duyên khởi cũng có quan hệ chiều dọc theo sự nối kết thời gian, được biết đến qua học thuyết về nghiệp. Nghiệp có nghĩa đen là "hành động". Trong Phật giáo, nghiệp được phân làm ba loại: Thân, Khẩu và Ý, tức là có một sự nối kết thời gian giữa các hành động trong một ý nghĩa rộng. Thân nghiệp là các nghiệp liên quan đến thân, khẩu nghiệp là việc sử dụng ngôn ngữ làm phương tiện diễn đạt, và ý nghiệp nằm ở nơi tâm ý của chúng ta.

Vậy thì mối quan hệ thời gian giữa ba loại hành động này là gì? Vô cùng đơn giản, nó có thể được diễn đạt nơi câu nói quen thuộc "bạn sẽ gặt những gì bạn đã gieo". Nói cách khác, thực hiện những hành vi tốt thì bạn sẽ gặt những kết quả tốt, và ngược lại. Giống như khả năng nối kết và chấp nhận thay đổi của học thuyết duyên khởi không giới hạn nơi sự nhận thức mà còn là những quy tắc trong bản chất, cũng vậy, học thuyết nghiệp khiến "bạn gặt những gì bạn gieo" thành một mối quan hệ nhân quả, là nguyên tắc mà qua đó khuyên bảo chúng ta hãy tạo ra những tác nhân đúng, thực hiện những hành động đúng.

Nếu đây là ý nghĩa của học thuyết nghiệp, vậy thì ở đây chúng ta có thể nhận ra một số luận điểm khác nhau.

1 ■ Trước hết, vì kết quả bị tác động bởi hành động của cá nhân, nên sự tự quyết của cá nhân là rất quan trọng. Và nếu chúng ta tôn trọng quyền tự quyết của cá nhân, chúng ta cũng có thể nói rằng, họ có trách nhiệm đối với



chính họ. Tự quyết và trách nhiệm là hai mặt của một vấn đề. Ở trước tôi đã nói rằng Phật giáo nêu cao vai trò cá nhân, và học thuyết nghiệp, trong khi giảng giải về quan hệ nhân quả của hành động chúng ta, thật sự chính xác bởi nó đã làm như vậy, cũng đặt những câu hỏi sâu sắc về sự tự quyết và trách nhiệm của cá nhân.

2 ■ Điểm thứ hai là nguyên tắc này có một ý nghĩa đạo đức rộng rãi hơn những quy định của luật pháp nhà nước. Trong một xã hội thông thường, trừ khi người ta phạm phải một luật lệ của nhà nước, còn thì những phát biểu gây hại hay đối xử phân biệt, hay những hành động được thực thi vì tư lợi có thể được cho phép. Ngược lại, học thuyết nhân quả nghiêm khắc hơn, khi nó chấp nhận khái niệm "tác ý", tức là một người ngay khi vừa khởi lên ý nghĩ xấu thì đã tạo nên nghiệp. Tuy nhiên, cần phải nói rằng đạo đức nghiêm khắc này không phải là đạo đức trong ý nghĩa của một hình phạt được áp đặt bởi nhà nước, mà luôn là một dạng đạo đức mà ở đó những cá nhân chính họ phán xét lấy họ.

3 ■ Điểm thứ ba, nó nằm ở nơi việc tách học thuyết nghiệp ra khỏi học thuyết tiền định môi trường. Ở học thuyết nghiệp, việc tôn trọng sự tự quyết được xem từ góc độ khác, muốn nói rằng môi trường có thể thay đổi bởi chính những hành động của cá nhân. Điều này không có nghĩa rằng chúng ta hoàn toàn không chịu sự ảnh hưởng của môi trường, mà rằng chúng ta có thể thực hiện hành động độc lập trong những điều kiện môi trường khác nhau để thay đổi môi trường của chúng ta.

Cốt tủy học thuyết Nghiệp trong Phật giáo nằm ở tư tưởng tích cực rằng, một người đang sống bây giờ có thể vượt qua quá khứ của họ và không bị trói buộc bởi nó, để tìm đến tương lai và sống một đời sống sáng tạo. Trong phần thảo luận về học thuyết duyên khởi, trọng tâm của vấn đề là vượt qua một tập hợp những điều kiện cứng nhắc và khép kín.

4 ■ Thứ tư, học thuyết nghiệp được cho là

bao gồm nghiệp cá nhân (biệt nghiệp) và nghiệp xã hội (cộng nghiệp) - mà nó vượt qua khỏi cá nhân. Trong trường hợp này, học thuyết về cộng nghiệp có nghĩa rằng nếu một số đông người có hành xử xấu, việc hành xử xấu này sẽ kết hợp lại để hình thành nên một ý thức xã hội xấu. Ý thức xã hội này cuối cùng sẽ được chuyển đổi thành một hệ thống xã hội. Cách nghĩ này cũng muốn nói rằng ý thức xã hội và những hệ thống xã hội sẽ được truyền trao qua những thế hệ và lần lượt quy định những quy chuẩn nhận thức và hành xử của cá nhân.

Học thuyết cộng nghiệp cho rằng có những vấn đề xã hội không thể bị quy cho nghiệp của các cá nhân. Tuy nhiên, khi nói điều này, những gì học thuyết cộng nghiệp thật sự muốn nói là cho dù chúng ta đề cập đến một điều được biết như là "hệ thống xã hội", chung cùng hệ thống này được tạo ra bởi nghiệp con người. Bởi vì điều này phù hợp với quyền tự quyết cũng như trách nhiệm của mỗi cá nhân, chúng ta nên đối mặt với tương lai và thực hiện những hành động đúng đắn để đem lại sự thay đổi trong nhận thức xã hội và hệ thống xã hội.

Kết luận

Kinh Phật không đề cập trực tiếp đến nhân quyền một cách cụ thể theo ý nghĩa hiện nay, tuy nhiên trong các kinh sách, chúng ta có thể nhận ra một khái niệm mà nó thiết lập nên nền tảng của nhân quyền. Tạm mượn thuật ngữ của nhân quyền hiện nay, chúng ta có thể gọi khái niệm này là nhân phẩm. Tuy nhiên, để nhận ra khái niệm này chúng ta phải giải thích. Để làm việc này, điều quan trọng là phải hiểu Phật giáo như là "Phật giáo sống," và giải thích kinh Phật bằng hiểu biết của chúng ta về những vấn đề của xã hội hiện đại.

Tại một trong những điều luật của mình, Tòa án Tối cao Hoa Kỳ, trích một mục từ thông cáo của Cộng đồng Vatican II, dẫn giải rằng "Con người đang tìm đến tôn giáo cho những câu trả lời đối với những bí ẩn được đặt ra bởi sự hiện hữu của con người. Nói cách khác, tôn giáo là những gì chúng ta tìm kiếm để trả lời những câu hỏi con người là gì, và ý nghĩa cũng như mục đích của cuộc sống chúng ta là gì." Mục đích của Tòa án Tối cao trích dẫn đoạn văn này là mong nhận được những câu trả lời từ những tôn giáo khác nhau đối với câu hỏi về ý nghĩa của sự hiện hữu con người, mà nó nằm nơi gốc rễ của vấn đề nhân quyền. Bài luận này là một câu trả lời từ Phật giáo Đại thừa.

Toru Shiotsu - Nguyên Hiệp dịch
(Source: <http://www.giacngo.vn/triethoc/2010/10/21/7A6452/>)

ĐÊM VÀ HOA QUỲNH

*Quỳnh hoa âm thầm nở
Bóng đêm hờ hững rơi
Giọt sương hay giọt lệ
Lặng lẽ trên môi cười*

*Hương đêm xanh lá cỏ
Chuông điểm thời công phu
Chú tiểu lời tiếng mõ
Hoa lên vào kinh thư*

*Bát Nhã Ba La Mật
Thơm ngát quỳnh hương ơi!
Đời vô thường, không thật
Đêm tàn, trăng khuyết rồi.*

*Chú tiểu ngân nga tụng:
"Huyền mộng bào ảnh thôi"
Vườn trắng, hoa quỳnh nở
Vườn trắng, hoa quỳnh rơi*

*Chú tiểu còn tĩnh tọa
Trăng đã vỡ làm đôi
Chú tiểu vừa nhập định
Trăng đã thành mặt trời.*

thơ

HUỆ TRÂN

(Cốc Thánh Thơi - Đêm quỳnh nở)



Lá xa mùa

HẠNH CHI

Hình ảnh một thiền sư chậm rãi thiền hành trong nắng mai hay an nhiên lặng lẽ tĩnh tọa giữa rừng chiều là tặng phẩm tuyệt đẹp cho những ai có tâm hồn nhạy cảm, chợt tỉnh cổ nhìn thấy.

Vì hình ảnh đó là tuyệt tác phẩm nghệ thuật.

Vì hình ảnh đó long lanh sâu thẳm tâm linh.

Vì hình ảnh đó là hài hòa tuyệt đối giữa mộng và thực, giữa đạo và đời, giữa mong manh và hùng tráng.

Tự thân đã diễm lệ như thế nên không mấy thiền sư, từ nhà Như Lai bước vào đời hoằng pháp mà không ghé qua cánh cửa thơ mộng của thi ca.

Ở đó, hạc trắng vỗ cánh bay lên từng không, rơi rụng đôi vọng âm của làn sáo gió, thánh thót của hạt mưa bay, rạt rào của lớp sóng xô bờ.

Ở đó, thiền sư quán công án giữa mênh mang trầm bổng thi ca. Một lời thốt lên như hoa nở, tiếng mõ nhịp xuống như sương rơi, giòng chuông ngân dài như hồ biếc. Khi nào thiền là thơ? Khi nào thơ là thiền? Những câu như vậy, từ thi sỹ hay thiền sư:

Một con én, một đoạn đường lây lất

Một đêm dài nghe thác đổ trên cao

Ta bước vội qua dòng sông biển biết

Đợi mưa dầm trong cánh bướm xôn xao ()*

Làm sao để tâm thể gian hạn hẹp phân luận được, khi thi sỹ đã đạt tới tuyệt đỉnh của thơ, và thiền giả đã đạt tới không-tịch của đạo?

Hãy thử một đêm dài nghe thác đổ trên cao, tìm hào khí ngất trời của người xuống núi với thanh gươm Bát Nhã, rồi đợi mưa dầm trong cánh bướm xôn xao, thấp lên tình tự cực kỳ thơ mộng của thi nhân, may ra chúng ta mới biết cảm ơn hoa trái nhiệm màu.

Đã nếm hương đạo vị diệu kỳ, ta sẽ an nhiên, dù đi giữa vô minh. Đây là lời tự tình trong đêm:

Bóng ma gọi tên người mỗi sáng

Từng ngày qua, từng tiếng vu vơ

Mưa xanh lên tóc huyền sương nặng

Trong giấc mơ lá dạt xa bờ ()*

Đó, nhẹ tênh ! Tiếng ma gọi hay tiếng cai ngục điểm danh chẳng hơn gì tiếng vu vơ trời đất, vì trong mỗi chúng ta đã có sẵn một ngôi nhà Phật trắng lệ, vững vàng. Thế nên, thiền sư tĩnh tọa rồi, lại mơ màng thi sỹ:

Người đứng mãi giữa lòng sông nhuộm nắng

Kể chuyện gì nơi ngày cũ xa xưa

Con bướm nhỏ đi về trong cánh mỏng

Nhưng về đâu, một chiếc lá xa mùa ()!*

Trời hời! Âm thanh và hình ảnh của "Lá xa mùa" tuyệt diệu quá!

Lá xa mùa là lá đâm chồi quá sớm hay úa tàn quá trễ?

Quá sớm cũng đã thấy đợt xanh; quá trễ cũng đã thấy nhuộm vàng, nhưng nhìn kỹ đi, chẳng phải lá ấy mùa xuân mới xanh, mùa thu mới vàng mà ngay khi lá nhuộm vàng, đã đang dành lại nhựa sống cho mầm xanh; và lá xanh vươn lên, đem hoa trái cho đời rồi lại cùng với đất, vun bón cây cao.

Có chiếc lá nào xa mùa đâu! Xanh hay vàng, lá vẫn ở cùng mùa đấy chứ vì **trong sinh diệt đã sẵn mầm bất diệt.**

Ấy vậy mà thi sỹ mơ màng đùa cợt để thiền sư thoáng mỉm nụ cười. Có phải nơi giòng thơ này, chúng ta đã thấy thiền sư và thi sỹ là một, nên ngôn ngữ thi ca và nguồn thiền mới hài hòa tuyệt kỳ đến thế!

Người yêu thơ chưa với rung cảm, người toa thiền chưa xả phứt tịnh-như, mà gió thơm đã bắt ngát không gian, phả xuống tận đáy lòng, giòng tự tại Bát Nhã:

Năm tháng vẫn như nụ cười trong mộng

Người mãi đi như nước chảy xa nguồn

Bến bờ lạ, chút tự tình với bóng

Mây lạc loài ôi tóc cũ ngàn năm. ()*

Thời Phật còn tại thế, một lần, đang tĩnh tọa trong rừng lau, Ngài bỗng nghe những tiếng chân chạy rầm rập, rồi năm, bảy thanh niên xuất hiện. Người đi đầu hỏi Phật:

- Thưa sa môn, Ngài ngồi đây lâu chưa? Có thấy một cô gái chạy qua đây không?

Phật hỏi:

- Chuyện gì thế?

Đám thanh niên tranh nhau nói về buổi du ngoạn mà họ tổ chức, có đem theo một vũ nữ để ca múa giúp vui, nhưng khi tiệc tàn, thừa



lúc họ mệt mỏi nằm nghỉ dưới gốc cây thì người vũ nữ kia đã lén lấy hết tiền bạc và bỏ trốn.

Nghe câu chuyện, Phật ôn tồn bảo:

- Thật sự lúc này các em cần tìm người vũ nữ hay cần tìm chính mình?

Đối với đám thanh niên con nhà giàu ấy, có lẽ chưa từng nghe ai hỏi câu hỏi lạ lùng vậy. Nhưng tự thể câu hỏi đầy trí tuệ đã thu hút họ ngồi xuống quanh Phật để rồi được nghe Ngài nói về giá trị của phút giây hiện tại.

Sau đó, một thanh niên đã rút ống sáo mang theo, thổi một bản nhạc để cảm ơn bài pháp bất ngờ. Dứt tiếng, người thanh niên ấy nâng sáo lên, thưa Phật:

- Sa môn lắng nghe chăm chú lắm, sa môn có từng thổi sáo không?

Phật im lặng mỉm cười, nhận ống sáo.

Ngước nhìn vật nặng lưng linh qua khe lá, Ngài thông thả đưa sáo lên môi và bắt đầu thổi.

Thoạt đầu chỉ là tiếng gió thoảng, rồi thông reo, rồi suối róc rách, rồi âm thanh rời rừng cây, vi vút trên đỉnh non, mệnh mang qua đại dương, thông thả vượt ve vườn thượng uyển thành Kapilavatthu năm nào, nơi công nương Yasodhara sai thị nữ đốt một đỉnh trầm hương thơm ngát và mời Thái Tử Siddhatta ngồi bên nàng, thổi sáo.

Hương trầm ngát như thế, kỳ hoa dị thảo rực rỡ như thế, nhưng tiếng sáo vẫn nhẹ nhàng bay đi, bay cao, bay xa với tiếng gọi cực kỳ mẫu nhiệm của tâm linh...

Đám thanh niên rung động khi Đức Phật buông ống sáo xuống.

Họ kinh ngạc nghe Đức Phật nói rằng khi còn là Thái Tử Siddhatta, Ngài đã từng thổi sáo, nhưng hơn bảy năm khoác áo sa môn, ống sáo đã là vật quá khứ!

Họ không thể tin rằng bảy năm không tập dợt mà tiếng sáo còn tuyệt vời đến thế; nhưng sau khi xin thọ giới, theo tăng đoàn tu học một thời gian, họ mới hiểu rằng, **ta chỉ đạt tới tuyệt đỉnh nghệ thuật khi tìm thấy chính mình.**

Không còn gì hoài nghi để không tin rằng tác giả bài thơ "Mưa cao nguyên" đã tìm thấy chính mình. Cũng không phải chỉ mới bây giờ, mà như Ngài đã tìm thấy chính mình từ tiền thân, nên nhân gian đã có Thi sỹ Tuệ Sỹ; và chúng sanh có Thiền sư Thích Tuệ Sỹ.

Đa tạ! Đa tạ!

Hạnh Chi

(Tịnh Thất, một đêm mưa)



THỞ CHÁNH NIỆM

“Mỗi ngày tự quét sân am nhỏ
Chớ hỏi vườn ai cỏ rác đầy”
(Thiền sư Tích Lan)

*Mỗi ngày tôi ngồi yên
Tập thở theo chánh niệm
Tự khắc ngưng ưu phiền
Tâm không còn ô nhiễm*

*Mỗi ngày tôi tĩnh lặng
Môi mỉm cười ngắm hoa
Ngay đó tâm cảm nhận
Hoa tươi cười nhìn ta*

*Mỗi ngày tôi tập viết
Tay mài mực, bút lông
Trong tâm không phân biệt
Chữ giống rắn hay rồng*

*Mỗi ngày tôi dọn dẹp
Nhặt rác từ bên trong
Mong mảnh vườn nhỏ hẹp
Rộng mở một tấm lòng*

thơ

KIỀU MỘNG HÀ

March 16-2017

(*) "Mưa cao nguyên" TS Tuệ Sỹ .

HIỆN TƯỢNG CHỆCH MÚI GIỜ

Bác Sĩ Nguyễn Ý-ĐỨC



Với sự tiến bộ của ngành hàng không, con người có thể di chuyển từ hai địa điểm rất xa nhau trên trái đất trong khoảng thời gian rất ngắn.

Khi vượt qua nhiều múi giờ như vậy, cơ thể ta sẽ trải qua một số thay đổi sinh học, gây khó chịu và cần được điều chỉnh lại. Đó là Hội Chứng Chệch Múi Giờ *Jet Lag Syndrome*.

Xin nói rõ thêm về hiện tượng này

Ngoại trừ vi khuẩn, cơ thể các sinh vật cũng như thảo mộc, đều có một cơ chế gọi là đồng hồ sinh học. Đồng hồ này hoạt động nhịp nhàng theo chu kỳ, trong khoảng thời gian 24 giờ để điều hòa một số chức năng như sự thức, ngủ, nhiệt độ cơ thể... làm sao cho thích hợp với không gian ta đang ở.

Đồng hồ nhận tín hiệu quan trọng từ môi trường xung quanh như ánh sáng, bóng tối, nhiệt độ... để sắp xếp một nền nếp sinh hoạt cho cơ thể, mà ta gọi là thói quen. Một khi đã thành hình, cơ thể cứ theo giờ giấc đó mà làm việc, không lệ thuộc vào ngoại cảnh.

Khi di chuyển sang một địa phương khác với chênh lệch nhiều múi giờ, cơ chế sinh học này cần một thời gian dăm ba ngày để điều chỉnh, thích nghi với hoàn cảnh mới. Trong thời gian đó, ta sẽ mất đi vài ngày vui của cuộc du lịch với một số khó chịu cho cơ thể như mệt mỏi, ngủ thất thường, ăn uống khác giờ, tiêu hoá rối loạn, thân nhiệt thay đổi.

Sở dĩ như vậy là vì cơ thể ta khi được đặt vào môi trường khác lạ, mà đồng hồ sinh học

vẫn còn được sắp xếp theo môi trường cũ với sinh hoạt cũ. Hiện tượng này thấy ở mọi sinh vật.

Một con cua sống ở biển miền Đông, được di chuyển sang bờ biển phía Tây, thì trong mấy ngày đầu vẫn giữ màu sắc bình thường như khi ở biển Đông.

Hoa trinh nữ vẫn mở lá ban ngày, khép lá ban đêm, dù ta có che phủ hoa khỏi ánh sáng mặt trời. Ít nhất trong thời gian đầu trước khi điều chỉnh.

Con người từ Á châu mà du lịch sang Mỹ châu, với nửa vòng trái đất cách nhau, trong mấy ngày đầu đồng hồ sinh học vẫn hoạt động như trước. Nghĩa là khi ta ngủ nghỉ bên đây thì bên kia đại dương dân chúng đang làm việc và ngược lại.

Đã có nhiều đề nghị để tránh phiền phức do *jet lag*, mà hiệu quả tùy theo từng người.

a-Trước khi di chuyển.

Về thực phẩm, Tiến sĩ Charles F. Ehret, Chicago, có đề nghị giữ bụng đói trong khi bay để ăn một bữa đầy đủ với nhiều chất đạm khi tới nơi. Cần thận trọng, ông ta còn gợi ý là: ba ngày trước khi khởi hành, ăn no nê với nhiều chất đạm, hai ngày sau ăn nhẹ với nhiều chất bột như cơm, mì, khoai tây; trên máy bay ăn một ít hạt ngũ cốc; khi tới nơi, đi ăn bữa ăn thịnh soạn với nhiều thịt. Ehret cho rằng chất đạm làm ta năng động hơn, chất bột làm ta dễ buồn ngủ.

Đồng thời cố gắng duy trì hoạt động theo giờ giấc nơi mới tới, ra ngoài trời nắng nhiều, nếu có thể làm một số vận động cơ thể.

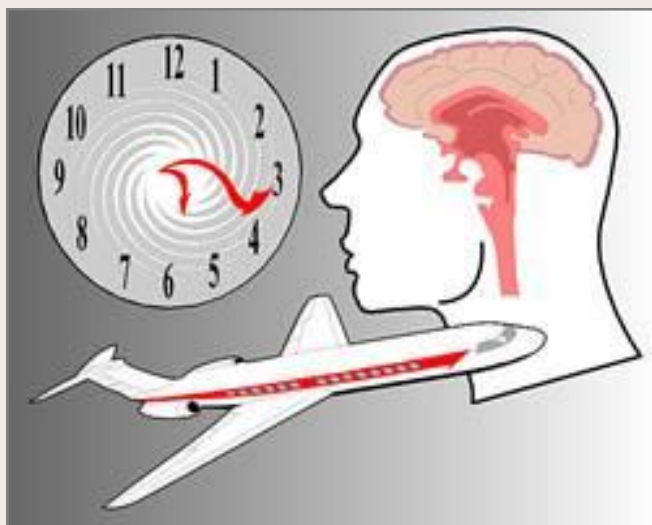
Nếu ghiền cà phê, chỉ uống vào thời gian từ 3 tới 5 giờ chiều.

Về giấc ngủ thì Ehret đề nghị thay đổi giờ giấc ngủ buổi tối trong ba ngày trước: nếu bay về phương Đông, đi ngủ sớm hơn một giờ và cũng thức sớm hơn một giờ mỗi đêm cho mỗi múi giờ chênh lệch. Bay về hướng Tây thì làm ngược lại. Mục đích là để cơ thể thích nghi dần dần với địa phương mà ta sẽ tới.

b-Khi di chuyển

Trong khi bay, tránh cà phê, thuốc ngủ, rượu. Uống nhiều nước lạnh, nước trái cây. Vận đồng hồ theo giờ nơi sẽ tới, bắt đầu sinh hoạt như ta đang ở nơi đó: ăn, ngủ theo giờ giấc mới.

Nếu nơi sẽ tới đang là ban đêm, ta che mắt để ngủ, mà không ăn hay đọc sách, coi TV. Nếu là ban ngày thì ta cố thức, đi tới đi lui trong



lòng tàu bay, đọc sách, coi TV... Tóm lại, khi đồng hồ báo ta ngủ thì ta ngủ, báo ăn vào mỗi bữa thì ta ăn.

c-Khi tới nơi:

Nhiều chuyên viên về *jet lag* đều nhấn mạnh là khi tới nơi, phải hoạt động ngay theo giờ giấc mới tại địa phương.

Giả thử ta tới vào buổi sáng, sau một đêm dài bay. Lúc đó là giờ sắp đi ngủ ở chỗ xuất phát thì ta đừng ngủ, mà cố gắng hoạt động theo thời khóa biểu tại địa phương cho tới chiều. Nếu cần, chỉ làm vài chục phút nghỉ dưỡng thần, vì nếu ta ngủ nhiều, thì sự thích nghi của đồng hồ sinh học với môi trường mới sẽ khó khăn hơn.

Nếu ta tới nơi vào ban đêm, thì đi ngủ ngay chứ đừng thức, hàn huyên tâm sự, làm sáo trộn giờ giấc của người địa phương.

Vài điều cần lưu ý

Quý vị cao niên ta thường có một số bệnh lâu ngày như phong thấp, cao huyết áp, nhiếp hộ tuyến sưng, khiếm khuyết thính thị giác nên nhiều khi ngại ngùng di chuyển bằng máy bay.

Thấy được vấn đề đó, nên tại Mỹ, năm 1986 đạo luật Air Carrier Access đã được ban hành, Bộ Giao Thông Vận Tải được lệnh đưa ra những quy luật nhằm bảo vệ, giúp đỡ người cao tuổi, người có bệnh, khi họ sử dụng đường hàng không.

Khi có bệnh, ta nên tham khảo ý kiến bác sĩ trước, coi xem có an toàn hay không khi đi bằng phi cơ.

Bị nhồi máu cơ tim, không có biến chứng thì ba tuần sau khi lành bệnh, có thể bay được. Huyết áp cao, không ổn định được thì nên tránh bay.

Bị tiểu đường, nhất là loại 1, phụ thuộc vào thuốc Insulin, và di chuyển qua nhiều múi giờ, thì nên cẩn thận. Mang Insulin nhiều hơn nhu cầu một chút, giữ trong tủ lạnh, với kim chích, máy thử đường, ít viên kẹo. Tới nơi, điều chỉnh lại giờ ăn cơm, giờ dùng thuốc, phân lượng Insulin tùy theo lượng đường trong máu. Kinh nghiệm nhắc ta cho để nhớ là khi di chuyển về hướng Đông, ngày ngắn đi thì số lượng Insulin cần cũng ít đi. Còn đi về phương Tây thì ngày dài, Insulin cần tăng chút đỉnh. Nhưng nhớ đo đường huyết theo lịch trình định sẵn.

Nhiều vị bị giãn nở tĩnh mạch hạ chi, ngồi lâu trong máy bay chật hẹp, không cử động, lại bắt chân chữ ngũ, khiến máu lưu thông bị trở ngại. Tất cả có thể gây ra biến chứng máu đông cục ở tĩnh mạch ngầm. Để tránh, ta nên mang tất đàn hồi, lâu lâu đứng lên làm vài vòng bách bộ trong lòng máy bay, hoặc cử động chân tay tại chỗ.

Nếu mắc chứng kinh phong, nên tăng thuốc một chút để tránh lên cơn bất tử.

Bị bệnh tâm trí, nên uống viên thuốc an thần và nhớ cỡ rượu.

Khi bị bệnh thiếu máu (anemia) nặng, nên trì hoãn bay để điều trị vì đôi khi cần thêm



dưỡng khí để thở.

Mới giải phẫu ghép nối động mạch tim mà không có biến chứng, cũng nên đợi hai tuần lễ cho an toàn. Các giải phẫu khác ở bụng, ngực... nên đợi lành hẳn vết mổ, không biến chứng, đại tiểu tiện thông suốt, trước khi bay.

Nếu phụ nhân lại đang "lão bạng sinh châu," thì nên cẩn thận. Một vài hãng máy bay yêu cầu có giấy chứng nhận của bác sĩ là ngày khai hoa nở nhụy không xảy ra trong vòng 4 tuần, khi bay ngoại địa. Còn nội địa thì 7 ngày trước khi sanh vẫn được bay. Lý do chính là họ ngại sanh đẻ trên máy bay, rắc rối, chứ việc bay không có ảnh hưởng xấu gì cho thai mẫu, thai nhi.

Trên đây chỉ là những kiến thức căn bản để quý thân hữu coi cho biết. Đề nghị quý hữu tham khảo ý kiến bác sĩ trước khi du lịch, nếu có bất cứ bệnh tật nào.

Chúng tôi cũng xin thưa thêm là trên mỗi máy bay, đều có một hộp cấp cứu y tế. Trong hộp có máy đo huyết áp, ống nghe khám bệnh, vài ống chích và kim chích thuốc, một cặp bao tay cao su. Về thuốc thì có 50ml nước biển dextrose chích, 10 viên Nitroglycerin cho bệnh đau nhói tim (angina), hai ống Benadryl, 2 ống Epinephrine 1:1000 cấp cứu dị ứng.

Trong thời gian bay, hộp cấp cứu chỉ được mở khi được bác sĩ, hiện diện trên máy bay hoặc từ bản doanh công ty hàng không cho phép. Dưỡng khí cũng được dự trữ trên máy bay cho trường hợp khẩn cấp.

Kết luận

Bàn về hành trình- du lịch, nhà văn tiểu luận danh tiếng nước Anh William Hazlitt (1778 -1830), có nói: "Điểm trọng yếu của một cuộc du lịch là tự do, hoàn toàn tự do để suy cảm, để làm điều gì ta thích làm."

Vậy mà, lại phải theo luật lệ này, ý kiến kia, của người khác thì cũng hết tự do. Nhưng, để an toàn du lịch, đã lỡ biết mà không đề phòng thì lòng mình áy náy, người bạn đường không yên tâm.

Thôi thì, ta cứ cẩn tắc, vô ưu, phải không thưa quý thân hữu.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
www.bsnguyenyduc.com

Truyện ngắn 108 chữ

STEVEN N.



MỘT CÁCH MỚI

Bọn trẻ lên chùa học tiếng Việt, lễ Phật, tụng kinh. Các em rất thành tâm nhưng có một số uể oải và nói:

- Thưa thầy, chúng con nghe tụng kinh toàn chữ Tàu và lại ế a... nghe còn chưa rõ thì nói gì hiểu!

Thầy cười thông cảm:

- Con nói đúng! đây là vấn đề rất thiết thực hành theo lối cũ thì bọn trẻ các con không thể hiểu được. Thầy sẽ bàn với các bậc sáng suốt tìm một cách mới để các con tiếp nhận dễ hơn.

Các phụ huynh cũng nói với thầy:

- Mong có cách mới phù hợp với bọn trẻ.

KHOẢNG CÁCH CÒN XA

Trên đường có người phía trước lái quá chậm làm cậu chủ bức mình gây sự. Máy hì hục nói:

- Cậu chủ vừa tụng Lục Độ, Tứ Hoảng Thệ Nguyên ngon lành, vậy mà mới ra xa lộ đã bóp còi inh ỏi lại còn đưa ngón giữa chửi người ta nữa chứ!

Thằng xe bảo:

- Đường nội bộ nhiều con trẻ chơi vậy mà cậu ta còn phóng ào ào. Tôi nhiều lần thắng gấp muốn bốc cháy luôn!

Đền xe nghe thế chớp chớp hỏi:

- Các cậu có nghe người xưa nói gì không? "Giữa lời nói và việc làm có một khoảng cách rất xa."

CÁI TÔI

Vườn xuân hương sắc ngát ngào, bướm ong la đà vẫy vẫy muôn hoa. Thấy vậy hoa sanh lòng ngã mạn:

- Tôi đẹp và thơm biết bao. Tôi có giá trị nhất ở đây, nếu không có tôi thì tất cả cũng chẳng có giá trị gì!

Rề giận tím mặt:

- Chúng ta âm thầm cung cấp dưỡng chất lại còn bị khinh khi!

Lá cũng nói:

- Bọn tôi thở cho họ thể mà họ lại coi không ra gì!

Lá, rễ bèn rủ ngưng hoạt động, hai ngày sau hoa chết. Bọn bướm bảo nhau:

- Cùng cộng sinh nhưng vì cái tôi lớn quá mà họa lây.

TRỐT QUỐT

Ngày hăm ba tảo xứ Quồn về thiên đình báo cáo:

- Bẩm Ngọc Hoàng, xứ này giờ ô nhiễm nặng nề, thiên nhiên bị tàn phá kinh khủng, chất độc có trong đất, nước, thực phẩm... tràn lan; lễ hội thì buôn thần bán thánh, cướp, giết, đâm, đá... Tình hình rất nghiêm trọng!

Thiên đình xì xào bàn tán. Ngọc Hoàng hỏi:

- Vậy họ có phương cách gì không?

- Dạ thưa, không! Dân tình ta thán nhưng quan quyền thì trả lời trót quốt: "Tất cả đều ở ngưỡng an toàn."

Diêm Vương bước ra quỳ thưa:

- Thần e rồi đây Diêm Phủ không còn chỗ chứa!

HÀI HÒA

Đàn chim di cư về phương nam tránh rét. Khi bay qua khu vườn đậu xuống tranh thủ kiếm thức ăn. Bọn sóc trông thấy cười chế nhạo:

- Tại sao năm nào các cậu cũng di cư, bay hàng vạn dặm cho mệt vậy? thậm chí lắm kẻ chết giữa đường.

Bọn chim bèn vặn lại:

- Tại sao các cậu không di cư? Có kẻ lạnh quá chết cứng trong bông cây.

Bác cú già cù rúc:

- Loài nào tánh nấy, không thể bắt kẻ khác theo mình. Mình cũng chẳng cần theo kẻ khác, nếu biết tôn trọng sự khác nhau thì đời sống sẽ hài hòa.



MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

BÚN RIÊU CHAY

1. Nguyên liệu:

Nước lèo (khoảng 8 phần ăn)

• 3 trái táo Fuji (đừng mua táo xanh sẽ bị chua) lấy dao cạo lớp vỏ trắng ở ngoài vỏ bỏ, rửa sạch, xắt múi, bỏ hạt. *Lấy táo hoặc lê để nấu nước lèo rất ngon và ngọt không cần phải nêm nếm nhiều, chỉ cần nêm muối với ít đường là đã có nồi nước lèo rất ngon*

• 4 củ cà rốt, rửa sạch, xắt lát dọc theo chiều cà rốt.

• 10 khúc ngắn đậu hũ ky cây đã chiên sẵn, không có cũng được
10 cục mì căn tự làm, không có cũng được

• 1 cây nấm King Oyster, xắt lát tròn mỏng hay xắt tùy ý.
1 tô riêu chay

• 2 trái cà chua lớn, xắt múi

• 1 cây chả chay, xắt lát

Bông cải (không cần cũng được) tùy ăn nhiều ít, trụng sơ trong nước sôi, vớt ra rửa cho ráo nước.

Gia vị:

• 1 muỗng canh bột điều đỏ để làm màu
Dầu ăn, muối, đường, tiêu cho nước lèo ngọt.

Phần bún: khoảng 4- 6 phần ăn

• 1 gói bún 8 miếng, luộc chín, xả sạch dưới vòi nước lạnh để ráo nước

• Rau các loại: xà lách, rau muống bào, giá, rau diếp cá, rau kinh giới, ngò, chanh, ớt



2. Thực hiện:

• Lấy nồi 8 quarts, cho 6 quarts (6 lít) nước vào, bắt lên bếp, cho cà rốt, táo vào nấu sôi, vặn lửa nhỏ nấu 15 phút, vớt xác ra bỏ, cho 1 muỗng cà phê tiêu, đậu hũ ky, mì căn vào nấu tiếp.

• Rồi lấy chảo xào sơ nấm với ít muối đến khi nấm ra nước, rồi trút vô nồi nước trên, cho riêu vào và nấu tiếp 15 phút nữa là xong

• Sau khi cho riêu vào thì lấy chảo nhỏ cho 2 muỗng canh dầu vào phi bột điều cho ra màu (rất lạ bị khét đó nha) rồi trút vô nồi trên, quậy đều

Xào sơ cà chua với ít muối, rồi trút vào nồi trên, nêm nếm lại nồi nước lèo cho đậm đà một chút, vậy là xong nồi nước lèo...

Lấy tô lớn cho một vắt bún vào, xếp chả, bông cải và mứt nước lèo cùng với cái, mỗi thứ một ít chan vào bún, cho ngò, nêm chanh, ớt tùy thích, ăn liền và nóng mới ngon, ăn kèm với đĩa rau trên, thiếu một trong những loại rau trên thì bún riêu sẽ mất đi hương vị một chút.



G. Phượng

(Món Chay Thanh Tịnh)

Chú thích: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.



CHẾ NGŨ CON MA

Một cô vợ trẻ đẹp kia
 Đang lâm bệnh nặng, sắp lìa trần gian
 Nói cùng chồng rất nồng nàn:
 "Mình ơi! Em thật vô vàn yêu anh
 Phải xa nhau chẳng nở đành
 Anh đừng vội vã quên tình phu thê
 Mà theo cô khác mãi mẽ,
 Nếu anh phụ bạc em thề làm ma
 Quay về quấy rối chẳng tha
 Lời em trấn trối nhớ mà nghe theo!"
 Sau con bệnh rất ngặt nghèo
 Buồn thay cô vợ thân yêu qua đời
 Chồng thương vợ, chàng nhớ lời
 Được chừng ba tháng lòng người đổi thay
 Tìm chàng lại rộn rã ngay
 Gặp cô gái lạ chuốc say rượu tình,
 Yêu nhau chắt ngọt trời xanh
 Hứa hôn, chờ đợi kết thành lứa đôi.

*

Hứa hôn mới mấy ngày trời
 Anh chồng tới đến tức thời thấy ma
 Chập chờn một bóng hiện ra
 Trách rằng lời hứa chàng ta quên rồi.
 Con ma tài giỏi tuyệt vời
 Kể ra vanh vách những lời ái ân
 Giữa chàng và ả tình nhân,
 Cả khi chàng tặng cô nàng quà chi
 Con ma tả rõ từng li
 Thêm từng chi tiết thăm thì nhỏ to
 Khiến chàng mất ngủ, ốm o
 Hoang mang đêm vắng, âu lo thân gầy,
 Bà con thương hại chỉ bày:
 "Tìm thiền sư nọ ở ngay gần làng
 Thừa trình mọi chuyện rõ ràng,
 Nhờ thầy giúp đỡ xua tan nỗi phiền!"
 Thêm nhiều dẫn vật triền miên
 Anh chồng khốn khổ mới tìm thiền sư Xin

thầy mở rộng tâm từ
 Giúp chàng thoát cảnh dây dưa đọa đày.

*

Thiền sư nghe chuyện, khẽ bày:
 "Ma này là vợ trước đây đó mà,
 Ma rảnh mọi việc gần xa
 Mỗi khi con nói hay là làm chi
 Cả khi con tặng quà gì,
 Khó mà giấu giếm, ma kia biết liền!
 Ma khôn ngoan thật vô biên
 Hãy nên cảm phục! Chớ nên bức mình!
 Lần sau ma có hiện hình
 Con nên gây mối cảm tình, ngợi khen
 Tạo lòng tin và làm quen,
 Khen rằng ma rõ chuyện riêng con rồi
 Ma tài tình! Ma tuyệt vời!
 Nên con hứa trở lại đời độc thân
 Hủy hôn ước với tình nhân
 Nếu ma đoán đúng thêm lần chót đây!"

*

Anh chồng hăm hở nói ngay:
 "Thưa con phải hỏi ma này câu chi?"
 Thiền sư: "Nào khó khăn gì!
 Con vợ một năm đậu kia cho nhiều
 Rồi hỏi ma chỉ một điều
 Đoán xem tay nắm bao nhiêu hạt này?
 Dễ gì mà đoán được đây!
 Nếu ma thua cuộc, con hay biết liền
 Ma là sản phẩm hảo huyền
 Chỉ là ảo ảnh trong tiềm thức ta
 Do mình tưởng tượng mà ra
 Khi Tâm bừng sáng, hết ma quấy rầy!"

*

Đêm sau ma lại hiện ngay
 Anh chồng theo đúng lời thầy hôm qua
 Hết lòng ca tụng con ma
 Rằng ma biết hết, thật là giỏi thay.
 "Dĩ nhiên!" ma trả lời ngay
 "Tôi đây cũng biết anh ngày hôm qua
 Thăm thiền sư gần làng ta!"
 Anh chồng làm bộ tỏ ra phục tài:
 "Nếu người giỏi nhất trên đời
 Hãy cho ta biết rằng nơi tay này
 Nắm bao hạt đậu trong đây?"
 Chập chờn bóng đó biến ngay tức thời
 Chẳng còn ma để trả lời.

TÂM MINH NGŨ TẶNG GIAO

(thi hóa phỏng theo The Subjugation Of A Ghost
 trong tập truyện văn xuôi 101 ZEN STORIES
 của Nyogen Senzaki và Paul Reps)

NGHIÊN CỨU MỚI VỀ SỰ LIÊN HỆ GIỮA VIỆC TIÊU THỤ ĐẬU NÀNH VỚI BỆNH UNG THƯ VÚ

Bởi **AMY WALLACE** | 6 tháng 3 năm 2017 lúc 10:55

Tâm Linh (Tịnh Thủy) chuyên ngữ

(UPI) Nghiên cứu mới nhất của Viện Đại học Tufts đã bác bỏ giả thuyết cho rằng việc tiêu thụ đậu nành làm tăng mức estrogen và có thể dẫn đến ung thư vú ở phụ nữ.

Trong quá khứ, đã có những tranh luận về việc nên hay không nên ăn đậu nành vì mối quan tâm đến estrogen có thể làm gia tăng nguy cơ ung thư vú, một căn bệnh ung thư phổ biến nhất với thụ thể estrogen dương tính (estrogen receptor-positive breast cancer).

Isoflavone - thành phần của đậu nành có tính chất estrogen - đã làm chậm sự phát triển của tế bào ung thư vú trong các nghiên cứu ở phòng thí nghiệm, và các phân tích dịch tễ học ở phụ nữ miền Đông Á bị ung thư vú đã phát hiện mối liên hệ giữa lượng isoflavone cao hơn và giảm tỷ lệ tử vong. Tuy nhiên, các nghiên cứu khác đã gợi ý rằng các tác dụng giống estrogen của các isoflavone có thể làm giảm hiệu quả của các liệu pháp hormone (còn gọi là *nội tiết tố* hay *kích thích tố*) được sử dụng để điều trị ung thư vú," Tiến sĩ Fang Fang Zhang, thuộc Trường Khoa Học Dinh Dưỡng Friedman thuộc Viện Đại học Tufts cho biết theo một thông cáo báo chí của trường.

"Do sự chênh lệch này nên vẫn chưa rõ liệu có nên khuyến khích hoặc tránh sử dụng chất isoflavone cho bệnh nhân ung thư vú," ông nói.

Isoflavone có tính chất chống oxy hóa, chống viêm, chống các tác động gây ức chế và các ảnh hưởng khác có thể ảnh hưởng đến sự sống còn và tăng trưởng của khối u ung thư.

Các nhà nghiên cứu đã kiểm tra mối quan hệ giữa lượng isoflavone trong đậu nành và tử vong từ bất kỳ nguyên nhân nào trong 6.355 phụ nữ Mỹ và Canada mắc bệnh ung thư vú trong giai đoạn chín năm.

Kết quả cho thấy những phụ nữ bị ung thư vú, những người tiêu thụ một lượng lớn isoflavone, có nguy cơ tử vong thấp hơn 21 phần trăm so với những phụ nữ tiêu thụ một lượng nhỏ. Sự sụt giảm này chủ yếu được tìm thấy ở những phụ nữ có dạng ung thư vú thụ thể không nhận dạng hormone và những người không được điều trị bằng liệu pháp chống estrogen. Nghiên cứu cho thấy không có sự liên quan giữa mức uống isoflavone cao và tỷ lệ tử vong cao hơn ở phụ nữ sử dụng thuốc điều trị bằng nội tiết tố. (hormonal therapy).

"Dựa trên kết quả của chúng tôi, chúng tôi không thấy tác động bất lợi của việc ăn uống đậu nành ở những phụ nữ được điều trị bằng nội tiết tố," Zhang nói. "Đối với phụ nữ có ung thư vú ung thư thụ thể kích thích tố, các sản phẩm thực phẩm từ đậu nành có thể có tác dụng bảo vệ. Phụ nữ không được điều trị nội tiết tố như là một liệu pháp điều trị ung thư vú của họ có một liên kết yếu hơn, nhưng vẫn có ý nghĩa thống kê."

Bản nghiên cứu được công bố tại: published in the journal Cancer.

Biên tập bản tin: http://www.upi.com/Health_News/

Các tác giả công trình nghiên cứu:

Fang Fang Zhang MD, PhD,
Danielle E. Haslam MS,
Mary Beth Terry PhD,
Julia A. Knight PhD,
Irene L. Andrulis PhD,
Mary B. Daly MD, PhD,
Saundra S. Buys MD,
Esther M. John PhD

First published: 6 March 2017 Full publication history

Chú thích của người dịch:

Liệu pháp kích thích tố hay còn gọi Liệu pháp Hormon (hormon therapy) nhằm ngăn chặn sự tăng trưởng của ung thư vú thụ thể kích thích tố dương tính (hormone receptor-positive) Liệu pháp sử dụng một hoặc nhiều kích thích tố nữ, estrogen và progestin, đôi khi là testosterone, để điều trị các triệu chứng của thời kỳ mãn kinh.

Thuốc nội tiết là thuốc có chứa hormone. Hormone là những chất sinh học được bài tiết bởi các tuyến nội tiết trong cơ thể, trực tiếp vào máu rồi được chuyên chở đến các cơ quan để điều hòa hoạt động của các cơ quan này.

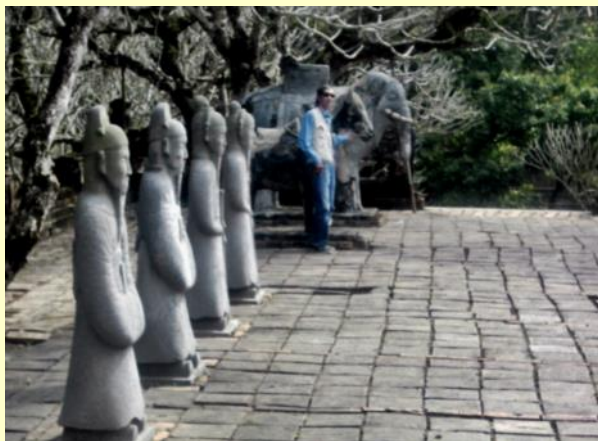


HẬU SINH

Rồi, thế hệ mới ra đời
Xuân về vườn nẩy rạng ngời sắc xanh
Có chẳng cuộc sống yên lành
Để thân đâm nhánh, để cành đơm hoa?
Ngàn xuân chợt đến rồi qua
Vô thường đọng dưới chén trà ẩm thơm
Hóp đi tận đáy tận nguồn
Sớm mai lá rụng sân vườn tân trang
Sống đi, đừng mãi thở than
Băn khoăn trắng lệ, hoang tàn làm chi?!
Xuân sang hạ đến rồi đi
Hậu sinh, tiền bối trả vay luân hồi...

LẶNG

Lặng thinh
từ đó đến giờ
Nắng mưa
Sương gió
Mịt mờ tương lai
Lặng thinh
từ đó đến mai
Người đi kẻ ở
hỏi ai thương giùm?
Lặng thinh lặng lẽ lặng thầm
Người nhìn kẻ ngắm
Ai cần lắng nghe?
Năm già tháng cũ lê thê
Lặng thinh hàng lối
Con về bỏ sung!



NGHE CHUÔNG CHÙA THIÊN MỤ

Áp tai nghe tiếng ngân rền
Âm ba vi diệu mật truyền thiên thu
Đầy xưa tạp nhiễm uế ô
Cho tâm thanh thân, cho ngu si tàn
Hỉ nộ ái ố tiêu tan
Và bi dục lạc tan hàng chạy đi
Lắng nghe chuông vọng âm ỉ
Muốn hòa vào gió mà bay tức thời
Mà thôi, ở là mà chơi
Hồng trần duyên nợ có người đang trông
Bước ra nhẹ bỗng bồng bồng
Gom về âm sắc chuông đồng Huế xưa!



thơ

CHUYỆN TRÒ VỚI THÀNH CỔ

Tay xương chạm vách thành trì
Hé cười với gạch, tìm trầy trụa đau
Phong trần dầm dãi đã lâu
Tâm tình ếm chứa, ưu sầu chực tuông
Rêu xanh vàng ủa sắc buồn
Bụi đen khói ám hòa sương lạnh lùng
Thở dài thông thượt không trung
Nghe như tiếng sóng trập trùng gọi nhau
Tương lai, dĩ vãng đối đầu
Tôi thời hiện tại chôn sâu nỗi niềm
Khẽ khàng năm ngón vuốt êm
Ừ thôi, nghiệp dĩ chường duyên rửa mà!
Tay xương chạm vách tường già
Bỗng dưng tươi rói mượt mà tay non
Trở về như trẻ lon ton
Giờ trang sử cũ phiêu hồn tìm vui!

TÂM KHÔNG VĨNH HỮU

ĐẠI LỄ PHẬT ĐÀN PHẬT LỊCH 2561 SẮP DIỄN RA TẠI LITTLE SAIGON

Nguyễn Huy

(Người Việt March 26, 2017)

FOUNTAIN VALLEY, California (NV) – Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ sẽ tổ chức trong thể Đại Lễ Phật Đản Phật Lịch 2561, 2017, bắt đầu lúc 8 giờ sáng Chủ Nhật, 23 Tháng Tư, tại công viên Mile Square Regional Park, Fountain Valley (góc đường Euclid và Edinger).

Hòa Thượng Thích Nguyên Trí, Đệ nhất phó chủ tịch Nội vụ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, kiêm viện chủ chùa Bát Nhã, Santa Ana, thành viên ban tổ chức đại lễ, cho biết: “Trường ban tổ chức đại lễ năm nay là Hòa Thượng Thích Thiện Long, viện chủ chùa Phật Tổ, Long Beach. Đại lễ có sự tham dự của các phái đoàn đại diện chư tăng quốc tế, thuộc nhiều quốc gia khác như Thái, Lào, Ấn Độ...”

“Năm nay đại lễ không tổ chức được đoàn xe hoa như nhiều năm trước vì khuôn viên Mile Square Regional Park không cho phép. Nhưng thay vào đó là một chương trình văn nghệ mừng ngày Đức Phật Đản Sanh do Đỗ Thanh Entertainment phụ trách, phối hợp cùng Gia Đình Phật Tử Miền Quảng Đức, Ban Hợp Ca Hải Triều Âm, Gia Đình Phật Tử Nam California, Võ Đường Đặng Huy Đức, Vũ Đoàn Việt Cầm, Vũ Đoàn Thanh Tâm, Đoàn Lân Nhân Dũng Đoàn,” hòa thượng nói.

Hòa thượng cho biết thêm, phần lễ chính sẽ bắt đầu lúc 11 giờ sáng với các nghi thức Phật Giáo như tụng kinh cầu quốc thái dân an, đất nước sớm thoát khỏi cảnh bi lụy, mọi người dân đều được hưởng thanh bình hạnh phúc. Sau nghi lễ là bài thuyết trình đề cập đến lịch sử Phật Giáo Việt Nam, sự thăng trầm của Phật Giáo đi vào cuộc sống của người dân Việt cùng lịch sử Việt Nam... Tiếp theo là chương trình mừng đón ngày Đức Phật Đản Sanh.

Theo hòa thượng, trong khuôn viên lễ hội sẽ có nhiều gian hàng bày bán kinh sách, tài liệu về Phật Giáo, các kỷ vật về Đại Lễ Phật Đản và nhiều gian hàng chay để Phật tử đến dự hội có chỗ điểm tâm, ăn trưa và ăn tối hay giải khát. Những gian hàng này không phải của tư nhân kinh doanh mà là của các chùa, viện tại Nam California phụ trách. Mọi khoản thu sẽ được sung vào quỹ của ban tổ chức để trang trải mọi chi phí cho đại lễ.

Chương trình văn nghệ kính mừng Phật Đản sẽ có nhiều ca nhạc sĩ tên tuổi đến giúp

vui, phần tân nhạc có Thiên Trang, Mai Vy, hoa hậu Thảo Lâm, Phương Hạnh, Triệu Mỹ Ngân, Yến Linh, Thảo Vy, Đỗ Thanh, Gia Huy, Đỗ Tân Khoa, Hoài Nam, Đức Tiến, Ngọc Châu, Tân Hy Khánh, Tuấn Quỳnh, Huỳnh Gia Tuấn, Duy Thành, Bon Nguyễn, Đặng Vũ, Hoàng Sỹ Phú...; về cổ nhạc có Phương Liên, Xuân Mỹ, Thúy Hằng, Phương Hồng, Bình Trang, Hải Âu, Diễm Ngân, Thanh Tâm, Vũ Luân, Nguyễn Đức, Minh Hùng, Vĩnh Khang, Ngân Linh...

Theo các tài liệu về Phật Giáo, Phật Đản là ngày lễ trọng đại được tổ chức hằng năm của cả hai truyền thống Nam Tông và Bắc Tông. Ngày nay người ta thường biết đến Phật Đản qua tên gọi Vesak.

Tại Đại Hội Phật Giáo Thế Giới lần đầu tiên ở Colombo, Tích Lan, từ ngày 25 Tháng Năm đến 8 Tháng Sáu, 1950, các phái đoàn đến từ 26 quốc gia là thành viên đã thống nhất ngày Phật Đản quốc tế là ngày rằm Tháng Tư.

Ngày 15 Tháng Mười Hai, 1999, theo đề nghị của 34 quốc gia, để tôn vinh giá trị đạo đức, văn hóa, tư tưởng hòa bình, đoàn kết hữu nghị của Đức Phật, Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc tại phiên họp thứ 54, mục 174 của chương trình nghị sự đã chính thức công nhận Đại Lễ Vesak là một lễ hội văn hóa, tôn giáo quốc tế của Liên Hiệp Quốc.

Những hoạt động kỷ niệm sẽ được diễn ra hằng năm tại trụ sở và các trung tâm của Liên Hiệp Quốc trên thế giới từ năm 2000 trở đi, được tổ chức vào ngày trăng tròn đầu tiên của Tháng Năm Dương Lịch.

Quý độc giả cần biết thêm chi tiết xin liên lạc Hòa Thượng Thích Thiện Long (562) 338-2990, Hòa Thượng Thích Nguyên Trí (714) 571-0473.

Phật tử trong nghi thức tắm Phật tại đại lễ năm 2016. (Hình: Văn Lan/Người Việt)





Công đức sám hối

Soạn giả: **THÍCH MINH CHIẾU**

(trích Truyện Cổ Phật Giáo)

Thuở xưa, đời nhà Lương, vua Võ Đế, có quen với một vị Hòa thượng, hiệu là Chí Công, hằng ngày trò chuyện với nhau rất thân thiết.

Hoàng hậu tên là Hy Thị, thấy vậy, bèn can gián vua đừng chơi với người ngu tăng ấy, nhưng vua Võ Đế chẳng hề nghe, cứ giao du như thường. Hoàng hậu giận lắm, toan lập mưu hại ngài Chí Công, bèn lén dùng thịt chó làm nhân bánh, rồi sai người đem bánh ấy đến chùa mà trai tăng.

Ai ngờ Hòa thượng Chí Công đã biết trước, nên dự sẵn áo tràng rộng tay, làm bánh chay bỏ vào, rồi khi trai Tăng lén bỏ bánh mặn trong tay áo, lấy bánh chay ra ăn.

Bà Hy Thị đờn tin Hòa thượng ăn rồi, tức thì tâu với vua rằng: "Bánh ấy thiếp dùng thịt chó làm nhân, ông Chí Công ăn mà không biết, thiệt là người phạm ngu muội, không có đạo đức trí tuệ gì cả, nay bệ hạ còn làm bạn nữa chẳng?"

Vua nghe nói nổi giận, liền mang gươm đến chùa mà giết Hòa thượng.

Khi ấy, ngài Chí Công cũng đã biết trước, nên ra ngoài cửa chùa đứng đợi.

Lúc vua ngự đến trông thấy Hòa thượng thì hỏi rằng: "Ông ra đứng đây mà làm chi?"

Ngài Chí Công đáp rằng: "Bần tăng biết bệ hạ đến giết bần tăng, nên bần tăng ra đây đứng đợi. Nếu Bệ hạ mà vào chùa mà giết hại, thì ô uế chốn Già lam càng tội nghiệp lắm!"

Vua nghe nổi kinh hồn chấp tay niệm Phật và sám hối, rồi liền mời Hòa thượng vào chùa mà hỏi rằng: "Ngài đã tiên tri được như vậy, vì sao còn ăn lẫn bánh thịt chó mà không biết?"

Ngài Chí Công bèn đáp rằng: "Muôn tâu Bệ hạ! Bần tăng có ăn đâu!"

Tâu rồi Ngài liền thỉnh vua ra sau vườn, dạy người đào lấy bánh thịt chó lên, thấy vẫn còn đủ 120 cái. Hòa thượng bèn lấy nước Tịnh thủy phun vào, tức thì mỗi mười bánh hiệp lại thành một con chó, hình thể vận động như thường.

Vua thấy vậy thất kinh, mới biết pháp lực thần thông của Ngài Chí Công thiệt là cao cường quảng đại, liền trở vào chùa hết lòng lễ sám hối những sự lỗi lầm. Từ ấy Võ Đế càng yêu mến Hòa thượng Chí Công hơn ngày trước nữa; trái lại bà Hy Thị thấy thế lại càng giận thêm, nên khiến kẻ hầu hạ đến chùa lấy kinh sách đem ra đốt hết.

Đến niên hiệu Thiên Giám, bà mang bệnh nặng rồi phải từ trần, rồi đầu thai làm con rắn mắng xà ở sau hậu cung ẩn mình không cho ai thấy, thừa khi ban đêm, bà lại mách điềm chiêm bao cho vua Võ Đế hay rằng: "Khi thiếp còn sống ăn ở bất nhân, tổn vật hại người, làm điều tham độc. Vì cố ấy nên nay thiếp phải làm thân mắng xà, thân đã dài, vóc lại lớn, bỏ lết không nổi, đói không có chi ăn, khát chẳng có chi uống, cực khổ nhiều bề, còn mỗi trong chân vảy lại có thứ độc trùng đeo vào cắn rút da thịt, đau thắt ruột gan thật là khó chịu! Thiếp nghĩ vì thiếp cùng Bệ hạ vẫn là tơ duyên chỉ nợ, tình vợ nghĩa chồng, mà nay thiếp bị đọa ra thân súc sanh thế này, Bệ hạ nữ nào hưởng thọ phú quý một mình mà không tìm phương chi cứu thiếp, nên xin Bệ hạ từ bi thỉnh thầy làm chay độ giải



cho thiếp, may nhờ Phật pháp hộ trì, thoát ra khỏi vòng ác báo, thì thiếp cảm ơn đời đời."

Vua Võ Đế nghe rồi, bèn thức dậy rầu rĩ khóc lóc một hồi; sáng ra liền truyền lệnh rước các thầy Sa môn nhóm tại điện mà hỏi rằng: "Vậy trong hàng chư tăng, ai có phép chi cứu giải Hoàng hậu khỏi điều tội khổ chăng?"

Hòa thượng Chí Công tâu rằng: "Muôn tâu Bệ hạ! Tội của Hoàng hậu rất nặng, xin Bệ hạ hãy thiết lập đàn tràng lễ sám hối, thì mới cứu được."

Vua Võ Đế bằng lòng, liền cầu Hòa thượng Chí Công soạn ra mười quyển sám văn, rồi thiết đàn trong cung làm chay ba tháng, cầu sám cho Hoàng hậu. Có một hôm kia, khi trai đàn gần mãn có mùi hương nồng nã bay khắp trong cung điện. Vua Võ Đế ngược mắt ngó lên trời, thấy có một nàng con gái, nhan sắc tuyệt trần, đứng giữa hư không mà chấp tay tâu cùng vua rằng: "Thiếp nhờ công đức của Bệ hạ cầu sám hối đã thoát được thân mắng xà mà sanh về cõi trời Đao Lợi. Nên thiếp phải hiện thân ra cho Bệ hạ thấy để làm chứng nghiệm vậy - Thôi, mấy

lời cảm tạ, kính chúc Bệ hạ ở lại bình an.” Bà nói rồi liền ẩn mình không thấy nữa.

Khi ấy vua Võ Đế nửa mừng nửa khóc, khôn xiết sự tình bèn lui vào cung mời Hòa thượng Chí Công mà hỏi rằng: “Hoàng hậu của Trẫm buổi còn sống, hết sức thù ghét Hòa thượng là túc duyên làm sao mà gây ra cừu oán như vậy?”

Ngài Chí Công tâu rằng: “Muôn tâu Bệ hạ! Sự cừu oán duyên do kiếp trước có một vị Trú trì và một vị Giám tự ở chung một chùa. Trong chùa ấy có cái đôn để nước, dưới chân cái đôn có con thiện trùng thường kêu trong khi ban đêm; tiếng kêu của nó inh ỏi như thể tiếng con dế hay con vạt sành vậy. Thường khi ông Trú trì tới đó lấy nước súc miệng, rửa mặt thì cũng chú nguyện cho con ấy mau mau thoát đặng cái thân súc vật, mà sanh về đường nhân luân.

Một bữa kia ông Trú trì đi khỏi, ông Giám tự ghét con thiện trùng đêm nào cũng kêu, và làm cho lòng ông không được thanh tịnh và chẳng cho ông ngủ thẳng giấc, nên ông bèn bắt con ấy, lấy dao cắt ngang giữa lưng làm hai, rồi cũng bỏ lại dưới chân đôn như cũ.

Qua bữa sau ông Trú trì về, trót đêm không nghe tiếng con thiện trùng kêu nữa, bèn kiểm dưới chân đôn, thì thấy nó đã chết rồi. Ông thương khóc, niệm Phật chú nguyện cho nó và lấy một miếng vải đỏ buộc vào chỗ lưng bị cắt, rồi đem chôn sau vườn chùa.

Muôn tâu Bệ hạ! Con thiện trùng ấy tức là kiếp này làm thân Hoàng hậu; còn vị Giám tự là kiếp này làm thân của Bần Tăng đấy. Vì vậy oan gia gặp nhau toan đòi nợ trước, nếu tôi kiếp này tu hành lơ lảo, thì có thể nào thoát ra khỏi tay của Hoàng hậu!”

Vua Võ Đế nghe nói liều gật đầu mà đáp rằng: “Hèn gì Hoàng hậu của Trẫm thường buộc sợi dây đỏ ngang lưng, không khi nào rời bỏ, mà Trẫm không biết cố làm sao. – Có một đêm Hoàng hậu ngủ mê, Trẫm lén mở sợi dây ấy ra, thì Hoàng hậu nói rằng đau lưng, rồi lấy dây ấy buộc lại vào, tức thì không đau nữa. Nay Hòa thượng bày tỏ sự tức trái như vậy, thì biết Phật nói “NHÂN QUẢ” thiệt là không sai.”

Từ ấy, vua Võ Đế lại càng tin tưởng Phật pháp, trọng đãi Chúng Tăng và nguyện một lòng phụng sự Tam Bảo...

Trích gương: Nhân Quả

Chúng sanh khi xả báo thân này thì thọ báo thân khác. Nếu trong khi tìm thọ thân khác mà chưa đủ nhân duyên thì thân này chưa xả. Ví như con sâu đo, trong khi đang đuôi bám chặt một nơi thì đang đầu ngóc lên tìm kiếm. Hễ đang đầu tìm được chỗ mà bám xuống thì đang đuôi mới nhả ra. Con người trong lúc nằm thiêm thiếp chờ chết, chính là lúc nghiệp thức tìm kiếm nơi thác sanh. Nếu được nơi rồi thì liền chết, bỏ xác thân này mà thọ thân khác.

MÀU DA ĐEN

*Nó sinh nhằm màu da cay đắng
Màu đen trong xứ trắng như vôi
Tôi thấy mình bồi hồi thắc mắc
Nó cũng người đâu khác gì tôi?*

*Trái đau thương khó tả thành lời
Cha bỏ đi trốn đời hiện tại
Mẹ không chồng nhưng mãi có em
Tranh miếng ăn nhiều đêm đói lạnh.*

*Trường nó học công nghiêng tường lờ
Bao trẻ thơ không nhớ nụ cười
Chưa hết năm bao người vứt sách
Đi bụi đời hút xách tìm vui.*

*Lắm bạn thân vội vã ra đi
Chết trong thời bình vì súng đạn
Nhiều tháng nằm quên lãng trong tù
Ôm áp hờn căm thù số kiếp.*

*Nó thấy tương lai toàn ảo ảnh
Thấy tuổi thơ nặng gánh nợ đời
Thấy ngày xuân bỏ rơi ai biết
Thấy màu da ai tiếc ai thương?*

*Hỡi trần ai còn đây kiếp trước
Làm sao tu bỏ được da này?
Không! Màu da nào đầy nghiệp chương
Vì cái tôi mới vương trầm luân.*

thơ

TÂM CẢNH

NGUYỄN NGỌC CẢNH



Sư huynh

NHÃ TÂM

Vào thập niên tám mươi của thế kỷ trước, sau khi đất nước Việt Nam vừa mới thống nhất, do bối cảnh đặc thù của xã hội nên tình hình quản lý nhà nước về tôn giáo có nhiều điều khác biệt so với thời nay. Tôi còn nhớ rằng, có những tu sĩ Phật giáo, do không đầy đủ các giấy tờ liên quan đến nhân thân, nên không thể cư trú trong chính ngôi chùa mà mình đã xuất gia và đang yên lành tu học tại đó. Vô số hoàn cảnh thương tâm đã nảy sinh từ những vấn đề liên quan đến cư trú này. Sư huynh tôi là một trường hợp như vậy.

Sau lời cáo bạch đầy ái ngại của thầy trụ trì ở một ngôi chùa nọ, sư huynh tôi cũng như bao nhiêu vị tăng sĩ thiếu điều kiện về giấy tờ cư trú, đành phải vạ vật ở nhiều nơi. Có lúc ban ngày sinh hoạt tại chùa, nhưng ban đêm đành phải tá túc ở nhà dân. Một vài vị tăng sĩ trẻ không kham nổi sự bí bách đành phải lựa chọn con đường trở về với thế tục. Sư huynh tôi khi ấy còn trẻ, nhưng luôn kiên định con đường tu dù phải làm khách "tạm trú thập phương Tăng."

Nghe Phật tử thân quen bảo rằng, có một vị xuất gia đang lâm vào cảnh ngặt, vừa bị bệnh hen suyễn vừa không có chỗ nương thân. Lúc ấy, dù điều kiện sinh nhai còn bất tiện nhiều bề, nhưng ba mẹ tôi đã phát tâm cung thỉnh sư huynh về tá túc tại nhà. Làm nghề nông, con thì đông, không gian sinh hoạt không đủ rộng, lại phải sắp xếp một gian phòng bé tí, để cho vị xuất gia có nơi

sinh hoạt tạm thời, quả là nỗ lực từ ba mẹ tôi.

Có những khi đồng áng vào mùa, cả nhà phải tất bật trên rẫy xa, nhưng phải phân công khi người này, lúc người nọ lo cơm nước cho thầy. Nghề nông tuy bận rộn nhưng ai cũng hoan hỷ với những câu chuyện thầy kể khi chiều về, và lòng đầy thanh thản khi nghe tiếng tụng kinh khản đặc của sư huynh trong lúc trời còn mờ sương. Tôi còn nhớ sau một mùa bội thu, ba mẹ đã thủ thi bàn nhau mua một xấp vải kate Nhật màu nâu để cúng dường cho thầy khi ra Hạ.

Cũng từ nhân duyên đó, tôi hiểu thêm về những câu chuyện tiền thân Đức Phật, những gương nhân quả ba đời mà khi rảnh rỗi thầy kể cho cả nhà cùng nghe.

Mãi cho đến một hôm, thầy bất chợt hỏi tôi: "*Con muốn đi tu không?*" Tôi trả lời không một chút do dự: "*Đi thì đi.*" Thật sự ra, trước khi đón thầy về nhà, mỗi chủ nhật hàng tuần, tôi vẫn đi học giáo lý ở một ngôi chùa ở làng bên, những kiến thức lổm bổm từ những buổi học bên hiên chùa, cộng với những câu chuyện mà sư huynh đã kể cho cả nhà cùng nghe khi rỗi việc, đã từng bước làm nhu nhuyến tâm tôi.

Dường như ngay tức khắc, sư huynh đã bàn với ba mẹ nhằm giúp tôi thực hiện ý nguyện này. Tự nhận rằng, mình còn trẻ và duyên nghiệp còn long đong nên sư huynh không thể làm thầy thế phát. Sau khi trầm tính, lắng nghe và suy xét nhiều bề, sư huynh và cả ba mẹ đã đưa tôi đến cầu thầy bốn sư của tôi làm thầy thế độ. Mặc dù tôi và sư huynh không nên nghĩa sư-đồ nhưng trong thâm tâm tôi luôn sùng kính và xem như một bậc ân sư.

Tôi được chính thức xuất gia và không lâu sau đó, sư huynh cũng từ giã ba mẹ và phát nguyện trông nom một ngôi chùa nghèo năm heo hút giữa nông trại cao su ngút mắt. Và cũng từ đây, một phút lữ làng trong một đêm trắng



vắng, đã mở ra bước ngoặt chưa hề tính trước trong cuộc đời của sư huynh. Sự việc là, sau hơn một năm lưu học phương xa, một chiều nọ tôi đón xe về nhà, tiện đường nên ghé qua chùa trước, thì bằng hoàng hay tin sư huynh đã trở về thể tục, và người phối ngẫu là cô bé cạo mũ cao su hay xin nước uống mỗi chiều.

Tôi thần thờ lẽ bước về nhà, thì được ba mẹ cho biết thêm, sư huynh đã bối rối và thừa nhận với ba mẹ ngay khi sự việc diễn ra. Thế nên, khi cô bé cạo mũ cao su có thai và thai còn nhỏ, thì ba mẹ đã gặp sư huynh và thừa rằng: "Nếu thực sự đó là một phút lỡ lầm, và nếu như thấy biết hồi tâm hướng Phật, thì một người con trai trong gia đình này sẽ nhận đứa trẻ làm con."

Sư huynh đã khóc với ba mẹ và kiên quyết thưa: "Con nguyện sẽ không làm cho ai khổ nữa." Trong ánh mắt đượm buồn, sư huynh còn nói thêm rằng, chúng con đã thỏa thuận rồi, khi nào con của chúng con lớn, thì con sẽ phát nguyện xuất gia.

Sau đó, sư huynh đưa cả gia đình bé bỏng của mình lưu lạc ở phương xa. Nghe qua người thân thì tôi được biết, sư huynh cũng tạm ổn với nếp sống thanh bần là nghề trồng nấm, cùng tất bật với các việc vặt mưu sinh.

Mãi đến một hôm, sau hơn mười năm không liên lạc, tôi vừa hoan hỷ vừa bàng hoàng khi biết rằng, sư huynh đã thực hiện lời hứa của mình là tái xuất gia. Tuy nhiên, nghiệp dĩ vẫn chưa buông tha, một ngày nọ sư huynh đi Phật sự ở một vùng quê xa mà quên đem theo thuốc ngừa hen suyễn. Đất lạ, trời trời, một cơn bắt chợt khởi lên và sư huynh đành phải giã biệt cõi đời với nhiều ước nguyện còn dang dở, và nhiều điều chưa kịp nói hết với người trước, người sau.

The Story of Laludayi

(Dhammapada, Verse 241)

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verse (241) of this book, with reference to Thera Laludayi.

In Savatthi, people coming back after hearing the discourses given by Thera Sariputta and Thera Maha Moggallana were always full of praise for the two Chief Disciples. On one occasion, Laludayi, hearing their praises, said to those people that they would be saying the same about him after listening to his discourses. So Laludayi was asked to deliver a discourse; he climbed on to the platform, but he could not say anything. So he asked the audience to let another Bhikkhu take the turn first and that he would take the next turn.

In this way, he put off three times.

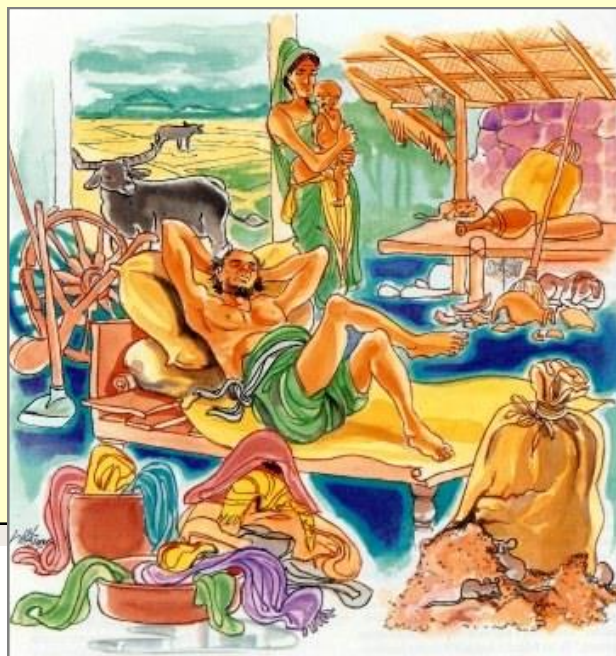
The audience lost patience with him and shouted, "You big fool! When we praised the two Chief Disciples you were vainly boasting that you could preach like them. Why don't you preach now?" So Laludayi ran away and the crowd chased him. As he was frightened and was not looking where he was going, he fell into a latrine pit.

When the Buddha was told about this incident, he said, "Laludayi had learned very little of the Dhamma; he does not recite the religious texts regularly; he has not memorized anything. Whatever little he has learned gets rusty by not reciting."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 241: Non-recitation is the taint of learning; non-maintenance is the taint of houses; indolence is the taint of beauty; unmindfulness is the taint of one who keeps watch.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.**,
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.



Ba hay đổ rác

TÂM THƯỜNG ĐỊNH



Sáng nay, mặt trời chưa ló dạng và những tiếng chim vẫn ríu rít ngoài sân. Như thường lệ tôi ra bàn thờ Mẹ nhìn hình người, xá Mẹ, xá Phật và Ông Bà tổ tiên, rồi vào phòng của Ba trông nom giấc ngủ và đo máu tiểu đường. Hôm nay Ba ngủ ngon, nhưng vẫn đánh thức người để đo máu. Đường trong máu lại xuống chỉ còn 57mM, tôi vội lo cho Ba ăn uống xong và vào bàn làm việc. Mở điện thư ra, có nhà thơ Nguyễn Hoàng Lăng Du chia sẻ một bài thơ lạ của thi sĩ Ngu Yên, bài thơ **Âm Thân Đổ Rác Trùng Ngày Sinh Nhật** có đoạn cuối như sau:

*...Sáng nay thứ năm, kéo thùng rác ra đường, đi vào tay không.
Sống chỉ cần không khí, những thứ khác, càng ít càng tốt.
Ông ấy ăn ít, một mình, làm gì có rác.
Kéo thùng không.
Chiều nay thứ năm, kéo thùng vào, sau khi đổ hết rác trong óc.*

Đúng là một bài thơ đầy tư tưởng, mà lạ. Bồng bênh. Như nhà thơ Nguyên Lương nhận xét: "Thơ của Ngu Yên thả vào không gian, không tiếng dội lại. Cứ thể bay bay, cứ thể bồng bênh. Rồi một hôm thơ trở về lại với chính chủ, như chiếc điều khi không còn gió. Ngày hôm sau, gió lên, thơ của Ngu Yên lại bay bổng, bênh bồng."

Có lẽ cái bồng bênh đó là 5 chữ cuối, "đổ hết rác trong óc" vì hơn ai hết tất cả chúng ta cũng cần đổ rác rưởi trong mình. Chợt nhận ra là ông Cụ thân sinh ngày nào cũng làm việc 'đổ rác' này, mà trong cuộc đời này ai cũng tự đổ rác của chính mình thì hay biết mấy. Ông Cụ thân sinh đã và đang làm như vậy. Nhìn Ba ngày càng già mà vẫn hằng ngày đổ rác trong 'tâm.' Ôi đó cũng là bài học thân giáo quý báu cho mình. Ba ngồi thiền hoặc niệm Phật mỗi sáng, chỉ khi nào đường trong máu xuống thấp hay đau ốm, thì Ba mới nghỉ ngơi.

*Mỗi ngày thấy Ba
Thành thới niệm Phật
Tịnh cõi Ta Bà.*

Every day seeing our Daddy
Leisurely, chanting and meditating
Purifying the earthy realm.

Mấy ngày nay, đường xuống thấp nên tôi thường thức sớm trông nom Ba. Từ khi Ba vào bệnh viện trước Tết, Ba lại càng muốn về thăm quê, tôi nghiệm ra rằng: Quê hương là những gì thiêng liêng lắm, mà Ba luôn ấp ủ muốn qua về thăm lại nơi chôn nhau cắt rốn—trở về với nguồn cội tổ tông. Và Ba cũng mong mọi con cháu như thế. Từ đó, chúng tôi hiểu rằng trong cuộc đời này:

*Giữa đến và đi
Thấy ta hạt bụi
Tan vào hư vô.*

Between coming and going
Realizing we are a powder of dirt
Dissolving in the immense emptiness.

Cái còn lại là mình đang làm gì trong cuộc đời này, giữa khoảng thời gian còn lại cho mình, cho người, và cho tha nhân cũng như cho quê hương, dân tộc, và giống nòi?

VỀ ĐÂU

Ngơ ngác cõi phù sinh
Hàng ngày tôi tự hỏi:
Từ đâu tôi sinh thành
Và về đâu phút cuối?

Từ từ đại hợp thành
Tôi bước vào thế giới
Để rồi cuối hành trình
Trở về cùng cát bụi.

Trước vô tận thời gian
Hỏi đời sao ngắn ngủi
Nghe như từng bước chân
Xích lại gần mộ tối!

Tôi hướng về tôn giáo
Mong thoát khổ luân hồi
Nhưng Thánh Kinh không nói
Chỉ bàn tới thiên đàng.

Bước vào cõi tình yêu
Tôi đi tìm hạnh phúc
Để rồi khi chung cuộc
Khổ đau vẫn hiện hành.

Cuối cùng vào cửa Phật
Ngộ giáo lý nhiệm mầu
Rời theo chân Bồ tát
Tôi biết tôi về đâu!

Tôi về nghe kinh Phật
Thấu hiểu thật ngọn ngành
Vạn pháp đều duyên sanh
Tùy duyên mà sanh khởi.

Tôi về nương Chánh Pháp
Tu vô ngã thân tâm
Đó là đường giải thoát
Đưa ta tới vịnh hằng.

NGUYỆN CẦU

Trước thế giới đấu tranh vì quyền lực
Con nguyện cầu nhân loại được bình yên
Giữa xã hội bon chen vì danh lợi
Con ước mong được an trú tâm Thiên.

SÁNG THỨC DẬY

Sáng thức dậy biết mình còn đang thờ
Nghĩa là ta còn sống, chẳng mừng sao
Ngắm bình minh tung bừng hoa đua nở
Lòng hân hoan ta vui sướng đón chào.

Sáng thức dậy nghe nhộn nhàng chim hót
Khi lú lo, lúc riu rít bên rào
Như gọi ta cùng vui đùa giỡn lát
Ngày mai nầy ai biết sẽ ra sao?

Sáng thức dậy nhìn trời sau mưa gió
Nắng hồng lên sưởi ấm mây hàng cây
Đường bảo ta sống trong đời bể khổ
Đem tình thương mà sưởi ấm cho nhau.

Sáng thức dậy nhớ lời Phật dạy bảo
Quyết làm lành bỏ tà kiến, gian manh
Từ bi tâm yêu thương khắp mọi loài
Không sát hại, thù hằn, luôn chánh niệm.

Sáng thức dậy thả hồn về quá khứ
Rồi bắn khoắn lo nghĩ đến tương lai
Quá khứ mất, tương lai mơ hồ quá
Chỉ bằng mình vui hiện tại sáng nay.

thơ **DIỆU VIÊN**

San Joese, March 2017



DANH SÁCH CHƯ TÔN ĐỨC VÀ PHẬT TỬ ĐÓNG GÓP CỨU TRỢ NẠN NHÂN LŨ LỤT TẠI MIỀN TRUNG VIỆT NAM

Danh sách sau đây được gửi đến từ các nguồn khác nhau trước khi gom về Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội, cho nên có thể có những sai sót nào đó ngoài ý muốn. Nếu quý vị nào thấy thiếu tên mình trong các danh sách sau đây, xin liên lạc chư tôn đức mà quý vị gửi tiền cứu trợ để bổ túc trong sổ báo kỳ tới. Chân thành tri ân.

1) DANH SÁCH TỪ NS. THÍCH DIỆU TÁNH (TỔNG THỦ QUỸ GHPGVNTNHK):

HT. Thích Nguyên An (Chùa Cổ Lâm, Seattle) Văn Nghệ gây quỹ của GDPT Miền Khuông Việt \$16,623 và Đơn vị Miền Liễu Quán Seattle \$1,050; HT. Thích Thái Siêu (NPĐ Fremont) \$3,000; NS. Quảng Tịnh (Chùa Phật Quang SJ) \$5,000; Gs. Huỳnh Tấn Lê \$2,000; Trịnh Sương \$1,200; TV. Linh Sơn Pháp Bảo (20 vé) \$500; Phạm Trang-Châu-TX \$700; Hải Tech-Ngân \$500; Judy Mai-Lê Anh Tuấn Pd. Chúc Đạo \$500; Hằng T.B. Nguyễn-UT \$500; Giác Linh Sadini Thích nữ Huệ Ánh \$500; Giang Kim Loan-Mẹ Nguyễn Cẩm \$400; Quốc Đạt-Nguyễn Văn Hậu Pd. Giác Thiện \$400; Gđ. Phật tử Thiện Lý - Paris \$315; Phật tử - Virginia \$300; ĐĐ. Quảng Hùng \$200; Huỳnh Mai Dương Nguyễn \$200; Phương TiTan Travel \$200; Minh Kiến, Bích Thủy \$200; Patrica D. Nguyễn \$200; Kelly Diệp \$200; Trần Tăng Ramon, Trần Tăng Clement \$200; Trần Tăng Clementine Pd. Diệu Thọ \$100; Nhãn Thái TX, Tâm Tràng FL \$100; Quốc Anh, Hiền Nguyễn \$100; Monte Ung - Mimi \$100; Bửu Linh-Trần Thái \$100; Mai Nguyễn \$100; Nguyễn Thị Hiền Pd. Diệu Đài \$100; Kenney Kha \$100; Phạm Minh Trí \$100; Phạm Thông \$100; Ut Luông \$50; Dương Xuân Thắm \$40.

Tổng cộng: \$35,488

2) TIỀN GÂY QUỸ TẠI NHÀ HÀNG SEAFOOD WORLD:

HT. Chơn Thành (Chùa Liên Hoa) \$5,000; HT. Nguyên Trí (Chùa Bát Nhã) \$3,000; HT. Nguyên Siêu (Chùa Phật Đà) \$2,000; HT. Minh Mẫn (Chùa Huệ Quang) \$500; HT. Nhật Quang (Tịnh thất Linh Quang) \$300; TT. Tâm Tường (Tu viện Pháp Vương) \$750; Ni sư Thiên Tuệ (Chùa Phổ Linh) \$200; Sa-di Ni Thông Hòa (Chùa Ưu Đàm, LV) \$200; Bs. Nguyễn Hữu Tuấn \$1,000; Trung Nguyễn Consulting \$500; Ni sư Minh Phước \$500; Diệu Thuận (San Diego) \$500; Hoàng Tấn Kỳ \$500; Lê Anh Trung \$500; Chung N. Nguyễn và Theresa Nguyễn \$700; Trí Minh Nguyễn \$200; Holly T. Phạm \$200; The X. To \$200; Poshe Nails Skin Care \$100; Deanna T. Võ \$100; Hoa Vô Ưu Foundation \$300; Hoàng Văn Chương \$100; Võ B. Phước \$100; Nguyễn T. Thanh Xuân \$175; Tiffany P. Hồ \$100; Nguyễn V. Hải \$20; Phật tử Chùa Phổ Đà \$300; Đỗ Tân Khoa (Tranh) \$500; HT. Phước Thuận (20 vé) \$500; HT. Thông Hải (10 vé) \$250; Ni sư Diệu Tánh (10 vé) \$250; Huỳnh Tấn Lê (8 vé) \$200; Chùa Phật Tổ \$4,250; Chùa Phật Tổ (90 vé) \$2,250; Chùa Giác Lý - Sư Tín (24 vé) \$585; Tổ đình Minh Đăng Quang (10 vé) \$250; Tịnh xá Giác An - Sc. Nhuận Liên (30 vé) \$750; Linh Sơn Pháp Bảo tự (10 vé) \$250; Sc. Trung Châu (20 vé) \$1,000; Chùa Linh Ứng - Sư Minh Hạnh (10 vé) \$250; Ni sư Minh Phước (10 vé) \$250; Chùa Khánh Hỷ (21 vé) \$525; Chùa Viên Minh - Ns. Diệu Phước (10 vé) \$250; Sc. Diệu Ngọc (10 vé) \$250; Chùa Kiêu Đàm (10 vé) \$250; Sc. Hoa Tâm (20 vé) \$500; Sc. Chân Phụng (16 vé) \$400; Chùa Đại Bi (6 vé) \$150; Cô THA (20 vé) \$500; Nhuận Sáng (25 vé) \$625; Diệu Hạnh (10 vé) \$250; Diệu Ngọc - Mẹ chị Thủy (10 vé) \$250; Kevin Trần (12 vé) \$300; Pt. Nguyễn Thiện (1 vé) \$25; Chỉ Giao (4 vé) \$100; Cao Xuân Đán (8 vé) \$200; Bs. Trần Ngọc Linh - Diệu Thiện (3 vé) \$75; Tiến Nguyễn (2 vé) \$50; Không tên (2 vé) \$50; Tiền mặt góp được từ tiệc chay (do ĐĐ. Quảng Hiếu giao) \$3,650.

Sau khi khấu trừ các khoản chi tiêu nhà hàng, số tiền còn lại được giao qua Thủ quỹ của Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội như sau:

Tổng cộng: \$36,265

(xem tiếp trang sau)



3) DANH SÁCH TỪ HT. THÍCH NHỰT HUỆ (TỔNG VỤ TRƯỞNG TV THANH NIÊN):

Chùa Từ Quang (San Francisco) \$2,500; Ban Hướng Dẫn Trung Ương GDPTVN tại Hoa Kỳ \$29,312 (Miền Thiện Hoa \$14,895; Miền Liễu Quán \$7,690; Miền Quảng Đức \$5,277; Miền Tổ Liên \$1,200; Các Huynh trưởng \$250); Quảng Ngộ Đào Duy Hữu \$520.

Tổng cộng: \$32,332

4) DANH SÁCH TỪ HT. THÍCH THÔNG HẢI (TVT TỔNG VỤ TỪ THIÊN XÃ HỘI):

Tu Viện Bồ Đề (Bakersfield, CA) \$3,000; Pháp Hoa Temple (Vernon, CT) \$8,560; Long T Ho (Broomfield, CO) \$220; Diệu Thuận (Tulsa OK) \$100; Ngọc Nga Thi Vu (Sacramento, CA) \$100; Mai Phước Châu (Bluffton, SC) \$200; TH Vo (Signal Hill, CA) \$1,000; Expo Nails (Brownfield, TX) \$300; Mai T Phuong Ha (Powell, OH) \$100; National Mortgage Corp (Garden Grove, CA) \$800; Bích Liên T Nguyen (Phoenix, AZ) \$330; Hanh N. Do (Garden Grove, CA) \$200; Liên Lưu (Westminster, CA) \$300; Sư Cô Ngọc Liên \$5,000; Hồ Chí Cường (GDPT, TX) \$1,272; Hoàng Lan Thái (Winnemucca, NV) \$700; Thu Phương Thị Nguyễn (Hawthorne, CA) \$200; Phật Học Viện Quốc Tế (North Hill, CA) \$1,170; Apolonio Hernandez (Garden Grove, CA) \$25; Hương Phạm (FL) \$100; Vy Trang Do (San Jose, CA) \$150; Hiếu Triệu (Stockton, CA) \$20; Hiếu Q Lâm (Daily City, CA) \$200; Nguyen Hong Kelly Hoang (Santa Ana, CA) \$100; Van Kiem To \$25; Hung Tran \$50; Thu Lieu Dang (Madison, WI) \$400; Kelvin Kim (Anaheim, CA) \$100; Thuy Hoang (Santa Ana, CA) \$20; Duc Ngoc Duong (Garden Grove, CA) \$200; Catherine Lam \$30; Lee's Family (San Gabriel, CA) \$50; Trần Thị Năng (Sacramento, CA) \$100; Phuong Mai Ha (Powell, OH) \$100; Hiep Nguyen (Brownfield, TX) \$300; Hang Mai (Glendale, AZ) \$330; Vô Danh (Arizona) \$40; Lucy Truong \$50; Diana Truong \$50; Alice Truong \$50; Nhóm Duy Khanh \$2,162; An Lac Mission + TV Chan Khong \$13,690; Nhuan Nguyen Phap - Phuong Lien (Sai Gon, Viet Nam) \$5,000.

Tổng cộng: \$46,894

THÀNH KÍNH TRI ÂN CHƯ TÔN ĐỨC, QUÝ TỰ VIỆN, TỔ CHỨC GIA ĐÌNH PHẬT TỬ,
QUÝ ĐẠO HỮU VÀ ĐỒNG HƯƠNG ĐÃ THỂ HIỆN LÒNG THƯƠNG, CỨU NGƯỜI KHỔ NẠN.
NAM MÔ ĐẠI TỪ ĐẠI BI CỨU KHỔ CỨU NẠN QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT



HÀNH TRÌNH THƯƠNG VỀ MIỀN TRUNG

(Chuyến Ủy Lạc Cứu Trợ Nạn Nhân Bị Lũ Lụt Tại Miền Trung Việt Nam Đợt 2, do GHPGVN Liên Châu Tổ Chức)

TỶ KHEO THÍCH THÔNG HẢI tường thuật

*"Thương sao khúc ruột miền Trung
Nắng mưa lũ lụt khôn cùng khổ đau..."*

Quả thật như vậy, cách xa hơn nửa vòng trái đất, những người con nước Việt ly hương đang định cư tại Hải Ngoại đều ngậm ngùi, xót thương và không ngăn được nước mắt khi nhìn thấy những hình ảnh đã được đăng tải trên các hệ thống truyền thông, báo đài, Internet... về những cơn lũ lụt kinh hoàng mang tính lịch sử đã đổ ập xuống những thân phận bé nhỏ, khắc khổ của đồng bào và những làng quê nghèo khó, nơi khúc ruột miền trung thân yêu.

Những trận lũ lụt vừa qua đã khiến cho nhiều người tử vong, hàng ngàn ngôi nhà chìm trong biển nước, hàng ngàn heta hoa màu bị hư hại, gia súc, vật nuôi chết nhiều vô số kể. Đồng bào của chúng ta sống trong cảnh màn trời chiếu nước, cơm không có ăn, áo không đủ mặc, gia sản, nhà cửa tan tác, các cụ già, trẻ em, không nơi nương tựa, các trường học, công sở buộc phải đóng cửa. Trước nỗi đau thương do tai trời ách nước gây ra, người con Phật trên các châu lục đã hưởng ứng lời kêu gọi của các Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội. Chư tôn Đức Tăng Ni và Đồng Hương Phật Tử từ các tông lâm, tự viện hoặc tại tư gia, quý vị đã thể hiện trọn vẹn tinh thần từ bi cứu khổ ban vui của Đạo Phật và tinh thần *"lá lành đùm lá rách; một miếng khi đói, bằng một gói khi no"* - vốn có trong dòng máu con Lạc cháu Hồng. Sau hai tháng lạc duyên, quý vị đã đóng góp được số tiền tài mà GHPGVN Hoa Kỳ nhận được là 125,000 USD (Mỹ Kim); GHPGVN Úc Châu nhận được là \$100,000 (Úc Kim), GHPGVN Châu Âu nhận được là 70,000 EURO. Tất cả đã hợp lực với nhau để cho Hành Trình Thương Về Miền Trung được bắt đầu.

Hành Trình này là chuyến ủy lạc cứu trợ đợt 2 cho các nạn nhân đồng bào bị lũ lụt tại miền Trung Việt Nam, do Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Liên Châu tổ chức. Với sự hiện diện của HT. Chứng Minh Đoàn - Thích Minh Hiếu, trú trì Thiền Viện Minh Quang ở Úc Châu; HT. Chứng Minh Đoàn - Thông Sơn VIBAVI-Hội Trưởng Hội Phật Giáo Tích Lan tại Tiểu Bang Hawaii; HT. Trưởng Đoàn - Thích Thông Hải - Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ kiêm Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ; TT.

Phó Đoàn Điều Hợp -Thích Tâm Phương - Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Từ Thiện Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Úc Châu; Thư ký đoàn: HT. Thích Nhật Huệ - Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Thanh Niên, Trú Trì chùa Duyên Giác, Hoa Kỳ; ĐH Nguyên Thanh - Tổng Vụ Phó Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội GHPGVN Hoa Kỳ; ĐH Nhuận Pháp Nguyên (Phượng Liên); TT. Thích Thông Quán - Trú Trì Tu Viện Linh Sơn Pháp Bảo, Hoa Kỳ (Phụ Tá Thư Ký Đoàn); ĐĐ. Thích Viên Tịnh - Tổng Vụ Phó Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội GHPGVN Âu Châu, Trú Trì chùa Tam Bảo, Oslo, Na Uy (Phó đoàn kiêm Thủ Quỹ). Phụ tá Thủ Quỹ: Ni Sư Thích Nữ Huệ Khiết - Tổng Vụ Phó Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội GHPGVN Úc Châu, Trú Trì chùa Báo Ân, Úc Châu; Sư Cô Thích Nữ Ngọc Liên - Tổng Vụ Phó Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội GHPGVNTHK, Trú Trì TX Ngọc Phú, Hoa Kỳ; Đạo hữu Ai Liên (Tu Viện An Lạc). Ngoài ra còn có sự hiện diện của 20 cư sĩ Phật Tử, Huynh Trưởng GDPT thấp tầng đoàn ủy lạc. Đặc biệt có đài VietFace Tivi Úc Châu, do ĐH. Kim Hoàng đảm trách và Chương Trình Radio Hương Từ Bi Úc Châu, do ĐH. Khánh Tiên đảm trách đã đồng hành cùng đoàn để ghi nhận hình ảnh và đưa tin.

Rạng sáng ngày 05 tháng 01 năm 2017, Đoàn Từ Thiện Xã Hội GHPGVN Liên Châu bắt đầu khởi hành đến cứu trợ cho đồng bào nạn nhân bị lũ lụt tại 2 xã Nghĩa Lợi và Nghĩa Lạc, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An. Tại đây, chúng tôi đã tận mắt chứng kiến nỗi thống khổ của đồng bào và đoàn đã phân phát 700 phần quà, mỗi phần trị giá 600 ngàn VND. Trong đó gồm 500 ngàn VND, mì gói và các vật dụng khác...

Rạng sáng ngày 06 tháng 01 năm 2017, Đoàn đã đến xã Xuân Liên và chùa Tuệ Quang, xã Xuân Hải, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, để phát tận tay cho đồng bào tại đây 1000 phần quà Xuân, mỗi phần trị giá 500 ngàn VND. Cùng ngày hôm đó, đoàn đã đến 2 xã Quảng Trường, Quảng Liên, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, trao tận tay cho đồng bào 400 phần quà xuân, mỗi phần trị giá 500 ngàn VND.

Rạng sáng ngày 7 tháng 01 năm 2017, Đoàn khởi hành đến viếng thăm Trường Khuyết Tật Đồng Hới và tặng 100 phần quà, máy giặt,

tủ lạnh. Sau đó, đoàn tiếp tục đến xã Sen Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình để trao tận tay 600 phần quà cho đồng bào. Tại đây, đoàn còn trao tặng 2 ngôi nhà Tình Thương và 4 phòng học lớp Mẫu Giáo. Sau khi rời xã Sen Thủy, đoàn đến chùa Long An (do TT. Thích Hải Tạng trú trì), xã Triệu Thương, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, đã trao tận tay 300 phần quà xuân đến cho đồng bào, mỗi phần gồm 400 ngàn VND, 1 thùng mì gói, dầu ăn và bột ngọt.

Rạng sáng ngày 8 tháng 01 năm 2017, do vì lộ trình cứu trợ xa xôi, thời gian không cho phép, nên đoàn đã quyết định chia ra thành 2 nhóm:

Nhóm 1: Do chúng tôi, HT. Thích Thông Hải cùng một số chư tôn Đức và đạo hữu trong đoàn đến viếng thăm gia đình anh chị Nguyễn Hiền và Nguyễn Thị Bính, cư trú tại xã Kim Long, Thừa Thiên Huế. Theo chúng tôi được biết, hai vợ chồng có một người con tật nguyền, 38 năm qua họ đã không có nhà để ở, nên phải ở nhờ nhà của người chị. Trước hoàn cảnh đau thương xúc động như vậy, đoàn đã quyết định trao tặng 50 triệu VND, để xây nhà Tình Thương cho gia đình anh chị. Sau đó, đoàn đến Niệm Phật Đường Phú Ngân, xã Quảng Thanh, huyện Quảng Điền, Thừa Thiên Huế trao 300 phần quà, mỗi phần trị giá 400 ngàn VND.

Nhóm 2: Do HT. Thích Minh Hiếu và TT. Thích Tâm Phương, chư tôn Đức và đạo hữu trong đoàn kết hợp với TT. Thích Hải Tạng và Đại Đức Thích Như Tịnh (Trú Trì Chùa Viên Giác Tp Hội An - Quảng Nam), đã đến 4 địa điểm: 1 - Chùa Phú Thọ, xã Điện Phương, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam trao 300 phần quà, mỗi phần trị giá 500 ngàn VND. 2- Chùa Giác Vân (do NS Hạnh Đàm trú trì), xã Duy Thành, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam trao 300 phần quà, mỗi phần trị giá 500 ngàn VND. Sau đó đoàn đã nhờ TT. Thích Hải Tạng và Đại Đức Thích Như Tịnh đến trao 100 phần quà cho đồng bào xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh

Quảng Nam và trao 50 triệu VND hỗ trợ cho sinh hoạt GDPT Quảng Nam.

Ngày 9 tháng 01 năm 2017, Đoàn đã đến xã Ân Nghĩa, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định để trao 500 phần quà. Mỗi phần trị giá 500 ngàn VND.

Ngày 10 tháng 01 năm 2017, được sự giúp đỡ của HT. Thích Thiện Đạo, đoàn đã đến xã Xuân Lãnh, huyện Đồng Xuân, Tuy Hòa trao 700 phần quà cho đồng bào dân tộc miền núi nghèo khó. Mỗi phần trị giá 500 ngàn VND. Cùng ngày hôm đó, đoàn viếng thăm Trường Mẫu Giáo Mỹ Long, Tuy Hòa. Nhận thấy trường bị lũ lụt hư hại nhiều, nên đoàn quyết định trao tặng 50 triệu VND để tu bổ, đồng thời trao quà kẹo bánh cho trẻ em tại đây.

Ngày 11 tháng 01 năm 2017, đoàn viếng thăm chùa Linh Sơn Pháp Bảo ở Nha Trang, Khánh Hòa và dâng lễ HT. Thích Như Ý, là HT. Bổn Sư của TT. Phó Đoàn Thích Tâm Phương. Sau đó đoàn đến chùa Bửu Lâm, xã Suối Tiên, huyện Diên Khánh trao 350 phần quà cho đồng bào tại đây, mỗi phần trị giá 400 ngàn VND. Tiếp sau đó, đoàn đến Khu Kinh Tế Mới, xã Phước Đồng trao 200 phần quà, mỗi phần trị giá 400 ngàn VND. Hai giờ chiều cùng ngày, đoàn viếng thăm nơi sạt đất của xã Phước Đồng - Nha Trang, nơi đã khiến 4 người bị tử vong. Tại đây, đoàn trao tặng 20 triệu VND cho mỗi gia đình có người mất và 10 triệu VND cho mỗi gia đình có nhà cửa bị hư hại (Tổng số tình tài là 120 triệu VND). Đoàn tiếp tục đến chùa Linh Sơn (Do ĐĐ. Thích Tâm Thủ trú trì) trao tặng 200 phần quà, 100 triệu VND để xây 2 ngôi nhà Tình Thương và gửi 150 phần quà đến chùa Kim Quang, chùa Phước Thiện, nhờ giúp chuyển đến cho đồng bào vùng sâu vùng xa, nơi mà đoàn không thể đến thăm được. Ngoài ra, còn hỗ trợ 10 triệu VND cho sinh hoạt GDPT Nha Trang và 10 triệu VND cho sinh hoạt GDPT Đắc Lắc (do chị Nhuận Pháp Nguyễn PL chuyển hộ).

Hành Trình Thương Về Miền Trung được kết thúc vào xế chiều, ngày 11 tháng 01 năm





2017. Trải qua 7 ngày đầy gian khó, nhưng đoàn đã thăm viếng được các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Huế, Quảng Nam, Phú Yên, Bình Định, Khánh Hòa. Phải nói rằng, đây là chuyến ủy lạo cứu trợ mang đầy ý nghĩa. Mặc dù thời gian ngắn ngủi và những nơi đến cứu trợ là những vùng xa xôi, heo hút, đường sá nhỏ hẹp, lầy lội, đi lại khó khăn, nhưng với lòng kiên định, tâm từ bi nhẫn nại của bao người, cuối cùng đoàn đã vượt qua tất cả để hoàn thành trọng trách mà Giáo Hội và đồng hương Phật Tử Hải Ngoại giao phó.

Những ngày cuối năm Bính Thân sắp hết, chuẩn bị đón chào mùa xuân mới Đinh Dậu, dù Phật sự tại bốn tự còn nhiều bề bộn, nhưng chúng tôi cũng cố gắng dành chút thời gian quý báu để tường thuật lại những chặng đường đã đi qua trong "Hành Trình Thương Về Miền Trung". Không gì hơn là để đề trình lên chư tôn Đức trong hàng Giáo Phẩm GHPGVNTN Liên Châu, cùng chư tôn Đức Tăng Ni trên các châu lục thẩm tường và cũng để quý đồng hương Phật Tử khắp nơi tường tri những công tác Phật sự Từ Thiện Xã Hội cuối năm 2016, đầu năm 2017 mà Giáo Hội đã giao phó cho chúng tôi. Xin ghi nhận nơi đây lòng thành kính tri ân sâu sắc đến chư Tôn Đức Giáo Phẩm, chư Tôn Đức Tăng Ni và đồng hương Phật Tử đã chứng minh, yểm trợ, hưởng ứng lời kêu gọi qua Thông Tư Cứu Trợ Nạn Nhân Lũ Lụt Miền Trung



từ Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội GHPGVNTN Hoa Kỳ, Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội của GHPGVNTN Úc Châu và Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội GHPGVNTN Âu Châu. Đồng thời chúng tôi cũng gửi lời tri ân đến các báo, đài, truyền thông, các website Phật giáo đã phổ biến các Thông Tư Cứu Trợ, cũng như hình ảnh gây quỹ, hình ảnh các đợt ủy lạo... Đặc biệt, chúng tôi chân thành cảm ơn TT. Thích Nguyên Tạng, Chủ Nhiệm Trang Nhà Quảng Đức, đã hoan hỷ dành thời gian quý báu của mình để cập nhật đăng tải đầy đủ những thông tin và hình ảnh của chuyến cứu trợ. Chúng tôi cũng chân thành tri ân chư Tôn Đức Tăng Ni và quý đạo hữu đã hoan hỷ đồng hành cùng phái đoàn trong chuyến ủy lạo đợt 2 vừa qua được thành tựu viên mãn, chan hòa tình thương, ấm áp tình người.

Chuyến ủy lạo cho đồng bào nạn nhân lũ lụt miền trung đã khép lại, nhưng hình ảnh người dân nghèo, những trẻ thơ khuyết tật, những mảnh đời bất hạnh, những con đường nhỏ bé, gập ghềnh, lầy lội của bao làng quê nghèo nơi miền đất mẹ thân yêu vẫn còn đọng lại nơi tâm tưởng mỗi thành viên trong đoàn, khiến cho chúng tôi cứ mãi xót thương, bùi ngùi, xúc động.

Chỉ còn vòn vẹn 8 ngày nữa là năm Bính Thân khép lại. Niềm hân hoan đón chào Xuân mới đang chuyển mình trên ngàn hoa nội cỏ. Trước thềm Xuân Đinh Dậu, chúng con/tôi kính gởi đến chư Tôn Giáo Phẩm, chư Tôn Hòa Thượng, chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, quý Ni Trưởng, Ni Sư, chư tôn Đức Ni và đồng hương Phật Tử lời chúc lành năm mới vạn sự an khang, cát tường như ý. Chúng tôi cũng thầm chấp tay cầu nguyện cho những nạn nhân lũ lụt tại miền Trung Việt Nam, những mảnh đời bất hạnh... sớm được bình an, thăng hoa trong cuộc sống.

Nam Mô Đường Lai Hạ Sanh Từ Thị
Di Lạc Tôn Phật.

Tường Thuật

Tỳ Kheo Thích Thông Hải
Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội
GHPGVNTN HK

Phương trời cao rộng

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

Chương mười bốn

(kỳ 2 - tiếp theo kỳ trước)

Tết năm ấy, chú Sáng và các chú trong nhóm Nha Trang đều trở về. Tôi không về mà cùng đi Huế với chú Tửu. Ngày mồng một, tôi đón giao thừa tại Phật học viện. Qua mồng hai, tôi và Tửu mới rời viện để đi Huế. Trước hết, cùng đến chùa Tam Bảo ở Đà Nẵng để gặp chú Tâm Hạnh. Chú Tâm Hạnh như đã nói ở trước, là đệ tử lớn nhất của thầy tôi. Ở Phật học viện Phổ Đà, chú ấy là tăng sinh xuất sắc của viện. Nhưng rồi không biết do ảnh hưởng từ kinh điển, từ bạn bè, hay từ sở thích, chú Tâm Hạnh bỗng bỏ Phật giáo Bắc tông để chuyển qua Phật giáo Nam Tông (Theraveda, tức Phật giáo Nguyên thủy). Vì thay đổi tông phái, dĩ nhiên chú không còn theo học Phật học viện Phổ Đà nữa.

Chúng tôi đến Chùa Tam Bảo vào giỗ trưa, nhằm lúc chư tăng ở đây đang thọ trai. Chúng tôi đứng ngoài nhìn vào, thấy một bàn đầy các món thịt cá thì giật mình. Dù đã biết trước chuyện chay mặn chẳng quan trọng hay ảnh hưởng gì đến vấn đề giải thoát giác ngộ, chúng tôi cũng chưa dễ chấp nhận được chuyện thịt cá bày ra trong cửa chùa. Chú Tâm Hạnh được thông báo có khách, ra gặp chúng tôi thì mừng rỡ, nhưng cũng nói ngay cho chúng tôi khỏi bối rối, thắc mắc:

“Truyền thống Nam tông họ ăn chay khác với ăn chay của mình. Chữ *trai*, tức là chay, được hiểu là ăn một ngày một bữa vào giờ ngo và thí chủ dâng cúng thứ gì thì hoan hỷ ăn thứ nấy, không phân biệt. Ăn chay như thế khác với ăn chay theo nghĩa chỉ ăn thực vật như bên Bắc tông mình. Tôi theo họ nhưng cũng chưa quen chuyện cá thịt, vẫn phải ăn chay như xưa.”

Biết chúng tôi sắp đi Huế, chú Tâm Hạnh cũng muốn đi. Chú vào thu xếp hành lý, bỏ vào cái dây nhỏ, theo chúng tôi đi ngay. Ra Huế, chúng tôi được chú Tâm Hạnh đưa đến chùa Thiên Lâm trước. Đây là ngôi chùa thuộc hệ phái Nam Tông, được cất trên núi. Vị Thượng tọa viện trưởng ở đây cũng là một vị thầy từ Bắc tông đổi qua. Thượng tọa cũng quen dùng chay theo Bắc tông nên dù đã chuyển qua Nam tông từ lâu, vẫn cứ dùng thực vật chứ không dùng được cá thịt. Lúc chúng tôi đến chùa, Thượng tọa đi vắng chưa về. Dạo cảnh một lúc, chúng tôi được báo cho biết là Thượng tọa đang trên đường hướng về chùa. Thượng tọa có định lực và đức độ rất cao, khi vừa trông thấy ngài từ ngoài bước vào cổng, tự dưng chúng tôi quỳ lạy ngài ngay trên nền đất ở ngoài sân.

Chúng tôi ở lại đây một đêm. Thượng tọa tế nhị, biết chúng tôi bên Bắc tông ăn chay và có ăn bữa chiều nên cho người xuống núi nhờ một gia đình thí chủ thân tín nấu cháo chay đem lên cho chúng tôi.

Sáng hôm sau, chú Tâm Hạnh đưa chúng tôi đến chùa Linh Mục và một số chùa nổi tiếng khác như Tường Vân, Kim Tiên, Từ Hiếu, Từ Đàm, Linh Quang v.v... Đến chùa Linh Mục, chúng tôi tình cờ gặp thầy Trí Siêu (Lê Mạnh Thát) từ Sài Gòn mới ra. Trước đây, thầy Trí Siêu tu ở chùa này. Chú Tâm Hạnh cho tôi biết thầy ấy là một trong những du học sinh xuất sắc nhất tại Mỹ; thầy ấy đã lấy ba bằng tiến sĩ Y khoa, Nhân chủng học và Triết học. Thầy Trí Siêu mới về nước năm ngoái. Dùng cơm trưa tại chùa Linh Mục, chúng tôi nghe kể về sinh hoạt học đường tại Mỹ. Nghe chuyện du học tôi thấy thích thú, nhưng cái tâm ý quê mùa bảo thủ của tôi lại cảm thấy sợ hãi đời sống Mỹ. Tôi tự nghĩ, nếu được một phép du học, chắc tôi sẽ chọn một nước Á châu nào đó chứ không chọn Mỹ hoặc các nước Âu châu. Dù sao, cuộc gặp

gỡ ngắn ngủi trong bữa ăn cũng mở rộng tầm nhìn của tôi. Nhớ hồi chưa xuất gia, tôi đã từng chán ghét chuyện học. Nỗi chán ghét ấy bây giờ không còn nữa thì phải. Có lẽ tôi đã trưởng thành và đã trở thành một người “hiếu học”! Ô, du học! Hai chữ ấy nghe thật lôi cuốn.

Trước khi rời Huế, chúng tôi đến thăm viếng Thành nội nhưng người ta bảo là mất an ninh, cấm vào. Lại là hậu quả của chiến tranh. Đành ở chơi phía ngoài Phu Văn Lâu rồi ra bến xe, trở về.

Chúng tôi không về thẳng Đà Nẵng mà xuống xe tại Lăng Cô, gần đèo Hải Vân. Nơi đây có tịnh thất Huyền Không của sư Viên Minh và sư Giới Đức, hai vị sư trẻ và lỗi lạc của Phật giáo Nam tông. Huyền Không là tên gọi chung vài cái cốc nhỏ được cất trên một ngọn núi ở Lăng Cô. Mỗi sư có một cốc riêng. Ngoài ra còn có một thư viện nhỏ, nhiều sách. Cốc đều được cất bằng gỗ, đánh vệt-ni bóng loáng. Mái lợp bằng lá dừa, rất đẹp và mát. Cốc có bốn vách vuông vức, với một cửa chính và hai cửa sổ lớn mở ra hai bên, khoảng khoát. Hai mái lợp đứng, kiểu tháp, như của Thái-Miên. Cửa chính của thư viện mở ra phía biển ở xa xa. Tôi thầm nghĩ: “Ăn tu nơi một cảnh trí hữu tình thơ mộng như vậy thì còn gì sung sướng bằng... Tuy nhiên, có phải chăng, khi người tu say đắm cảnh đẹp thiên nhiên thì cũng có thể say đắm vào sắc dục hay bất cứ vẻ quyến rũ nào khác của cuộc đời? Vì thực ra, điều cốt yếu của giải thoát là dẹp bỏ sự say đắm chứ đâu phải dẹp bỏ hay xa lìa những đối tượng, đối cảnh...”

Dù sao, tôi cũng không ngăn được sự rung động trước một cảnh trí mệnh mông tuyệt đẹp như vậy. Bờ biển Lăng Cô đá lớn, đá nhỏ mọc lờm chờm. Sóng vỗ ì ầm đánh tung bọt trắng trên những tảng đá phủ rêu ấy. Thuyền chài dầm chĩa như đứng lặng ngoài khơi. Nơi đây còn hoang sơ thơ mộng hơn núi đồi Trại Thủy Nha Trang. Tôi đứng chết sững trên núi, nhìn về muôn dặm xa, nơi mà sóng biển trườn lên, níu lấy chân trời. Vẫn có cái gì khó hiểu, mơ hồ nhưng đầy hấp lực nơi khoảng trời xa ấy.



Huyền Không Sơn Thượng ở Huế của Sư Minh Đức Triều Tâm Ảnh. Sư Minh Đức là Sư Giới Đức nói trong truyện. Huyền Không năm ấy không còn ở Lăng Cô nữa.



Khi chúng tôi vào học lại đâu được một tuần thì có Thượng tọa Đồng Minh từ Nha Trang đi Huế và Đà Nẵng, ghé thăm Phật học viện. Thượng tọa là giám đốc xưởng vị trai Lá Bờ Đề, một cơ sở sản xuất khá qui mô của Tỉnh giáo hội Nha Trang. Thượng tọa cũng là giám học của Phật học viện Hải Đức, và trong Viện Hóa Đạo, Thượng tọa là Vụ trưởng Vụ Phật học viện. Đây là chuyển công du thăm viếng các Phật học viện trên toàn quốc để nghe ngóng tình hình sinh hoạt của các Phật học viện đồng thời thông báo các chương trình đặc biệt của Vụ Phật học viện nhằm nâng đỡ các học tăng xuất sắc. Dĩ nhiên đó là chuyện mà Thượng tọa Đồng Minh bàn riêng với Thượng tọa giám viện và ban giám học, học tăng chúng tôi không sao biết được. Nhưng sau đó, tin tức cũng đến tai tôi, do thầy Giải Trọng, vị giám sự của Phật học viện kể lại. Tin ấy quả thực làm tôi phấn khởi vô cùng.

Với sự hỗ trợ của Giáo hội trung ương, Vụ Phật học viện tìm cách cho đi du học các tăng sĩ xuất sắc ở các địa phương, đặc biệt là các học tăng đang theo học tại các Phật học viện toàn quốc. Chuyện đi du học ở quốc gia nào thì chưa rõ, có lẽ còn tùy thuộc ở điều kiện tài chánh cũng như sự vận động ngoại giao của Giáo hội trung ương. Nhưng riêng Ấn Độ và Thái Lan thì đã rõ: Giáo hội có thể cho tăng sĩ thành niên hay vị thành niên đi du học tại hai nước này. Thầy Giải Trọng nói với tôi:

“Phật học viện mình sẽ giới thiệu vài học tăng, hay ít nhất cũng một học tăng. Chú nào được chọn thì chưa biết, nhưng chú Khang thì nghe Thượng tọa giám viện có thưa chuyện trước với Thượng tọa Đồng Minh rồi. Chắc chắn là chú được chọn vì là tăng sinh xuất sắc nhất của viện. Chỉ cần trau dồi thêm tiếng Anh nữa là xong. Trình độ trung học cũng qua Ấn học được chứ không cần phải xong Tú tài hay bậc Đại học.”

Tôi vẫn thường có ước mơ được hành hương xứ Phật. Nhưng tôi không thể tưởng được rằng ước mơ ấy có thể đến với tôi dễ dàng và kề cận như vậy. Mặc dù chưa có tin chính thức nào trên văn bản, tôi vẫn thấy đó là điều có thể xảy ra, hầu như không còn là ước mơ nữa mà sắp trở thành hiện thực. Ừ nhỉ, mới hôm Tết gặp thầy Trí Siêu, không phải tôi đã nảy sinh trong lòng ước muốn được du học đó sao! Sợ không thích hợp với Mỹ quốc thì du học Ấn Độ, cũng là du học thôi. Nhưng ở Ấn Độ còn thăm viếng các Phật tích, được sống lại với khung trời cũ một thời lưu dấu chân Phật.

Tuổi trẻ có nhiều ước mơ. Ước mơ này chồng lên ước mơ kia. Cái nào mạnh thì trùm lấn. Cái nào kề cận dễ thành thì nổi bật. Khi chuyện giáo hội nâng đỡ học tăng du học đến tai tôi, ước mơ xuất ngoại bỗng lớn nhanh như thổi. Nó chiếm khá nhiều thì giờ rảnh của tôi. Tôi tìm đọc thêm và đọc lại một số sách về lịch sử Ấn Độ cũng như các sách viết về những Phật tích. Có khi tôi nằm mơ thấy mình đang đứng

bên cội cây bồ đề mà năm xưa đức Phật thành đạo.

Nhưng chỉ vài ngày sau, có tin Tổng thống ra lệnh tổng động viên các tu sĩ Phật giáo trong tuổi quân dịch nếu những vị này xuất gia chưa được năm năm. Lệnh ấy không ảnh hưởng gì đến cá nhân tôi cả, vì lúc ấy tôi chỉ mới mười sáu tuổi, chưa đến tuổi quân dịch, còn thời gian xuất gia thì tôi cũng chỉ còn vài tháng nữa là được năm năm rồi. Tuy nhiên, lệnh tổng động viên này đã làm chấn động, xôn xao trong giới tu sĩ trẻ Phật giáo. Viện tôi có khoảng mười chú dính vào lệnh tổng động viên này. Tin đồn rằng có thể chính phủ sẽ động viên những tu sĩ trong tuổi quân dịch chứ không loại trừ những người xuất gia trên năm năm. Tôi biết có nhiều chú xuất gia từ nhỏ, nhưng ở chùa không hề làm cho một tờ giấy gì để chứng minh ngày tháng xuất gia của họ. Nhất là ở các chùa tư (học tăng chúng tôi thường gọi như vậy để phân biệt với Phật học viện) và các chùa ở thôn quê, xuất gia thì xuất gia, chẳng ai nghĩ đến chuyện làm giấy tờ gì. Bây giờ gặp chuyện mới giật mình. Nhiều chú lo viết thư về chùa gốc của mình để xin thầy bổn sư tìm cách chứng minh. Không khí trong viện thật căng thẳng. Tôi nhìn các chú trong tuổi quân dịch mà thấy ngậm ngùi, thương cảm. Tôi không thể tưởng tượng được những chú tiểu quanh năm suốt tháng, tụng kinh, niệm Phật, ăn chay giữ giới lại có thể cầm súng ra trận để bắn vào đối phương. Những chú tiểu ấy, đến con kiến cũng không dám giết. Lỡ có bị kiến cắn nhẹ tay mà gỡ nó ra, thả cho nó bò đi chỗ khác. Bước chân đi cũng sợ chết oan những loài sâu bọ dưới đất, cứ phải đọc bài chú nguyện để cầu nguyện sẵn cho loài nào vô tình bị chết dưới những bước chân của mình. Tâm tư hạnh nguyện như vậy đó, bây giờ phải ra cầm súng bắn giết, có phải là điều trở trêu lắm không? Chú Đồng Nguyên, thư ký văn phòng của Phật học viện, đưa nhật báo cho chúng tôi xem. Báo chí đăng liên tục về lệnh tổng động viên ấy. Viện trưởng Viện Hóa Đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, lúc đó là Hòa thượng Thích Trí Thủ, đang vận động chính phủ bãi bỏ lệnh tổng động viên nhằm vào tu sĩ Phật giáo. Chưa biết kết quả thế nào. Báo chí còn ước chừng số tu sĩ Phật giáo cả nước năm trong tuổi quân dịch (không kể là đã xuất gia được bao lâu) là mười ngàn người. Có chú buột miệng nói:

“Một đạo quân lớn! Đạo quân hòa bình! Cứ xếp hàng ra đứng ở giữa hai phe đang bắn giết nhau, kêu họ ngưng bắn, vậy là có hòa bình rồi nhì!”

Các chú cùng cười. Có chú chêm vào thêm:

“Không, mười ngàn người thì mình chia ra làm hai: năm ngàn người cầm mõ, năm ngàn người cầm chuông, ra trận cứ gõ lên mà tụng vang bài chú Đại Bi là Việt cộng cũng chạy trốn hết!”

Đến nước này mà còn giỡn như vậy thì chỉ còn biết cười ra nước mắt. Nhưng thực tế có thể là vậy. Vũ khí của người tăng sĩ Phật giáo chỉ có lòng thương rộng lớn (đại bi) mà thôi. Mọi hành xử của họ đối với con người, đối với cuộc đời, đều do sự tác động của lòng thương. Và nếu trực diện với hận thù, tàn ác, những con người này chỉ biết lấy lòng thương để đáp lại chứ chẳng có tâm địa nào khác hơn.

Tình hình chiến sự trong nước càng lúc càng sôi bỏng. Chúng tôi, dù muốn dù không, cũng phải nghe biết. Mỗi ngày chúng tôi vẫn cắp sách đến trường, nhưng tinh thần học coi mỗi đã xuống dốc. Không khí lớp học cũng rời rã. Giáo sư vào lớp chỉ nói chuyện chính trị. Thầy Viêm chủ nhiệm lớp tôi đã có lệnh gọi đi tác chiến. Không biết thầy ấy ra đi có mang theo hình ảnh “Mơ hòa bình” của đặc san lớp học không. Rồi nghe rằng có lệnh rút quân của Tổng thống. Nghe rằng Buôn Mê Thuật đã bị mất. Nghe rằng các tỉnh cao nguyên nối tiếp nhau, rơi vào tay Việt cộng. Đến nước đó thì các giáo sư hết mở lời, vào lớp chỉ ngồi thờ ơ, im lặng, ngó mông lung ngoài cửa sổ, hút thuốc tự nhiên trước mặt học sinh, thỉnh thoảng lại ngáp dài. Học sinh uể oải theo. Thầy Châu giám học vào lớp cho biết toàn trường phải lo thi đệ nhị lục cá nguyệt sớm hơn một tháng. Tình hình căng quá, học và thi cũng phải rút ngắn lại. Thầy giám học làm xong nhiệm vụ thông báo mà vẫn không muốn rời khỏi lớp tôi. Trong lớp học có nhiều tu sĩ, nhiều chú tiểu ngây thơ như lớp tôi, có lẽ thầy muốn nắn nắn tâm sự hay giải bày gì đó. Nhưng rồi thầy cũng phải bước ra. Nhìn chúng tôi lần cuối, nhún vai, rồi đi thẳng... Có cái gì đó sắp xảy ra rồi.

Ở viện, Thượng tọa giám viện và ban giám đốc thường cùng nghe đài VOA, BBC và đài phát thanh Sài Gòn vào mỗi sáng sớm và chiều tối. Báo chí đến Hội An thường chậm trễ và hiếm. Chỉ có ra-đi-ô là có thể mang lại tin tức nhanh chóng nhất cho Phật học viện chúng tôi mà thôi. Mỗi ngày tin tức càng nóng bỏng, sôi sục hơn. Các thầy ngồi nghe không biết đã nghe được gì, chỉ thấy thầy thì lắc đầu, thầy thì thờ dài. Không khí tu học ở viện cũng bị ảnh hưởng tin tức thời sự không ít. Thượng tọa giám viện có vẻ buồn, thường trầm ngâm, giảng không hứng thú nữa. Các giờ học khác đều được cho nghỉ sớm. Có giờ được nghỉ hẳn.

Nhưng chưa có lệnh nghỉ thì học tăng chúng tôi như thường lệ, vẫn cứ xếp hàng dọc xuống trường Bồ Đề mỗi chiều (năm ngoái là buổi sáng, năm nay đổi lại). Con đường từ viện ra đến đường nhựa gần hai cây số đường đất, vẫn êm đềm lặng lẽ chạy vòng qua những rừng tre và đồng ruộng xanh ngát dưới cơn nắng cuối xuân. Có những con chim nhảy nhót trên bụi dâm bụt nhà ai. Dăm con cò trắng chậm rãi bước trên khoảng ruộng ngập nước. Bầu trời không mây xanh ngắt một màu. Chúng tôi bước đi một đoàn người, mà nghe không khí tịch mịch, im vắng kỳ lạ. Nhưng vừa đến

khoảng đầu đường, chỗ quán bánh mì bà Đạo, chúng tôi bỗng nghe tiếng ồn ào huyền ảo dễ sợ như vỡ ra ở phía trước.

Chúng tôi tiếp tục bước đến chỗ giáp với đường nhựa thì không thể bước qua đường được nữa. Đoàn tăng sinh tự động tan hàng một cách bở ngỡ, bàng hoàng vì cảnh tượng xảy ra trước mắt: một dòng nườm nượp xe cộ và người.

Xe cộ ùn ùn chạy qua, còi xe bấm inh ỏi, tiếng người la hét, gào thét vang rền. Nhiều người tay nắm tay dắt mấy đứa con, vừa chạy vừa khóc. Xe lớn, xe nhỏ, xe gắn máy, xe đạp, xích lô, xe bò... và cả những người chạy bộ, đều rầm rầm hướng về phía Đà Nẵng. Những khuôn mặt cuống quýt chạy qua đều hớt hơ hớt hải, xanh lét xanh lét, trông thật thảm hại. Tưởng chừng chưa có niềm khiếp sợ nào to lớn hơn. Chú Tường dạn dĩ chặn người quen lại hỏi thăm chuyện gì mà mọi người bỏ chạy hoảng loạn như vậy. Có người chỉ kịp lắc đầu rồi tiếp tục chạy, có người chẳng nói một tiếng. Cuối cùng mới có người trả lời gọn một câu:

"Việt cộng đánh chiếm Quảng Ngãi hồi trưa nay."

Té ra là vậy. Tin đồn lan đi rất nhanh ở thị xã Hội An từ những đồng bào ở Quảng Ngãi chạy trốn Việt cộng theo ngã biển vào cửa Đại (cửa biển của Hội An). Chẳng biết đài phát thanh đã thông báo tin ấy chưa mà đồng bào Hội An đã tuân chạy như vậy rồi.

Nhiều chú nghe chuyện đã muốn quay về nhưng chú chúng trưởng bảo cứ đi thẳng xuống trường Bồ Đề coi có được phép nghỉ học chưa. Vậy là theo kỷ luật tập thể, chúng tôi cứ ngược dòng thác người đó mà đi. Đúng là một dòng thác người, cuộn cuộn chảy tới, không có khe hở, không có ngừng nghỉ. Ở bến xe Hội An-Đà Nẵng, cứ mỗi chiếc xe đồ từ Đà Nẵng vừa cập bến, người ở trên chưa kịp bước xuống thì người ở dưới đã nhảy phốc lên, giành giật chỗ ngồi, la hét ồm ồm. Nhưng người từ Đà Nẵng về thì chỉ lác đác. Có lẽ họ có việc phải về Hội An để thu xếp chi đó. Có xe từ Đà Nẵng về chỉ là xe không. Hành khách đứng ngồi chật cứng ở bến xe. Xe chưa đậu hẳn là đã hết chỗ ngồi. Nhiều người nhảy đại lên mui, tự xếp hành lý và chỗ ngồi cho mình và gia đình. Học tăng chúng tôi hơn bốn chục người bây giờ nhìn lại chẳng thấy ai. Tàn mác ở đâu hết rồi. Chúng tôi lạc nhau, chúng tôi tan loãng vào giữa dòng người. Quanh tôi chỉ còn Sáng và Hưng. Có lẽ vì chúng tôi bước chậm. Chúng tôi lần mò đi được một đoạn thì lại lạc mất chú Hưng. Chỉ còn tôi và Sáng. Giữa dòng người ùn ùn kéo chạy, chúng tôi bỗng thấy lạc lõng, bơ vơ. Người ta dắt díu nhau bỏ chạy, nào cha nào mẹ, nào anh chị em khăng khít đùm bọc nhau. Chúng tôi thì lững thững bước. Không người thân bên cạnh. Các chú khác đã quay về Phật học viện hoặc tụ lại với nhau ở một địa điểm nào rồi. Tôi nhìn Sáng, tự dưng thấy tội nghiệp và thương chú quá. Dù sao thì Sáng cũng nhỏ



hơn tôi hai tuổi. Lần đầu tiên, tôi nắm lấy tay chú dắt đi như dắt một đứa em nhỏ. Tôi muốn an ủi và tỏ chút tình huynh đệ với chú trong lúc chạy loạn này. Tưởng là mình lớn hơn bảo bọc chú, trấn an chú, nào ngờ khi đi ngang một cây xăng nhỏ bỗng nghe nổ một tiếng "ầm," lửa phụt cháy, chú Sáng vụt khỏi tay tôi, bỏ chạy, lanh như con mèo. Tôi chỉ vừa quay đầu ngó vào cây xăng, rồi ngoảnh lại đã thấy chú đứng cách xa mình cả hai chục thước. Thấy không có gì xảy ra, chú mới dừng lại để chờ tôi. Người chủ cây xăng đã dập lửa kịp thời. Khi tôi bước theo kịp, chú Sáng nói một câu chữa thẹn:

"Tưởng đâu có bom đạn gì nổ chứ!"

Chú ấy có vẻ xấu hổ khi bỏ tôi mà chạy vì một chuyện không đáng gì. Nhưng tôi chẳng chấp trách gì chuyện đó. Tôi chỉ tự hỏi, nếu cây xăng nổ tung, có phải là một người chậm chạp, khờ khạo và khư khư giữ lấy oai nghi tế hạnh như tôi sẽ không thể nào tránh khỏi tai nạn lớn chẳng? Đây là do sự định tâm lâu ngày mà tôi bình tĩnh trước hoàn cảnh hay chỉ vì bản năng tự vệ và phản ứng cơ thể của tôi bị chậm lụt, trì trệ?

Đi thêm một khúc đường, chúng tôi gặp các chú đi trước quay ngược trở lại. Các chú kéo chúng tôi cùng về viện. Họ nói:

"Trường Bồ Đề cũng đã đóng cửa. Không có ai ở đó cả. Ông cai trường cũng kéo gia đình chạy đi rồi!"

Lối về ngang qua đồng ruộng và rừng tre xanh, nhưng lòng tôi đã nặng trĩu. Mấy con chim từ bờ đậu nhà ai hoảng hốt bay về phía mộ địa. Đàn cò trắng cũng đã bay đi đâu mất dạng phương nào rồi.

Vào bữa cơm chiều hôm ấy. Thượng tọa giám viện tuyên bố giải tán Phật học viện. Ai nấy nghẹn ngào nuốt cơm không vô nữa. Học tăng chúng tôi biết chuyện học, chuyện tu của mình rồi sẽ bị chướng ngại, gián đoạn, bao mộng ước lớn nhỏ đều tan vỡ, và chúng tôi chỉ còn chung sống với nhau một đêm cuối cùng này nữa thôi.

(mời xem tiếp chương 15, chương cuối cùng)

Vĩnh Hào